



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Chủ bút: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: PixxelTeufel (Pixabay.com)

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

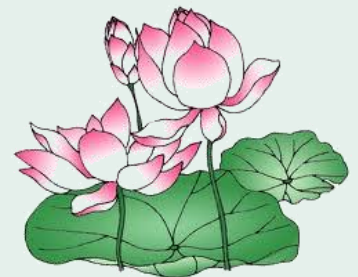
Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mẫu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file (từ MS. document / PDF) qua email:

baivochanhphap@gmail.com.
Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ◆ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ XUÂN ĐẾN VUI GI? (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 8
- ◆ NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ◆ KHI GIỮA ĐỜI THƯỜNG (thơ Mặc Phương Tử), trang 12
- ◆ BẢN TÍNH CON NGƯỜI VÓN VỊ KỶ HAY VỊ THA? (Nguyễn Hạnh dịch), trang 13
- ◆ THƯ CUNG THỈNH CHỨNG MINH/THAM DỰ ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL.2562 (TK. Thích Pháp Tánh), trang 15
- ◆ HOÀI NIỆM HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ THỦ (Quách Tấn), trang 16
- ◆ CÔ ĐỘC HÀNH, HOÀI HƯƠNG (thơ Phù Du), trang 18
- ◆ ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA NÓI VỀ PHẬT GIÁO ỨNG DỤNG, t.t. (Tuệ Uyển dịch), trang 19
- ◆ KHÓC TÓ NHƯ (thơ Diệu Viên), trang 22
- ◆ ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU: NI SƯ THÍCH NỮ NHƯ THỦY VIÊN TỊCH (Tổng vụ Ni Bộ), trang 23
- ◆ TƯỜNG NIỆM NI TRƯỞNG THÍCH NỮ NHƯ THỦY (TN Như Đức), trang 24
- ◆ NHỮNG BÀI HỌC TỪ CÁCH ỨNG XỬ (TN. Như Bảo), trang 26
- ◆ MỘT VÀNG TRẮNG (thơ Vĩnh Hào), trang 27
- ◆ VEN. SANGHARAKSHITA (1925 -) (HT. Thích Trí Chơn), trang 28
- ◆ TÀI ÔNG THẮT MÀ – Câu chuyện dưới cờ (Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ◆ CÁC PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC TRONG GIÁO LÝ PHẬT ĐÀ – Phật Pháp Thứ Năm (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ◆ THIÊN LÂM TẾ VÀ PHẬT GIÁO ĐÀNG TRONG (Nguyễn Lang), trang 36
- ◆ NÊN CHỌN HÓA THÀNH HAY BẢO SỞ (Thích Viên Thành), trang 39
- ◆ LÒNG THAM TAI HẠI (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 46
- ◆ KIẾNG CHÙA XƯA (Tiểu Lục Thần Phong), trang 47
- ◆ PHẬT TỬ VÀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI (Nguyễn Giác), trang 48
- ◆ EM Ở ĐẦU GIỮA MÙA ĐÔNG (thơ Du Tâm Lăng Từ), trang 50
- ◆ CHẬP TAY LẠY NGƯỜI (Nguyễn Minh), trang 51
- ◆ TRUYỆN NGÁN TRĂM LINH TÂM CHỦ (Steven N.), trang 56
- ◆ NẤU CHAY: MĂNG KHO CHAY (Gia Phương), trang 57
- ◆ THÈNH THANG BA LA MẬT (Hạnh Chi), trang 58
- ◆ STORY OF THERA BHADDIYA: THE DWARF (Daw Mya Tin), trang 62
- ◆ KHÔNG PHẢI VIỆC CỦA TÔI... (thơ Huệ Trân), trang 63
- ◆ NỬA THẾ KỶ, VẪN MỘT MÀU TANG CHO HUẾ (Diệu Trang), trang 64
- ◆ CHÙA QUÊ (Thu Nguyệt), trang 68
- ◆ TRỌNG PHÁP (Truyện cổ Phật giáo), trang 69
- ◆ CON THIÊN NGA ĐƯỢC YÊU QUÁ (Quỳnh Chi dịch), trang 70
- ◆ TÂM THƯ VẠN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÀM CHÙA BÁT NHÃ (HT. Thích Nguyên Trí) 72
- ◆ DINH DƯỠNG VÀ VẬN ĐỘNG CƠ THỂ (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 73
- ◆ MỘT NỖI BUỒN MANG MỘT TÊN RIÊNG (thơ Nguyệt Thảo), trang 74
- ◆ BỤI ĐƯỜNG – chương 5, t.t. (Vĩnh Hào), trang 76



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 77, tháng 04.2018, do Chùa Pháp Vũ (Florida) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

DÒNG SÔNG QUA ĐI...

"You could not step twice into the same river..."
— Heraclitus

Khi dòng sông phút trước không còn là dòng sông phút sau, thì đời người phút trước cũng không giống đời người phút sau.

Theo dòng thời gian, mọi thứ trôi qua còn nhanh hơn thế nữa.

Nhưng thời gian có không, trong sự dịch chuyển của đơn vị vật chất nhỏ nhất (neutron, proton, quantum, photon...)? Một phần triệu giây, hoặc ngắn hơn! Có đơn vị thời gian nhỏ nhất hay không? Có tên gọi cho một khoảnh thời gian quá nhỏ nhiệm như thế không? Thời gian, đối với lý thuyết vật lý hiện đại, chỉ còn là một khái niệm, dường như có, dường như không, hoặc không hề tồn tại, hoặc tồn tại như một ảo tưởng, ảo giác từ tâm thức, hoặc như là một mộng ảo từ sự sinh diệt của một lượng tử, một hạt 'ánh sáng' hay 'sóng' mờ hồ tức-hữu tức-vô. Long Thọ (1) từ thế kỷ thứ hai chẳng đã từng nói là không làm gì có thời gian hay sao! (2) Vì thời gian do nơi vật thể mà có; mà vật thể như *photon* (hạt căn bản—elementary particle) còn không thể nói là có hiện hữu như là một "vật" thì thời gian làm gì hiện hữu? (3)

Dù sao, trong cuộc sống hàng ngày, trong hiện tượng dịch chuyển của vật chất hay tinh thần, của con người và mọi sự mọi vật, người ta không thể phủ nhận có một dòng chảy, một dòng biến thiên, thay đổi, tương tục, trong từng khoảnh khắc vi tế nhất (mà đạo Phật gọi là *sát-na sinh-diệt*).

Và người ta không thể phủ nhận có dòng sông trôi qua những xóm làng; với những bờ lau, bãi cỏ, những hàng cây rũ bóng trên mặt nước phù sa.

Đời người cũng trôi qua như một dòng sông.

Ngày đón mặt trời, đêm hứng trăng sao, tranh vân cầu trái dài năm tháng.

Nước xuống, nước lên, cuốn theo vô số những bùn đục hỉ, nộ, ái, ô...

Bên lở, bên bồi, đẩy đưa thuyền bến nọ, bờ kia.

Nào người giặt giũ, tắm mát; nào người phóng uế, xả rác... sông vẫn lặng lẽ, kham nhẫn, cứ mang và chuyên chở tất cả.

Và cũng có khi gió lạnh, sóng yên, nước trong veo ảnh hiện một vầng trăng vắng vạc, ngời sáng.

Sông như thế, đời người cũng thế, vẫn một dòng trôi xuôi về biển lớn.

Hãy sống như một dòng sông. Đừng ngăn bít, đắp bờ, dựng cọc, che chắn đường ra đại dương. Đừng tự biến con sông thành vũng, thành hồ, rồi vui thích, đắm mình trong nước đọng ao tù.

Dòng sông, hãy trôi, và hãy qua đi...

(1) Long Thọ - *Nāgārjuna*, vị luận sư lỗi lạc của Phật giáo, sinh và mất tại Nam Ấn khoảng từ năm 150 đến 250 A.D. (sau công nguyên); tác giả của những bộ luận nổi tiếng, ảnh hưởng sâu rộng trong nền tư tưởng, triết học Phật giáo như *Trung Luận*, *Thập Nhị Môn Luận*, *Đại Trí Độ Luận*, *Hội Tránh Luận*...

(2) **Trung Luận**, phẩm Quán Thời thứ 19, bài kệ thứ 5, bản dịch của HT. Thích Thiện Siêu, trang 213: "*Thời đứng yên không thể có được, thời đi qua cũng không thể có, nếu thời không thể có được, thời làm sao nói tướng thời.*" (Nói cho rõ hơn: thời gian đứng yên không thể có, thời gian trôi đi cũng không thể có; nếu thời gian không thể có thì làm gì có tướng trạng của thời gian!)

"Thời trụ bất khả đắc / Thời khứ diệt phá đắc,
Thời nhược bất khả đắc / Vân hà thuyết thời tướng!"

時住不可得 時去亦叵得

時若不可得 云何說時相

(3) Sđd., bài kệ thứ 6, trang 214: "*Nhân nơi vật thể nên có thời gian, lia vật thể thì đâu có thời; nhưng vật thể còn không có, huống gì có thời.*"

"Nhân vật cố hữu thời / Ly vật hà hữu thời
Vật thượng vô sở hữu / Hà huống đương hữu thời."

因物故有時 離物何有時

物尚無所有 何況當有時

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NHẬT BẢN: Bảo tàng Quốc gia Tokyo triển lãm các kiệt tác cổ xưa của Nghệ thuật Phật giáo

Bảo tàng Quốc gia Tokyo đang triển lãm một bộ sưu tập các kiệt tác Phật giáo hiếm có, mang tên 'Các bảo vật từ chùa Ninna-ji và Omuro: các kiệt tác của Nghệ thuật Tenpyo và Phật giáo Mật tông Shingon'.

Là một phần của khoa Khảo cổ học và Triển lãm Đặc biệt Nhật Bản, bộ sưu tập quý hiếm này có khoảng 170 bảo vật - nhiều hiện vật trong số đó không thường được trưng bày công cộng - bao gồm tượng, tranh, đồ tạo tác tôn giáo, đồ gốm và thư pháp. Số bảo vật này thuộc ngôi chùa Ninna-ji ở Kyoto và các chùa khác có liên kết với trường phái Omuro của Phật giáo Nhật Bản.

Được thành lập vào năm 1872, Bảo tàng Quốc gia Tokyo là nơi lưu trữ toàn bộ các tác phẩm nghệ thuật và cổ vật từ nước Nhật và các nước châu Á khác. Đây là bảo tàng quốc gia

lâu đời nhất và là bảo tàng nghệ thuật lớn nhất ở Nhật.

Triển lãm về các bảo vật từ chùa Ninna-ji và Omuro, bắt đầu vào ngày 18-1, sẽ kéo dài đến ngày 11-3-2018.

(Buddhistdoor - February 15, 2018)

Một số bảo vật Phật giáo trưng bày tại triển lãm ở Bảo tàng Quốc gia Tokyo:



*Tượng Quán Thế Âm Bồ tát Nghìn tay, thế kỷ thứ 8, từ chùa Fujiidera (Osaka)
Photo: tokyoheadline.com*



30 tập kinh Mật tông, thế kỷ thứ 9, từ chùa Ninna-ji (Kyoto) Photo: innnaji2018.com



*Tượng A Di Đà Phật, thế kỷ thứ 9, từ chùa Ninna-ji (Kyoto)
Photo: the-japan-news.com*

*Tượng Phật mới xây, cao 45 feet, tại khu Chittagong Hill, Bangladesh
Photo: prothomalo.com*

BANGLADESH: Tượng Phật mới, cao 45 feet – một biểu tượng của sự hòa hợp xã hội

Một tượng Phật mới cao 45 feet, được xây trong khuôn viên của Tịnh xá Tainkhalipara Sanghamitva Seva Sangha (TSSSV) tại khu Chittagong Hill, đã trở thành một biểu tượng của sự hợp nhất cộng đồng trong một khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi xung đột và bất ổn.

Pho tượng Phật ngồi lớn nhất Bangladesh này được hoàn thành sau 2 năm xây dựng, với tổng kinh phí là 3.5 triệu taka (42,000USD).

Các khoản đóng góp đến từ các cộng đồng Phật giáo, Kitô giáo, Ấn giáo và Hồi giáo, cũng như từ các đại diện của chính quyền địa phương, và với sự hợp tác của các chính trị gia theo nhiều cách khác nhau trong quá trình xây dựng.

Trong vài năm gần đây, do xu hướng chống Phật giáo và các nhóm thiểu số khác gia tăng trong nước, chùa chiền và các tu viện cổ của Phật giáo tại Bangladesh đã bị tấn công. Và việc hoàn thành pho tượng Phật tại TSSSV- được xây từ quỹ tài trợ của các tôn giáo và các nhóm dân tộc khác nhau- đã trở thành biểu tượng của sự hợp tác và hòa hợp của đất nước.

(Buddhistdoor Global - February 15, 2018)



LIÊN BANG NGA: Tổng thống Putin chúc mừng Phật tử Nga nhân dịp Năm mới Âm lịch

Moscow, Nga – Từ trang chủ chính thức tại Điện Cẩm Linh (Kremlin), Tổng thống Nga Vladimir Putin đã gửi điện tín chúc mừng Phật tử Nga nhân dịp Năm mới Âm lịch. Ông viết:

“Điều quan trọng là cộng đồng Phật giáo Nga luôn giữ gìn di sản đạo đức và tinh thần vô giá và những truyền thống về bản sắc của tổ tiên, và luôn quan tâm đến các hoạt động giáo dục và từ thiện yêu cầu cao, chăm lo cho các giá trị gia đình và nuôi dạy các thế hệ trẻ, thúc đẩy đối thoại liên tôn giáo và liên dân tộc, cũng như việc củng cố hòa bình và hòa hợp trong xã hội”.

900,000 Phật tử tại Liên bang Nga ăn mừng Năm mới suốt một tháng, gọi là Tháng Trắng. Nó tượng trưng cho sự thanh tịnh hóa tâm linh và cuộc sống mới. Theo truyền thống, Phật tử tổ chức tiệc và đãi thân nhân và bạn bè của mình bằng các sản phẩm từ sữa.

(TASS – February 16, 2018)



Một nghi lễ thanh tẩy tại đền thờ Phật giáo Ivolginsky Datsan ở Buryatia, như một phần của các lễ mừng Năm mới Mậu Tuất
Photo: Andrei Ogorodnik

TÂY TẠNG: Chánh điện tại tu viện Jokhang không bị ảnh hưởng bởi đám cháy

Chính phủ Tây Tạng lưu vong tại Ấn Độ nói rằng vụ hỏa hoạn vào ngày 17-2-2018 tại tu viện Jokhang rộng lớn ở Tây Tạng đã không ảnh hưởng đến chánh điện của di tích lịch

sử 1,300 năm tuổi này.

Tu viện Jokhang được xem trung tâm tâm linh của Phật giáo Tây Tạng. Chánh điện của tu viện có nhiều bảo vật văn hóa Tây Tạng, bao gồm tượng Jowo Sakyamuni – một tượng Đức Phật lúc 12 tuổi có kích thước lớn bằng người thật.

Ngày 19-2, Thủ tướng Tây Tạng lưu vong Lobsang Sangay đã bày tỏ sự vui mừng vì đám cháy không ảnh hưởng đến chánh điện của tu viện Jokhang.

Không có ai bị thương tích trong vụ hỏa hoạn, và vẫn chưa biết được nguyên nhân của sự cố này.

(AP – February 19, 2018)



Đám cháy tại tu viện Jokhang, Tây Tạng
Photo: Daily Mirror

TOÀN CẦU: Các cộng đồng Phật giáo trên khắp thế giới mừng Năm Mới Âm lịch

TIN ẢNH: Phật tử trên toàn cầu trong những ngày gần đây đã tụ họp để mừng Năm Mới Âm lịch. Từ Hong Kong đến Houston, và từ Sydney đến Singapore, các lễ hội và nghi lễ Phật giáo đã diễn ra và chia sẻ trong khắp các cộng đồng Trung Quốc, Hàn Quốc, Tây Tạng, Việt Nam và nhiều nơi khác.

(Buddhistdoor Global – February 20, 2018)



NAM PHI: Hàng ngàn người tham dự các lễ Tết Âm lịch tại chùa Nam Hoa ở Bronkhorstspruit
Photo: iol.co.za



HOA KỲ: Hàng ngàn du khách viếng Hội Nghiên cứu Phật giáo Hoa Kỳ tại Phố Tàu đã dâng cúng nhang hương và trái cây
Photo: nydailynews.com



ANH QUỐC: Múa rồng qua các đường phố của Luân Đôn là một phần của các lễ mừng Tết Nguyên Đán
Photo: AFP

GIA NÃ ĐẠI: Thủ tướng Justin Trudeau tham gia một lễ cầu nguyện tại chùa Phật Quang Sơn trong chuyến thăm thành phố Mississauga (tỉnh Ontario, Gia Nã Đại)
Photo: mississauga.com





ẤN ĐỘ: Các nhà sư Tây Tạng tại Dharamsala trong lễ Losar (Năm Mới Tây Tạng)
Photo: tribuneindia.com



HOA KỲ: Đức Karmapa chủ trì lễ Losar tại Woodstock, New York
Photo: kagyuoffice.org



INDONESIA: Người Hoa tại Jakarta thắp nhang trong lễ Phật tại một ngôi chùa
Photo: trtworld.com



TRUNG QUỐC: Một phụ nữ cầu nguyện tại một ngôi chùa ở Công viên Badachu, Bắc Kinh
Photo: pinterest.com

NEPAL: Nhà sư ban phước cho những người leo núi Everest đã viên tịch

Lạt ma Geshe Odiyaana Vajra Rinpoche, 87 tuổi, nhà sư được biết đến nhiều nhất vì từng ban phước cho những người muốn chinh phục Núi Everest, đã viên tịch vào ngày 13-2 -2106 tại nhà ông ở làng Pangboche của người Sherpa ở Thung lũng Khumbu.

Cộng đồng Phật giáo Sherpa vùng Hi Mã Lạp Sơn - vốn nổi tiếng về việc hướng dẫn những người leo lên núi Everest - rất tôn kính Lạt ma Geshe.

Sinh ra trong cộng đồng Sherpa, Lạt ma Geshe đã đến Tây Tạng để nghiên cứu Phật giáo. Sau nhiều năm, ông đạt được thành tựu học vấn cao nhất về Phật học, tương đương với bằng tiến sĩ. Trong thời kỳ chiếm đóng của Trung Quốc vào thập niên 1950, ông rời Tây Tạng và cuối cùng trở về làng của mình.

Trong mùa leo núi, Lạt ma Geshe từng ban phước cho hàng trăm nhà leo núi bằng cách niệm chú cầu Miyolangsangma, vị thần Phật giáo sống trên đỉnh núi Everest - theo tiếng Tây Tạng là Chomolungma (Sơn Mẫu Nữ thần).

(Buddhistdoor Global - February 22, 2018)



Lạt ma Geshe ban phước cho người Sherpa
Photo: alanarnette.com

NGA: Các nhà sư từ trường Đại học Tu viện Drepung Gomang viếng thăm thủ đô Moscow

Moscow, Nga - Ba vị lạt ma cao cấp từ trường Đại học Tu viện Drepung Gomang, một trong những trung tâm

học tập, thiền định và thực hành Phật giáo Tây Tạng nổi tiếng nhất, đang viếng Moscow từ ngày 14-2 đến 11-3-2018 để giảng dạy về triết học Phật giáo, các truyền thống tôn giáo Tây Tạng và thực hiện các nghi lễ mật tông cho Phật tử Nga.

Tu viện Drepung, lớn nhất Tây Tạng, thành lập vào năm 1416. Tu viện được chia thành 7 trường cao cấp, trong đó trường Đại học Tu viện Drepung Gomang là lâu đời nhất. Trường này đã đào tạo nên nhiều học giả ưu tú, là những người đã đóng góp cho việc truyền bá Phật giáo Tây Tạng.

Sau năm 1959, có 60 nhà sư từ tu viện đã chạy trốn khỏi Tây Tạng và tái lập tu viện ở miền nam Ấn Độ.

Kể từ đó, chư tăng từ Mông Cổ, Nội Mông và Liên bang Nga đã theo học tại trường Đại học Tu viện Drepung Gomang để hoàn tất các nghiên cứu Phật giáo của họ.

Tu viện Drepung Gomang tại Ấn Độ hiện có khoảng 1,840 tăng sĩ, đứng đầu là Khen Rinpoche Geshe Lobsang Gyaltzen, người được Đức Đạt lai Lạt ma bổ nhiệm làm sư trụ trì vào năm 2015.

(buddhistdoor.net - February 22, 2018)



Các nhà sư từ trường Đại học Tu viện Drepung Gomang giảng pháp tại Trung tâm Văn hóa Dân tộc Selenge ở thủ đô Moscow, Nga
Photo: Sergei Chernyshev



ẤN ĐỘ: 'Thái Lan đã sẵn sàng để phát triển mạng mạch Phật giáo'

Visakhapatnam, Andhra Pradesh – Sau khi công bố xây dựng một đền thờ Phật giáo tại Amaravati, Thái Lan đã sẵn sàng hợp tác với bang Andhra Pradesh để phát triển một mạng mạch Phật giáo nhằm quảng bá với du khách quốc tế từ các nước thành viên ASEAN, Nhật Bản, Tích Lan và các nước khác đến thăm bang này.

Trong cuộc họp gần đây, Tổng Lãnh sự Thái Lan Krongkanit Rackcharoen cho biết Bộ trưởng Bộ Ngoại giáo Ấn Độ N. Chandrababu Naidu đã hứa sẽ giao 10 mẫu Anh tại Amaravati để xây dựng một đền thờ Phật đẳng cấp thế giới. Bà Krongkanit nói rằng có một tiềm năng to lớn để thu hút du khách quốc tế vì Phật giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ.

Bà nói một đội từ Thái Lan gồm các kiến trúc sư và các chuyên gia khác sẽ được phái đến Amaravati để hoàn thành công trình xây dựng đền thờ này sau phần làm đẹp cảnh quan và thiết kế.

Bà hy vọng rằng số lượng du khách Thái sẽ tăng đáng kể khi mạng mạch Phật giáo và dự án đền thờ tại Amaravati hoàn thành.

(buddhistchannel.tv – February 23, 2018)

Ý ĐẠI LỢI: Triển lãm Nghệ thuật Phật giáo Trung Hoa tại Venice

Đặt chân đến Trung Hoa cách đây hơn 700 năm, nhà thám hiểm nổi tiếng người Ý Marco Polo đã mô tả Đôn Hoàng trong cuốn niên sử chi tiết của mình như một trục chính trên Con đường Tơ lụa, tạo ra một sự liên kết chưa từng thấy giữa thành phố thương mại Đông phương này và Venice – để chế thương mại của Âu châu.

Để ôn lại ký ức và tình hữu nghị xưa kia của 2 quốc gia Ý Đại Lợi và Trung Quốc, cuộc triển lãm 'Viên ngọc quý của Con đường Tơ lụa: Nghệ thuật Phật giáo Đôn Hoàng' đã khai mạc vào ngày 22-2 tại trường

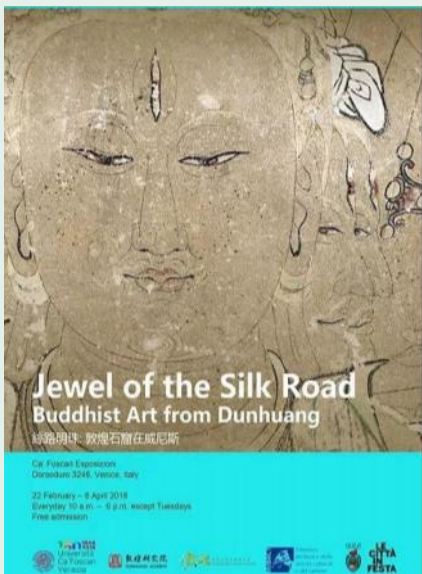


Đại học Ca' Foscari của Venice, thu hút nhiều học giả, chính khách và công chúng Ý. Triển lãm sẽ kéo dài đến ngày 8-4-2018.

Theo trường Đại học Ca' Foscari, việc thiết kế không gian triển lãm dựa trên các màu sắc độc đáo của Đôn Hoàng, và lấy cảm hứng từ các tranh truyện Phật giáo như phương tiện trưng bày chính các tác phẩm nghệ thuật Đôn Hoàng và các bản gốc định dạng của các hang động.

Từ nhiều nguồn khác nhau, các hình ảnh và hiện vật trên Con đường Tơ lụa sẽ được triển lãm để minh họa cho bối cảnh.

(NewsNow – February 24, 2018)



Bích chương của cuộc triển lãm 'Viên ngọc quý của Con đường Tơ lụa: Nghệ thuật Phật giáo Đôn Hoàng'

Photo: NewsNowTop of Form

↑ Thành phố cổ Bagan, Miến Điện

Photo: flyingdutchmanpat.com

MIẾN ĐIỆN: Miến Điện và Đức cùng nhau bảo tồn di sản văn hóa Phật giáo của thành phố cổ Bagan

Yangon, Miến Điện – Miến Điện và Đức đã đồng ý cùng nhau bảo tồn di sản văn hóa của Bagan ở khu vực phía bắc Mandalay.

Theo một Biên bản Ghi nhớ (MoU) được ký vào ngày 20-2-2018, Đức sẽ cung cấp trợ giúp kỹ thuật để tiến hành một dự án bảo tồn chùa Nanpaya, một trong số 389 ngôi chùa bị phá hủy sau trận động đất 6.8 độ richter vào ngày 24-8-2016.

MoU ghi rằng một chương trình đào tạo để tu sửa và bảo tồn các bức bích họa trong chùa Narathihapate cũng sẽ được tiến hành.

Đồng thời, Miến Điện đang nỗ lực giới thiệu Bagan như một trong những di sản văn hóa thế giới với hàng ngàn tòa nhà tôn giáo và chùa chiền.

Sự hợp tác đang được thực hiện để bảo tồn Bagan với sự tham gia của các học giả và các kỹ thuật viên.

(tipitaka.net – February 27, 2018)

ẤN ĐỘ: Chư ni làm lễ cầu nguyện trường thọ cho Đức Đạt lai Lạt ma

Dharamshala, Ấn Độ – Ngày 1-3-2018, chư ni của tất cả 4 trường phái chính của Phật giáo Tây Tạng và truyền thống Bon đã làm lễ cầu nguyện trường thọ cho Đức

Đạt la Lạt ma tại tu viện
Thekchen Choeling
Tsulagkhang.

Đến từ hơn 40 ni viện trên
khắp Ấn Độ và Nepal, 875 sư
cô đã tham gia lễ cầu nguyện
do các đại diện của 4 trường
phái chính của Phật giáo Tây
Tạng chủ trì.

Đức Đạt lai Lạt ma đã
khen ngợi những nỗ lực
của các sư cô để đạt được học
vị tối cao Geshema (tương
đương bằng tiến sĩ triết học
Phật giáo). Ngài nói, "Kể từ
khi sống lưu vong, tôi đã kêu
gọi chư ni nghiên cứu những
bộ kinh lớn. Quan tâm đến
yêu cầu của tôi, họ đã chăm
chỉ học hành và đã đạt được
bằng Geshema. Thật đáng
khen ngợi vì việc trở thành
một Geshema đòi hỏi nhiều
năm tu tập".

Để tham dự các kỳ thi
Geshema, chư ni trước tiên
phải nghiên cứu kỹ 5 bộ kinh
lớn trong 17 năm tại các ni
viện tương ứng. Chỉ khi đó họ
mới được phép theo học khóa
học Geshema kéo dài 4 năm
này.

(Phayul – March 1, 2018)



*Đức Đạt lai Lạt ma trong lễ
cầu nguyện trường thọ do chư
ni tổ chức tại tu viện
Tsulagkhang vào ngày 1-3-
2018—Photo: Kusang*

NEPAL: 75,000 người đọc kinh Pháp Cú (Dhammapada) tại sân Tundikhel ở Kathmandu

Kathmandu, Nepal – Ngày
4-3-2018, Nepal đã nỗ lực lập
kỷ lục trong danh mục 'Nhiều
người nhất cùng đọc tại một
địa điểm'.

Tổng cộng 75,000 người
đã tập trung để đọc kinh Pháp
Cú - những lời Phật dạy - tại
sân Tundikhel ở thủ đô
Kathmandu.

Thủ tướng Khadga Prasad
Oli của Nepal đã khai mạc sự
kiện này. Ông kêu gọi các
công dân Nepal truyền bá tình
yêu thương và lựa chọn
phương thức đối thoại để giải
quyết các xung đột.

Nepal thực hiện điều này
nhằm mục đích tự đánh dấu
cho sự kiện 'Nhiều người nhất
cùng đọc tại một địa điểm'
như một phần của kỷ lục thế
giới Guinness, và để quảng bá
Nepal là sinh quán của Đức
Phật với khẩu hiệu "Đức Phật
đản sinh tại Nepal".

(ANI – March 4, 2018)



*75,000 người đã tập trung để
cùng đọc kinh Pháp Cú tại thủ
đô Kathmandu (Nepal)*

Photo: ANI

NHẬT BẢN: Ngôi chùa ở tỉnh Nara trưng bày bức tranh Phật giáo khổng lồ

Sakurai, Nara – Để trưng
bày lần đầu tiên sau 6 năm,
bức tranh cuộn khổng lồ về
pho tượng chính của chùa
Hasedera ở thành phố Sakurai
đã được làm sạch bụi tại bản
tự.

Hình ảnh chính của bức
tranh cuộn là Đức Quan Thế
Âm Bồ Tát 11-mặt, có kích
thước gần bằng với kích thước
thật của pho tượng này.

Đây là một trong những
tranh cuộn dài nhất tại Nhật
Bản: dài 16.5 mét, rộng 6.2
mét và nặng đến 125.5 ký.

Tại một buổi lễ vào ngày
27-2, khoảng 20 nhà sư đã
mở bức tranh cuộn và đọc
một bài kinh để tôn phong
tranh này, trước khi trưng bày
cho công chúng chiêm ngưỡng
từ ngày 1-3 đến 31-5-2018.

Người ta nói rằng bức
tranh này nguyên là bản vẽ
thiết kế cho việc xây lại pho

tượng chính - vốn bị phá hủy
do vụ cháy xảy ra vào năm
1495. Bản vẽ được cho là do
một họa sĩ tên là Seiken,
người sống vào thời
Muromachi (1338-1573), và
nó từng thuộc về chùa
Kofukuji ở tỉnh Nara.

(Buddhist Channel – March
5, 2018)



*Bức tranh cuộn khổng lồ về
pho tượng chính của chùa
Hasedera ở thành phố Sakurai
(Nara, Nhật Bản)*

Photo: Asahi Shimbun

THÁI LAN: Phật tử vùng cực nam kỷ niệm ngày Makha Bucha

Ngày 1-3-2018, Phật tử
Thái ở miền cực nam Thái Lan
và những nơi khác đã mừng
ngày lễ Makha Bucha, là ngày
Đức Phật thuyết pháp cách
đây hơn 2,000 năm.

Trong ngày này, tín đồ
cúng dường vật phẩm, cầu
nguyện và thiền định trước khi
kết thúc lễ bằng đám rước nến
vào lúc hoàng hôn. Một số tín
đồ cắm hoa và nhang đi 3 lần
theo chiều kim đồng hồ quanh
phòng truyền giới.

Vì lý do an ninh, người dân
địa phương, quân đội và cảnh
sát đã làm lễ suốt ngày tại
chùa Urai Rattanaram ở huyện
Bacho của tỉnh Narathiwat –
một trong 37 huyện vùng cực
nam đất nước.

Hơn 2,500 năm trước tại
thành phố Bihar của Ấn Độ,

1,250 tu sĩ Phật giáo được Đức Phật truyền giới đã tự phát tụ hội để nghe giáo pháp của Ngài vào ngày trăng tròn đầu tiên của tháng ba âm lịch.

(Benar News - Tipitaka Network - March 7, 2018)

NEPAL: Cuộc thi chạy việt dã được tổ chức tại nơi Đức Phật đản sinh

Lâm Tì Ni, Nepal – Ngày 1-3-2018, gần 100 người từ các nước khác nhau đã tham gia cuộc thi chạy Việt dã Hòa bình Lâm Tì Ni lần thứ 4 tại Lâm Tì Ni, nơi Đức Phật Cồ Đàm đản sinh.

Các thí sinh đến từ Nepal cũng như Trung Quốc, Ấn Độ, Tân Tây Lan, Hoa Kỳ, Đức, Nam Hàn, Thụy Điển và các nước khác đã tham gia cuộc chạy đường trường nói trên.

Cuộc thi chạy việt dã hàng năm này được tổ chức nhân dịp lễ Holi - lễ hội ánh sáng - để tưởng nhớ ngày Tất Đạt Đa Cồ Đàm trở về quê hương như một vị Phật đã giác ngộ.

Sự kiện nói trên cũng đánh dấu sự hoàn thành Đường mòn Phật giáo Vĩ đại, kéo dài từ Swoyambhunath ở Kathmandu cho đến Lâm Tì Ni.

Cuộc chạy việt dã tinh thần này xuất phát từ Kudan – nơi tương truyền rằng Đức Phật đã gặp cha mẹ Ngài lần đầu tiên sau khi Ngài đạt giác ngộ.

Lộ trình chạy ngang qua các di tích di sản Phật giáo như Cung điện Tilaurakot, Niglihawa, sông Banganga và kết thúc tại Vườn Thiêng Lâm Tì Ni.

(tipitaka.net – March 7, 2018)



Tượng Đức Phật tại Vườn Thiêng Lâm Tì Ni—Photo: indiamart.com



XUÂN ĐẾN VUI GÌ?

*Bắt chước ai ta chúc xuân nào!
Xuân về bướm lượn thấy lao xao,
Trong vườn trước ngõ mai chớm nở,
Cuối dậu bên hè cúc đón chào.
Mai nở đông tàn, trời còn lạnh,
Cúc cười thu hết, nắng vẫn cao.
Làm thân lữ khách lưu vong mãi,
Vui sướng gì đâu uống rượu đào ?*

*Rượu đào uống mãi vẫn chưa say?
Cứ uống nhưng lòng mãi loay hoay,
Đất tổ, quê cha còn khốn khổ,
Tặng ni, Giáo hội vẫn u hoài.
Một lòng ôm trọn chưa thấm mệt,
Tác dạ vùi sâu cỏ dĩa mài.
Hy vọng một ngày trời nắng đẹp,
Về thăm cô quận một ngày mai.*

*Ngày mai trời rạng vui biết bao!
Để biết xuân xưa, xuân nay nào!
Gặp lại bạn hiền lòng tha thiết,
Đây vui thân thuộc dạ nao nao...
Cách xa quê mẹ, hồn trống vắng,
Về đến làng cha, ý vương vào,
Xa xứ lưu đầy nhiều năm quá,
Bắt chước ai ta chúc xuân nào!...*

thơ **ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA**

Quý xuân Mậu tuất, March 10, 2018

NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm *YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA*)

(tiếp theo)

III.- PHẦN NGỘ PHẬT TRI KIẾN

Phần Ngộ Phật Tri Kiến kể từ Phẩm Đề Bà Đạt Đa thứ 12 đến Phẩm Chúc Lụy thứ 22.

12.- PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT

ĐA:

Phẩm này trình bày ngộ tri kiến của Phật. Đức Phật dẫn chứng câu chuyện Đề Bà Đạt Đa để làm dữ kiện cho vấn đề ngộ tri kiến của Phật. Trong phẩm này đức Phật trình bày hai lãnh vực:

1)- KHÓ NGỘ: chúng sanh muốn ngộ tri kiến của Phật thì rất khó. Chúng sanh có hai cái khó về ngộ tri kiến của Phật: khó gặp Thiện Tri Thức và khó hành trì.

a/ Khó Gặp Thiện Tri Thức: Thiện Tri Thức là người hiểu thấu diệu lý của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa và mẫu người này thật là khó gặp. Đức Phật dẫn chứng tiền thân của ngài đã trải qua vô lượng khổ nhọc mới gặp được Thiện Tri Thức giảng đúng diệu nghĩa của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, như ngài đã gặp được thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa.

b/- Khó Hành Trì: trên con đường cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề, hành giả gặp rất nhiều chướng duyên trong khi hành trì, cũng như đức Phật đã gặp Đề Bà Đạt Đa. Hành giả muốn đầy đủ sáu pháp Ba La Mật để ngộ được tri kiến của Phật thì phải phát nguyện tinh tấn làm những việc khó làm, giống như đức Phật đương kim là một vị Quốc Vương phải làm những việc của người hạ tiện theo sự yêu cầu của Đề Bà Đạt Đa. Theo đức Phật, Đề Bà Đạt Đa là một vị Bồ Tát tu pháp Nghịch Hạnh và nhờ Đề Bà Đạt Đa trải nghiệm, đức Phật mới chứng quả Vô Thượng Bồ Đề.

Mục đích đức Phật trình bày phần khó khăn về vấn đề ngộ tri kiến của Phật là nhắc nhở chúng sanh phải phát tâm kính trọng kính pháp và phải cố gắng chuyên cần tu tập.

2)- DỄ CHỨNG: vì sợ chúng sanh thấy khó liền thối tâm, thấy lâu xa liền nản chí, thấy

nghiệp trọng phước khinh lại lùi bước, đức Phật nhờ ngài Văn Thù Sư Lợi khai thị Long Nữ mới 8 tuổi mà đã thành Phật, để nói lên rằng hạng nào, hoàn cảnh nào, cõi nào v.v... cũng có thể dễ tu dễ chứng.

Biển cả là biểu thị chốn sinh tử trầm luân. Loài rồng là biểu thị cho tam độc (tham, sân, si). Người nữ là biểu thị cho căn khí âm nhu cấu trước. Nàng Long Nữ đầy đủ những thứ đó mà còn có thể chứng quả Bồ Đề.

Ở đây đức Phật cho biết nhờ thần lực của Diệu Pháp Liên Hoa, bất cứ người nào, hạng nào, ở đâu nếu có chí cần cầu tinh tấn thì cũng được chứng thành Vô Thượng Chánh Giác như nàng Long Nữ.

13.- PHẨM TRÌ:

Đương thời đức Phật còn tại thế, tất cả đại Bồ Tát, các bậc A La Hán cho đến các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni đều được Phật thọ ký xong, nhưng các chúng sanh sau khi Phật diệt độ làm thế

nào để được chứng quả Phật Thừa. Đó là lý do thành lập Phẩm Trì.

Theo Phẩm Trì, thâm ý đức Phật cho rằng, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là huệ mạng của chư Phật và cũng là Chánh Nhân Phật Tánh của tất cả chúng sanh, nhưng sau khi Phật diệt độ, chúng sanh gặp nhiều ác nghiệp, tội nặng, phước mỏng, chướng sâu, huệ kém, cho nên khó phụng trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Còn hàng Thịnh Văn trong thời kỳ Phật không còn tại thế, mặc dù được trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhưng chưa thuần thực về công hạnh lợi tha, không đủ pháp lực chỉ đạo, bị nhiều chướng nạn nghịch duyên, cho nên khó hoàn thành nhiệm vụ mở rộng Diệu Pháp Liên Hoa.

Vì những lý do trên, đức Phật muốn các vị đại Bồ Tát, các bậc A La Hán, các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni hạnh ngộ đầy đủ đã được Phật thọ ký, phải nên cố gắng nhiều hơn chẳng quản khổ nhọc, chẳng tiếc thân mạng, hoằng truyền Kinh Diệu Pháp Liên Hoa cho đời sau và hỗ trợ cho chúng sanh thiếu cơ duyên nói trên thêm nhiều





công đức được thọ trì Kinh này.

Tất cả đại Bồ Tát, tất cả A La Hán và các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni hội ý liền pháp lời thệ nguyện trước đức Phật rằng: "Sau khi Phật diệt độ, chúng con sẽ hộ trì Kinh này dù cho bị chúng sanh tàn ác khinh bỉ, chửi mắng, chọ đến dùng gao gây đánh đập đều cam tâm nhẫn chịu mà vẫn khuyên họ biên chép, thọ, trì, đọc tụng, giải thích nghĩa Kinh, theo lời Kinh tu hành". Nên chú ý, "Biên chép, đọc tụng, nghe Phật thuyết pháp, thọ trì tức là thực hành đúng như pháp của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa."

14.- PHẨM AN LẠC HẠNH:

Đức Phật dạy, các vị Bồ Tát trong đời ác trước muốn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phải an trụ trong bốn pháp:

1)- HẠNH XỨ: Bồ Tát phải luôn luôn an trụ trong trạng thái, nhẫn nhục, nhu hòa, không nóng giận, không sợ sệt, không để hoàn cảnh chi phối, phải quán các pháp như thật tướng (chẳng chấp trước), đối với các pháp thì vô sở hành, nghĩa là chẳng thi hành những pháp thuộc chấp trước năng và sở, chẳng thi hành những pháp thuộc phân biệt tương đối, chẳng thi hành những pháp thuộc kiến văn giác tri, đối với các pháp phải đều đạt đến chỗ vô sở đắc.

2)- THÂN CẬN XỨ: Bồ Tát không thân cận vua quan hay những người có quyền thế, không thân cận những người tu theo ngoại đạo, những văn nhân thi sĩ thế tục, những kẻ hung ác v.v... phải quán các pháp đều không, không thật tướng, do nhân duyên điên đảo sanh ra.

3)- AN LẠC HẠNH: Sau khi Như Lai diệt độ, muốn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa trong thời mạt pháp, Bồ Tát phải trụ trong an lạc hạnh, nghĩa là chẳng khinh mạn với các Pháp Sư khác, chẳng nói thị phi, hay dở, tốt xấu của cá nhân họ, cũng không nên khen hay chê trước mặt họ.

Bồ Tát muốn thuyết pháp phải giữ tâm an vui thanh tịnh, trừ bỏ ý tưởng ý lại, lười biếng, nói pháp để mở tâm trí cho chúng sanh mà không bao giờ mong cầu cúng dường lợi lạc.

Người nào thọ trì, đọc tụng Kinh này không nên chứa chấp oán hờn ganh tỵ, không nên khinh khi người học Phật, không làm thối tâm người khác, không đem đạo pháp ra bàn luận chơi. Phải khởi tâm đại bi đối với tất cả chúng sanh, phải sanh tâm cung kính đối với Như Lai như cha lành và đối với Bồ Tát cũng phải cung kính cúng dường như bậc thầy.

4)- PHÁT ĐẠI BI TÂM: Trong thời mạt pháp, ai muốn trì tụng Kinh này phải phát tâm đại bi với hàng tại gia và xuất gia. Đối với người chưa được bậc Bồ Tát cũng phải khởi tâm thương xót. Họ không nghe, không hiểu, không tin Kinh này là một tổn thất rất lớn. Cho nên đối với họ, ta nguyện ngày nào được Vô Thượng Bồ Đề sẽ dùng trí lực, phương tiện dẫn họ vào pháp Đại Thừa, đưa họ đến cứu cánh thành Phật.

Khi Như Lai diệt độ, Bồ Tát nào thành tựu được bốn pháp này thì thuyết Kinh Diệu Pháp Liên Hoa không bao giờ sai lầm, được mọi người cung kính cúng dường, được chư Thiên hộ trì và được chư Phật ba đời chứng minh.

15.- PHẨM TÙNG ĐỊA DỪNG XUẤT:

Đại ý phẩm này đức Phật Thích Ca khai triển diệu dụng Báo Thân Thường Trụ của các bậc Bồ Tát. Như Bồ Tát Di Lạc đại diện cho hàng Bồ Tát Bất Thối Chuyển phát nguyện thọ trì và phổ biến Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nơi cõi Ta Bà, đức Phật từ chối và nói với đại chúng rằng, đã có hằng hà sa số Bồ Tát thay thế ta hộ trì và đọc tụng Kinh này. Tức thời vô số Bồ Tát nơi cõi ta Bà từ dưới đất phóng lên trụ giữa hư không. Đó là Báo Thân Bồ Tát Thường Trụ thể hiện.

Vấn đề ba thân trong Phật giáo đã được giải thích rất rõ ràng nơi phần "Chú Ý" ở mục "Đề Kinh" và trong "Phẩm Hiện Báo Tháp thứ 11." Báo Thân Thường Trụ của các Bồ Tát tung địa dừng xuất từ nơi thế giới pháp tánh chân không màu nhiệm nơi cõi Ta Bà hiện ra và nó không phải do nghiệp báo sanh thành. Nên nhớ rằng, y báo trang nghiêm thanh tịnh tự thọ dụng của mỗi vị Phật thường gọi là Quốc Độ Thường Trụ và cũng gọi là Thường Tịch Quang Chơn Độ, còn y báo trang nghiêm thanh tịnh tự thọ dụng của mỗi vị Bồ Tát thì được gọi là Cảnh Giới Thường Trụ. Tất cả Quốc Độ Thường Trụ của chư Phật và tất cả Cảnh Giới Thường Trụ của chư Bồ Tát đều được gọi chung một danh xưng là Thế Giới Pháp Tánh. Cảnh giới thường trú cũng như báo thân thường trú của các Bồ Tát tung địa dừng xuất đều nằm ở trong cõi Ta Bà cả và do Pháp Thân của chính các Bồ Tát nói trên thể hiện.

Điều đáng chú ý, cõi Ta Bà thì khác hơn thế giới Ta Bà. Cõi Ta Bà hiện hữu bên trong cảnh giới thường trú của các Bồ Tát tung địa dừng xuất. Trái lại, thế giới Ta Bà lại hiện hữu bên trong quốc độ thường trú tịch quang tịnh độ của đức Phật Thích Ca. Cõi Ta Bà, theo Pháp Hoa Văn Cú và Pháp Hoa Huyền Tán, quyển 2 giải thích là nơi bao gồm các cõi Ngũ Thú Tạp Cư ở trong, nghĩa là các cõi: Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Nhơn và các cõi Trời Dục đều hiện hữu phía bên trong của cõi Ta Bà. Riêng thế giới Ta Bà, cũng theo kinh luận Pháp Hoa Văn Cú và Pháp Hoa Huyền Tán nói trên, là thế giới của Phật Thích Ca làm giáo chủ, bao gồm cả ba ngàn đại thiên thế giới và trong đó kể cả các cõi Ngũ Thú Tạp Cư, Thế giới Ta Bà trên còn có tên là thế giới Bá Ưc Tu Di Sơn. Nên nhớ quốc độ thường trú thuộc y báo trang nghiêm thanh tịnh tự thọ dụng của Pháp Thân Thường Trụ đức Phật Thích Ca an trụ được gọi là Thế Giới Ta Bà Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Thế giới này thì đầy đủ ba đức Niết Bàn (Pháp

Thân, Bát Nhã, Giải Thoát) và còn có tên là thế giới Vô Dư Niết Bàn. Các cõi Ta Bà uế độ của ba ngàn đại thiên thế giới đều hiện hữu bên trong thế giới Ta Bà Thường Tịch Quang Tịnh Độ và hơn nữa Thế Giới Ta Bà Thường Tịch Quang Tịnh Độ thì thuộc về pháp tánh và trong đó nhất định bao gồm cả cảnh giới thường trú y báo trang nghiêm thanh tịnh của các Bồ Tát tung địa dừng xuất an trụ. Nguyên vì các vị Bồ Tát tung địa dừng xuất đều là đệ tử của đức Phật Thích Ca và các Bồ Tát này sở dĩ được chứng thành đạo quả Báo Thân Thường Trụ là do báo Thân Thanh Tịnh của đức Phật Thích Ca

đích thân hóa độ.

Sự xuất hiện của các vị Bồ Tát tung địa dừng xuất trụ giữa hư không cũng không giống như sự xuất hiện của Tháp Đa Bảo từ dưới đất vọt lên và trụ giữa hư không. Điều đặc biệt, Tháp Đa Bảo từ dưới đất mọc lên chính là quốc độ thường trú chân không màu nhiệm của Phật Đa Bảo được thu nhỏ lại với hình tướng một Báo Tháp và hiện lên một cách diệu dụng giữa thế giới mê vọng của chúng sanh. Đức Phật Đa Bảo ngồi trong Báo Tháp chính là Pháp Thân Thường Trụ thanh tịnh của ngài thể hiện. Các Bồ Tát tung địa dừng xuất từ dưới đất mọc lên và trụ giữa hư không thì cũng được thu nhỏ lại từ Báo Thân Thường Trụ

của các vị nơi cảnh giới chân không màu nhiệm biến hiện. Trường hợp này cũng giống như hình ảnh trong Video Tape được thu nhỏ lại vào những hạt điện và đưa lên chiếu lớn trên màn ảnh TV.

Đức Phật Thích Ca cũng có ba Thân: Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Hóa Thân. Báo Thân và Ứng Thân đều hiện hữu trong Pháp Thân màu nhiệm biến khắp Pháp Giới của ngài, cũng tương tự như thân thể của vô số vị trụ hiện hữu trong ruột của thân thể chúng ta. Riêng Báo Thân thanh tịnh của đức Phật Thích Ca thì phân thân vô số Ứng Hóa Thân của ngài để hóa độ tất cả chúng sanh trong mười phương, còn bản thân đức Phật Thích Ca sanh ở Ca Tỳ La Vệ Ấn Độ hiện đang thuyết pháp bằng thiên định nơi hội Linh Thứu chính là hiện hữu của Hóa Thân, một trong những Hóa Thân nơi các cõi khác của ngài. Điều đặc biệt Pháp Thân Thường Trụ của đức Phật Thích Ca thì mở hội Báo Tháp nơi Đạo Tràng Không giới để giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa và Hóa Thân của ngài thì lại mở hội Linh Thứu nơi Đạo Tràng Kỳ Xà Quật để giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Dưới đôi mắt của người phàm phu, chúng ta chỉ thấy được nhục Thân của đức Phật Thích Ca do Hóa Thân ứng hiện. Nếu nhìn sâu hơn



nữa, mặc dù mang Nhục Thân, nhưng ngài vẫn sống bằng Hóa Thân nhiều hơn. Như ngài từ bỏ cung vàng điện ngọc, sáu năm tu khổ hạnh và 49 ngày nhập định v.v... Sau khi thành đạo, ngài chuyển đổi toàn bộ phong tục giai cấp cố hữu của Ấn Độ trở về lối sống bình đẳng không chút đổ máu v.v... Đó là con người phi thường chưa từng có của loài người và sự thành công vĩ đại của ngài bằng trí tuệ của Hóa Thân mà sự thành công đó không phải bằng sự hiểu biết của Nhục Thân tầm thường. Cho nên trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, ngài cho chúng hội thấy được Pháp Thân Thường Trú hy hữu qua mỗi Hóa Thân của ngài.

Bồ Tát thì có hai hạng: Bồ Tát Báo Thân và Bồ Tát Hóa Thân. Các Bồ Tát từng địa dừng xuất thì thuộc về Bồ Tát Báo Thân Thường Trú. Các Bồ Tát bất thối chuyển như Bồ Tát Di Lạc và các Bồ Tát những cõi khác thì thuộc về Bồ Tát Hóa Thân. Báo Thân Thường Trú của các Bồ Tát từng địa dừng xuất là do Báo Thân Thanh Tịnh của đức Phật Thích Ca hóa độ và Hóa Thân của các Bồ Tát như Bồ Tát Di Lạc v.v... thì do Hóa Thân của đức Phật Thích Ca hóa độ.

Các Bồ Tát thuộc Hóa Thân thì không thể thấy được các Bồ Tát thuộc Báo Thân Thường Trú từng địa dừng xuất. Các Bồ Tát thuộc Hóa Thân nói trên nếu như muốn thấy được các Bồ Tát thuộc Báo Thân Thường Trú từng địa dừng xuất thì phải tu chứng tròn đủ bốn pháp trong Phẩm An Lạc Hạnh thứ 14. Cũng như chúng sanh trong thế giới hiện tượng mê vọng này không thể tham dự Pháp Hội Bảo Tháp nơi Đạo tràng Không Giới để được nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Muốn tham dự Pháp Hội Bảo Tháp nơi Đạo Tràng Không Giới để được nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chúng sanh trong thế giới hiện tượng mê vọng nói trên phải hoàn thành ba điều kiện: Phải vào được nhà Như Lai, phải mặc được áo Như Lai và phải ngồi được tòa Như Lai nơi Phẩm Hiền Bảo Tháp thứ 11.

Nơi cõi Ta Bà, các Bồ Tát, các hàng Thinh Văn đã phát nguyện hộ trì và đọc tụng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhưng đức Phật nhận thấy các vị này thuộc Hóa Thân hữu hạn, không đủ sức, không kham nổi sự nghiệp truyền thừa Kinh Diệu Pháp Liên Hoa trong thế giới vô biên, nên từ chối những lời phát nguyện của các bậc Bồ Tát Bất Thối Chuyển. Đức Phật cho biết rằng, ngài đã chuẩn bị sẵn sáu vạn hằng hà sa đại Bồ Tát Báo Thân Thường Trú từng địa dừng xuất thay thế thi hành nhiệm vụ truyền thừa Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nơi cõi Ta Bà này sau khi ngài diệt độ.

(còn tiếp)



KHI GIỮA ĐỜI THƯỜNG

*Khi áo bạc thênh thang cùng mây trắng
Ta loay hoay theo cát bụi phong hò
Nhưng dấu hỏi giữa hôn sa mạc nắng
Thăm thẳm nhìn về phương tận hư vô.*

*Ta quay lên vai đôi hôn nhật nguyệt
Ngâm câu thơ cho nát cuộc hoang sầu
Đời vạn nẻo phương nào không sanh diệt?
Thực-Hư này... tìm ở tận xa đâu!*

*Đời khuya khoắt, đêm sẽ tàn mộng寐
Lòng ai còn ở lại những canh thâu
Và ai bỏ cả một chiều hoang phế!?
Một triều vương chôn lịm vạn niềm đau!*

*Vực đá rong rêu, vết đời mục nát
Úp mở bàn tay du thủ cuộc rong chơi
Chót vót mộng lên muôn trùng canh bạc,
Khi đêm tàn vội khuất bóng ma trôi.*

*Khi tiếng thét ngoài kia như sóng vỗ
Tạt vào nhau như bão nổi điên cuồng
Ai khóa được bao nỗi niềm vạn cổ
Và ai nghe từng nhíp gõ đêm sương?*

*Ta áo bạc, ngõ về đường mây trắng
Khi mắt đời rưng nắng trời quê hương
Phủi vai áo rụng xuống hôn đầu bé
Giữa đời thường câu kinh kệ yêu thương.*

thơ

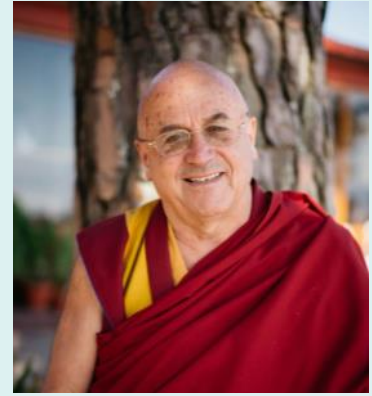
MẶC PHƯƠNG TỬ

South Dakota, tháng 3.2018

BẢN TÍNH CON NGƯỜI VỐN VỊ KỶ HAY VỊ THA?

MATTHIEU RICHARD

Nguyễn Hạnh dịch



Mặc dù, chúng ta thường thấy bạo động và xung đột trên phương tiện truyền thông, nhưng những nghiên cứu gần đây lại cho thấy rằng bạo động liên tục giảm dần trong vài thế kỷ qua. Cũng vậy, sự hợp tác, tình bằng hữu, tình thương và sự quan tâm thường khi đầy ắp trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

Sự nghiên cứu khoa học 30 năm qua đã ngày càng thay đổi cái nhìn méo mó về bản chất con người (vốn bị xem) như là hoàn toàn bị thúc đẩy bởi tính vị kỷ, từ lâu cái định kiến (này) đã chi phối các học thuyết tiến hóa, kinh tế học và tâm lý học Tây phương.

Bản thân tôi có niềm tin chắc chắn rằng **từ** và **bi**- hai mặt của lòng vị tha - là hai đức tính cốt lõi của đời sống con người và là phần tinh túy của con đường tâm linh. Tâm từ là ước muốn tất cả chúng sinh có được hạnh phúc, trong khi tâm bi tập trung vào việc bạt trừ khổ đau cho họ.

Trải hơn 45 năm ở Châu Á, những kinh nghiệm tôi có với các bậc thầy tâm linh thuộc truyền thống Phật giáo Tây Tạng đã tác động sâu sắc đến tôi. Ở đây, sức truyền cảm đặc biệt chính là niềm tin vững chắc của hàng Phật-tử rằng mọi người đều có tiềm năng bất hoại về đức tính tốt và trí tuệ (bồ-đề tâm). Tôi cũng học nhiều bài học giá trị nhờ tham gia vào hoạt động nhân đạo, bao gồm 140 dự án đáng kể về giáo dục và y học ở các vùng Hy-mã-lạp-sơn

qua hội Đại Bi (Karuna-Shechen), một tổ chức do tôi sáng lập.

Thời đại chúng ta đang đối mặt với nhiều thách thức, giữa những thức thách ấy, điều rất khẩn thiết (là) việc cân bằng những đòi hỏi về ba mảng thời hạn - mảng thời hạn ngắn, trung bình và lâu dài mà trong đó, ba loại lợi ích đều cần được đặt lên hàng đầu: lợi ích của chúng ta, của quyền thuộc ta, và của tất cả chúng sinh. Trong mảng thời hạn ngắn, chúng ta phải đáp ứng những yêu cầu trước mắt của nền kinh tế hiện tại; trong mảng trung bình chúng ta phải tìm cầu hạnh phúc; và trong mảng thời hạn lâu dài chúng ta phải hành động vì sự lành mạnh của môi trường tương lai.

Về phần môi trường, qua hàng triệu năm cho đến gần đây, sự biến chuyển của nó chỉ giới hạn trong lãnh vực khí hậu và địa chất. Trong thời đại chúng ta, nhịp độ biến đổi vẫn cứ tăng nhanh vì sự thay đổi sinh thái do những hoạt động của con người gây ra.

Đặc biệt, thuyết "Đại Tăng Tốc" (còn gọi là Anthropocene - kỷ nguyên của con người) xuất hiện từ năm 1950 đã xác định một thời đại mới, nơi thuyết này, lần đầu tiên trong lịch sử, những hoạt động con người đang làm thay đổi (và hiện nay đang làm giảm) toàn bộ hệ thống duy trì sự sống trên hành tinh. Điều thách thức mới này đã đưa chúng ta đến sự bất ngờ hoàn toàn. Nếu nổi ám ảnh của chúng ta với việc đạt tới (như thế) tiếp tục gia tăng về số lượng, cùng với sự tiêu hao các nguồn tài nguyên thiên nhiên tăng ở tỷ lệ cấp số mũ hiện nay thì chúng ta sẽ cần đến ba hành tinh vào năm 2050. Chúng ta không có chúng.

Chúng ta có thể làm gì cho tình trạng khó khăn trên? Chỉ có khái niệm cách mạng và thống nhất sẽ dẫn chúng ta ra khỏi mê cung rắc rối của mỗi bận tâm này. Những thập niên qua, các cuộc tiếp xúc với những nhà lãnh đạo tinh thần, nhà triết học, nhà tâm lý học, nhà thần kinh học, nhà kinh tế học và các nhà môi trường học đã làm tôi tin chắc rằng đức tính vị tha là sợi chỉ Ariadne cho phép chúng ta kết nối một cách hài hòa những thách thức của nền kinh tế cho mảng thời hạn ngắn, chất lượng cuộc sống cho mảng trung bình và môi trường



tương lai của chúng ta cho mảng thời hạn lâu dài.

Nhất trí với sự nhấn mạnh của Darwin về tầm quan trọng của sự hợp tác trong tự nhiên, những tiến bộ mới trong thuyết tiến hóa cho phép chúng ta hình dung tính vị tha rộng mở vượt ra ngoài những mối quan hệ gia đình và dòng tộc, và nhấn mạnh sự thật rằng con người về bản chất là 'Siêu Hợp Tác', nói theo cách của Martin Nowak .

Nếu chúng ta muốn khuyến khích sự phát triển cho một xã hội vị tha và một thế giới tốt đẹp hơn thì việc đánh giá những khả năng cho sự chuyển hóa cá nhân và tập thể là quan trọng.

Pháp hành thiền định hàng nghìn năm qua đã và đang chứng thực cho sức mạnh của sự chuyển hóa cá nhân. Hiện nay, trí tuệ cổ xưa này đã được chứng thực qua việc nghiên cứu tế bào thần kinh cho thấy rằng bất cứ hình thức rèn luyện nào - như tập đọc hoặc chơi một nhạc cụ - cũng tạo ra sự sắp xếp lại các mức độ chức năng và cấu trúc trong não bộ. Dạng tái cấu trúc này cũng xảy ra khi chúng ta trưởng dưỡng lòng nhân từ và tu dưỡng để phát triển tâm từ và bi.

Chúng ta đi từ sự chuyển hóa cá nhân đến thay đổi xã hội như thế nào? Những công trình nghiên cứu gần đây của những nhà lý luận, như Richerson và Boyd, đồng tác giả của tác phẩm "Chẳng phải chỉ do di truyền", đã nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tiến triển về văn hóa, dạng tiến triển tuy chậm hơn sự chuyển hóa cá nhân nhưng nhanh hơn nhiều so với sự biến đổi của di truyền. Sự tiến triển văn hóa là tích lũy nhờ được truyền qua các thế hệ bằng giáo dục và học tập.

Văn hóa và con người liên tục tác động qua lại với nhau. Những người lớn lên trong một môi trường văn hóa mới thì có khác, bởi vì những tập quán mới của họ làm biến đổi tế bào thần kinh não, và thay đổi sự biểu lộ gen (gene) qua các biểu sinh. Những cá nhân này đóng góp cho sự phát triển văn hóa và trụ sở của họ để tiến trình ấy được lặp đi lặp lại qua mỗi thế hệ. Như thế, chúng ta có thể mong đợi một sự phát triển hướng đến các xã hội vị tha và hợp tác hơn.

Lý tưởng này vốn trong tầm tay chúng ta. Nghiên cứu gần đây cũng cho thấy rằng từ thuở bé, chúng ta đã được truyền năng lượng để trở nên hợp tác và hữu ích. Ngay cả các bé sơ sinh cũng nhận ra tình thân ái hướng đến người khác và thích nó hơn sự ngược đãi. Tại phòng "Nghiên cứu trẻ sơ sinh" của Paul Bloom tại Đại học Yale, những đứa bé 6 đến 10 tháng tuổi có thể nhận ra sự đối xử tử tế và cho thấy niềm yêu thích của chúng đối với sự ân cần hơn là ngược đãi. Tương tự, công trình nghiên cứu của Học Viện Max Planck ở Leipzig cũng cho thấy những bé đi chập chững từ 12 tháng tuổi tự biểu lộ cách ứng xử giúp đỡ và phối hợp lẫn nhau mà không có sự dạy bảo từ người lớn hay

bất kỳ viễn cảnh của một món quà nào.

Với cơ sở này, chúng ta có thể bắt đầu để xây dựng một xã hội vị tha hơn, tập trung vào năm điểm sau:

- 1) Chúng ta cần nâng cao sự hợp tác, loại hợp tác bao gồm sự phối hợp có thiện chí vượt lên trên tri thức cạnh tranh ở nhà trường và trong các tổ chức.
- 2) Chúng ta cần nhằm vào sự hòa hợp đích thực, dạng hòa hợp làm giảm bớt sự bất bình đẳng và bảo vệ môi trường bằng cách làm nhiều hơn từ những việc tốt nhỏ.
- 3) Chúng ta cần cố vũ nền kinh tế hoàn bị. Nền kinh tế bị dẫn dắt bởi những lợi ích vị kỷ không thể cứu chữa tình trạng nghèo đói và không thể chăm sóc môi trường.
- 4) Chúng ta cần có trách nhiệm địa phương với ý nghĩa trách nhiệm toàn cầu.
- 5) Chúng ta cần mở rộng lòng vị tha đến các dạng sống khác - 1,3 triệu loài có trong danh mục cộng trú trên hành tinh này.

Chủ nghĩa vị tha không nên bị cho là lãnh vực tư tưởng không tưởng cao quý chỉ được duy trì bởi vài người có tấm lòng rộng lượng và chất phác. Trái lại, nó chính là yếu tố quyết định chất lượng đời sống của chúng ta, bây giờ và mai sau. Chúng ta phải có tầm nhìn sâu sắc để nhận ra điều này và phải có can đảm để công bố nó. Cuộc cách mạng chủ nghĩa vị tha đang tiến trên đường của nó. Hãy để tất cả chúng ta là một phần của nó.

http://www.huffingtonpost.in/entry/the-path-from-personal-tr_b_8005592





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
Vietnamese American United Buddhist Congregation
CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM NAM CALI
Vietnamese Buddhist Community of Southern Calif

BAN TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2562-Buddha's Birthday Festival-Buddhist Year 2562
4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 Tel.: (714) 571-0473 (714) 638-4946

THƯ CUNG THỈNH

Chứng Minh, Tham Dự Đại Lễ Phật Đản PL 2562 – DL 2018
Thứ Bảy ngày 05 tháng 05 và Chủ Nhật ngày 06 tháng 05 năm 2018

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Quý vị Lãnh Đạo Tinh Thần tôn giáo bạn, chư Tôn Đức Tăng, Ni, quý vị Đại Diện các Đoàn Thể Hội Đoàn, Các Cơ Quan Truyền Thông, quý đồng Hương Phật tử.

Kính thưa quý vị:

Lại một lần nữa, chúng ta thành kính tưởng niệm ngày Đức Thế Tôn thị hiện vào đời, đem hương vị giáo pháp giác ngộ, giải thoát đến cho con người, chư thiên và vạn loài chúng sinh trong pháp giới. Hương vị giáo pháp đó đã làm thăng hoa cuộc sống thánh thiện của con người, đã trang trải tình yêu thương, lòng từ bi đến cho tất cả, để từ đó giá trị sống đích thực hòa bình được thiết lập trên thế giới hôm nay. Để đón mừng ngày đản sinh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và các Tự Viện tại Miền Nam California, sẽ long trọng tổ chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562 vào ngày thứ bảy 05 tháng 05 từ 3 giờ chiều đến 8 giờ tối và chủ nhật 06 tháng 5 năm 2018 từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối tại Mile Square Regional Park, thành phố Fountain Valley, Orange County, California, Hoa Kỳ.

Ban Tổ Chức thành tâm cung thỉnh chư Tôn Đức Tăng Ni, quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo bạn, và trân trọng kính mời quý vị Đại Diện các đoàn thể và Hội Đoàn, các cơ quan truyền thông, quý Đồng Hương Phật tử hoan hỷ quang lâm về đạo tràng Mile Square Park để chứng minh và tham dự Chương Trình Đại Lễ Phật Đản. Phật lịch 2562 được tổ chức vào ngày thứ bảy 05 tháng 05 từ 3 giờ chiều đến 8 giờ tối và chủ nhật 06 tháng 5 năm 2018 từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối tại Mile Square Regional Park, thành phố Fountain Valley, Orange County, California, Hoa Kỳ.

Thành tâm đánh lễ, kính chúc quý ngài và quý vị pháp thể trang nghiêm, đạo quả viên thành.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

Santa Ana, ngày 25 tháng 3 năm 2018
T.M. Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562
Trưởng Ban: **Tỳ Kheo Thích Pháp Tánh**

Hoài Niệm Hòa Thượng Thích Trí Thủ

QUÁCH TẤN (1910 – 1992)

Một buổi chiều xuân năm 1958, tôi lên núi Trại Thủy Nha Trang, thăm chùa Hải Đức. Tôi không vào chùa, tôi đi dạo chung quanh chùa nhìn tứ-vọng-cảnh, rồi ra sân xem những chậu hường, lấy giống từ Đà Lạt. Xa xa nơi bia sân, một nhà sư áo nâu đứng lần chuỗi dưới gốc cây Bồ đề xanh tươi. Những hạt chuỗi đón ánh mặt trời như những vì sao óng ánh, nối nhau mọc rồi lặn, lặn rồi mọc, đều đặn ung dung. Hồi lâu nhà sư lặng lẽ đi ra sau chùa, lên Viện Phật học cất trên hông đồi cao. Lòng tôi lâng lâng, và tôi có cảm giác rằng tôi là nhà sư. Đứng im một chỗ, nhưng tôi tưởng chúng tôi đương bước lên đầu non vừa đi vừa lần chuỗi. Cao hứng tôi sáng tác được một luật ngũ ngôn:

LẦN CHUỖI

*Chuông ngân chùa xẩm nắng
Hương quyện áo tràng bay
Trăm tám vì sao rạng
Xoay tròn đôi lóng tay*

*Mười phương cây lặng gió
Năm sắc hồ trôi mây
Lặn nước lên đầu núi
Ánh vàng tràn đó đây.*

Sau, biết được nhà sư lần chuỗi đó là Thượng tọa THÍCH TRÍ THỦ, Giám đốc Viện Phật Học Hải Đức, tôi bèn chép bài Lần Chuỗi tặng Thượng tọa. Từ ấy chúng tôi trở nên quen nhau. Thượng tọa tuổi Kỷ-Dậu, tôi cũng tuổi Kỷ-Dậu. Thượng tọa lại thích thơ Đường-luật, tôi lại mộ Đạo Phật. Cho nên những lúc gặp gỡ thường hay quên thì giờ trôi nhanh, lắm lúc cũng quên rằng Đạo cũng như thơ không đứng hẳn ra ngoài vòng thế sự.

Lúc bấy giờ Phật Học Viện Hải Đức được phép mở một lớp học cho giới Sa-di, Sa-di-ni Khánh-Hòa học để thi tú tài. Thượng tọa mời tôi giúp môn Việt văn. Tôi nhận giúp vào ngày chủ nhật vì tôi đương làm công chức ở Nha Trang. Tôi dạy từ niên khóa 1958 - 1959 đến nửa niên khóa 1962 - 1963.

Năm 1963, Thượng tọa về Huế, gặp Pháp nạn, bị chánh phủ Ngô Đình Diệm bắt, lãnh dữ thế nào; người Nha Trang không mấy người biết rõ! Tháng 9 năm ấy, nhớ cảnh nhớ người, tôi theo trăng lên chùa Hải Đức.

Tứ bề vắng lặng. Không thấy một bóng người, không thấy một bóng đèn. Chỉ nghe



Hòa Thượng THÍCH TRÍ THỦ
(1909 - 1984)

vắng vắng như có như không tiếng chuông ngân trong hơi sương ánh sáng mờ mờ lờ lờ! Tôi ngẫu chiếm một tuyệt ngũ ngôn:

*Trăng lên đôi Trại Thủy
Chuông khuya ngồi ánh ba
Bồi hồi mây khóa viện
Sân Bồ-đề sương sa.*

Sau ngày chánh phủ Ngô Đình Diệm sụp đổ, Thượng tọa mới trở về Nha Trang đọc mấy văn ngũ tuyệt tôi chép tặng, Thượng tọa rơm rớm nước mắt. Thượng tọa Thích Trí Thủ vào Sài Gòn được ít lâu thăng chức Hòa thượng và trụ trì chùa Già Lam. Chùa Hải Đức và Viện Cao Đẳng Phật Học giao cho Thượng tọa Thiện Siêu và Đại đức Trùng San, quản lý, thỉnh thoảng Hòa thượng mới về Nha Trang, tôi chỉ đến thăm có một lần. Vì mỗi lần Hòa thượng về, phần thì lo Phật sự, phần phải tiếp khách hết lớp này đến lớp khác, không mấy lúc được rảnh rang.

Mãi đến năm 1968 Hòa thượng về Nha Trang, nghe tôi thoát chết vì bệnh mạch lươn phải mổ đi mổ lại đến sáu lần bèn cùng Đại đức Trùng San xuống nhà thăm. Mừng quá đổi mừng. Thân tâm tôi vui khỏe như được uống một chén sâm Cao Ly. Trong dịp này Hòa thượng đã giúp tôi xuất bản tập XỨ TRÂM HƯƠNG.

Năm 1973, tôi lại bị bệnh Thanh quang nhãn (Glaucome) đui hết một mắt. Được tin không vui ấy, một lần nữa Hòa thượng cùng Đại đức Trùng San tìm đến thăm. Trong hai lần đến thăm, tôi không nhớ lần thứ nhất hay lần thứ hai Hòa thượng khen là "thơm dịu" bài Chuông Khuya trong tập *Động Bóng Chiều*:

*Từng giọt châu rơi mắt mẹ hiền,
Mừng con lưu lạc trở đoàn viên
Neo thu bến tình thuyền sương sóng
In bóng chùa xa trăng nửa hiển.*

Tôi thưa:

- Chuông đó là chuông chùa Hải Đức, chùa đó là chùa trên Trại Thủy in bóng xuống Cù Giang.

Đoạn kể tiếp:

- Sau hiệp định Genève, tôi hồi cư về Nha Trang. Từ ấy đến nay trên 15 năm (1957 - 1973) cứ mỗi buổi sáng lúc 4 giờ 30, tôi thức dậy nằm nghe chuông, chuông chùa Hải Đức gióng trước rồi đến chuông chùa Sư Nữ. Có một điều là chùa Sư Nữ ở cách nhà tôi một khoảnh đầm rộng không đến 500 thước, còn chùa Hải Đức ở tận Trại Thủy cách xa hơn một cây số, thế mà tôi lại nghe tiếng chuông Hải Đức rõ hơn chuông Sư Nữ.

Hòa thượng cười:

- Có gì lạ đâu, chuông Hải Đức đã lớn lại ở trên cao, còn chuông Sư Nữ vừa nhỏ thưa vừa ở dưới thấp, bị nhà cửa vây bọc tứ phía...

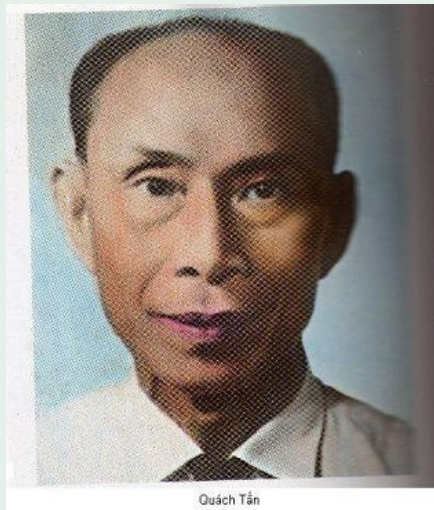
- Tiếng chuông Hải Đức có tiếng ngân vừa dài vừa âm, dài âm mà rất trong. Nhưng... Nhưng trong khoảng gần đây thỉnh thoảng tôi nghe tiếng chuông có hơi rè.

Hòa thượng giải thích: Đó là do mấy chú điệu còn ngái ngủ, không động chùy vào cục u mà lại động trật ra thành chuông.

Đại đức Trùng San cải chính:

- Con e không phải thế. Sợi dây da cột chuông đã quá cũ, con sợ lâu ngày rũi đứt nên đã lấy dây xích sắt thay vào. Khi đánh chuông cạ vào dây xích nên có tiếng rè.

Mấy tuần sau, gặp tôi, Đại đức Trùng San nói: "Tai bác thính quá! Tôi về coi kỹ lại thì tiếng chuông rè không phải vì dây xích, mà vì trên đỉnh chuông có một đường nứt. Chừa chuẩn bị đúc một quả chuông mới..."



Quách Tấn

Tôi chưa có dịp đến xem quả chuông mới, nhưng vẫn được nghe tiếng ngân vào mỗi buổi sáng. Tiếng ngân vẫn âm, vẫn trong vẫn dài nhưng lại có phần lớn hơn tiếng chuông cũ. Quả chuông mới không treo nơi Viện như quả chuông cũ mà đem lên trên đỉnh đồi, gần Kim Thân Phật Tổ. Nghe nói lúc làm lễ treo chuông mới, Hòa thượng Thích Trí Thủ có về dự. Nhưng biết rằng khách đến thăm Hòa thượng đã quá đông rồi, mình đến nữa chỉ làm rầy Hòa thượng thôi, nên không tìm gặp. Năm 1974, nhân có việc vào Sài Gòn tôi tìm đến chùa Già Lam...

...Tôi vào Hòa thượng mừng rỡ.

Tôi được tiếp nơi phòng khách rộng mát, bài trí rất trang nhã. Hòa thượng đối với tôi vẫn ân cần niềm nở như xưa... Tôi vừa nhớ, một buổi sáng chủ nhật, mặt trời vừa mọc tôi vừa đến sân chùa. Hòa thượng Giám Viện đương đứng bên khóm tường vi, thấy tôi, lấy tay ngoắt. Tôi đến cùng Hòa thượng lặng lẽ đứng thưởng hoa. Hoa đầy cành, lớp búp, lớp nở. Cánh thắm ươn ướt sáng mai, mùi hương ngọt dịu dịu... Lòng tôi lâng lâng... Đoàn Hòa thượng hái hai đóa hoa bán khai và mời tôi lên cốc. Cảnh yên tịnh. Hòa thượng tự tay chế trà với hoa tường vi, cùng tôi ngồi đối diện, vừa uống trà vừa nói chuyện. Tôi khen: "Hương ngát vị ngọt." Hòa thượng nói: "Nhất sen, nhì sồi, thứ ba mới đến tường vi." Rồi phân tích hương vị từng mỗi thứ trà ướp hoa. Tôi tuy không nghiện trà, nhưng nhờ lúc nhỏ được nghe ông nội và bà thân tôi thường bàn về trà, lớn lên lại được đọc đôi quyển sách Nhật nói về Trà Đạo, đôi quyển sách của Tàu nói về nghệ thuật chế trà và pha trà, nên ngồi với nhà sư rành trà, tôi không đến nỗi phải làm "con cò ngóng cò nghe kinh." Nhân nói về hoa trong trà, chúng tôi nói sang đến hoa trong thơ rồi đến thơ trong đạo, rồi đến đạo trong hoa... Chuyện thao thao bất tuyệt: Một chú điệu ngồi trên chiếc đôn nơi góc phòng, thiu thiu ngủ.

Lại một hôm nữa tôi đến Hải Đức vào buổi chiều. Hòa thượng Giám Viện nằm trên võng cột dưới giàn hoa bạch chỉ cạnh hiên phía đông chùa. Ông Trần Đình Lạc một người bạn đồng sự với tôi và là đệ tử thân tín của Hòa thượng, ngồi bên võng, trên mé thêm hiên chùa. Thấy tôi Hòa thượng ngồi dậy bảo ông Lạc đi bưng ghế. Tôi không ngồi ghế mà ngồi ngay nơi chỗ ông Lạc đã ngồi. Hòa thượng vui vẻ nằm lại xuống võng, cùng tôi nói chuyện. Nhân thấy ông Lạc cầm quyển kinh DUY MA CẬT, tôi nhớ đến bài từ TÔ ĐỒNG PHA tặng TRIỆU VÂN:

*Bạch phát thương nhan
Chánh thị Duy Ma cảnh giới,*

*Không phương tượng tán hoa hà ngại
Chu Thần trợ điểm
Cánh kể hoàn sinh thái.*

Tôi cao hứng ngâm khế. Ông Lạc yêu cầu tôi giải nghĩa. Tôi giảng:

Tóc bạc da mồi, chánh là cảnh giới của Duy Ma Cát. Nơi phương tượng trống không, nòng thiên nữ tán hoa, ngại gì mà không điểm giúp một nụ cười thơm thắm, để cho mái tóc già này xanh xanh trở lại. Một khay trà bung ra. Mùi hoa sói thơm ngát làm cho hương vị thêm nồng.

- Biết rằng Hòa thượng Giám Viện là một nhà sư giữ giới rất nghiêm, nhưng tâm hồn luôn phóng khoáng, nên tôi không ngần ngại, đem câu chuyện tình giữa TÔ ĐÔNG PHA và TRIỆU VÂN kể cho ông Lạc nghe, rồi nói:

- Ông Tô sánh Triệu Vân với Thiên Nữ Tán Hoa của Duy Ma Cát. Thượng tọa Giám Viện liền kể sự tích Duy Ma Cát cho ông Lạc và tôi nghe... Câu chuyện nối tiếp từ Duy Ma Cát-Đông Pha đến Đông Pha-Phật Ấn... Khách đến Đại đức Trừng San ân cần mời vào nhà tiếp tân. Nhờ vậy mà câu chuyện phong lưu dưới giàn hoa không bị gián đoạn... Trí óc tôi đương cặm cụi quay lại cuốn phim "Chùa Hải Đức" thì tai vụt nghe "Bạch Hòa thượng". Phim dứt. Tôi giục mình nhìn quanh: Bên cạnh Hòa thượng Trí Thủ, một Sa di đương đứng khép nép và ngoài sân có bốn, năm vị khách đàn ông có đàn bà có, đương đứng chờ. Tôi vội vàng đứng dậy. Hòn thượng cũng đứng dậy đưa tôi ra cửa...

Từ ấy cho đến ngày Hòa thượng viên tịch, trên 10 năm trời (1974 - 1985), tôi không gặp lại Hòa thượng lần nào nữa.

Không gặp nhưng tôi vẫn luôn luôn nhớ Hòa thượng và tin tức về Hòa thượng tôi vẫn biết được đại cương...

Hòa thượng THÍCH TRÍ THỦ đã qua đời, nhưng tình Hòa thượng còn mãi trong lòng tôi. Hình ảnh Hòa thượng thường hiện rõ trong tâm trí tôi, với mùi hoa tường vi, mùi hoa sói với phong cảnh chùa Hải Đức tuy quen thuộc song luôn luôn mới mẻ trong bầu không khí u tịch thanh cao.

Và ngày hôm nay, 1 tháng 9 năm Bính Dần, tức 21 tháng 10 năm 1986, lúc 4 giờ 30 sáng, nằm nghe chuông chùa Hải Đức như thường lệ, tự nhiên tôi nhớ Hòa thượng da diết. Hai hàng lệ chảy ròng ròng!

*Người già hạt lệ như sương
Mình già hạt lệ lại thường như mưa!*

Để dâng lên Giác linh Hòa thượng, tôi viết chương ký ức này. Nhớ gì viết nấy, nhớ đến đâu viết đến đó, không lập ý, không bố cục. Chăm chỉ viết từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn. Viết với tấm lòng kính cẩn chân thành.

CÔ ĐỘC HÀNH

*giữa phố đông người, ta lang thang
một mình ta một cõi trắng vàng
trắng nhìn xuống gương cười bờ ngõ
ta cũng cười nhưng hồn mê man*

*giữa phố đông người, ta lẻ loi
mắt đã niêm phong hết nửa đời
người trong huyền não tình mê đắm
ta vào thình lạng với chơi vơi*

*giữa phố đông người, ta với ta
tóc xanh phủ xuống mộng chưa già
ta đi rong hát niêm cô độc
nụ cười thu hết gió mây qua*

*giữa phố đông người, ta dạo chơi
tất cả trần gian một tiếng cười.*

HOÀI HƯƠNG

*rừng mờ mây dậm sương
tà huy chen sắc lục
thăm thẳm cuối con đường
đèn nhà ta sáng - tắt?*

*cách trở đường trăm dặm
sinh ly đã bấy chầy
nghe giọng kêu bìm bịp
sâu kia như càn say*

*xa nhà đã ba xuân
niềm riêng canh cánh lòng
hớp rượu chiều nghe đắng
tình chung, ai hiểu không?*

thơ PHÙ DU



ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA NÓI VỀ PHẬT GIÁO ỨNG DỤNG

Tác giả: ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA
Chuyên ngữ: *Tuệ Uyển*



(tiếp theo kỳ trước)

HỎI: Hành động của từ bi yêu thương đơn giản nhất nhưng có tác dụng nhất là gì?

ĐÁP: Đơn giản nhất? Hiệu quả nhất? Tôi không biết. Tôi nghĩ quý vị phải chú ý hơn đến thế giới nội tại của chúng ta. Đó có nghĩa là một thế giới của tâm lý, cảm xúc và tư tưởng. Mặc dù vào thời xưa những thứ này hiện hữu như một bộ phận của tôn giáo và triết lý, thường thường tôi phân chia chúng thành 3 con đường.

Trong Phật giáo, tôi phân chia chúng thành khoa học Phật giáo, triết học Phật giáo, và tín ngưỡng Phật giáo. Triết học Phật giáo, đến một mức độ nào đó, và chắc chắn tín ngưỡng Phật giáo, là chỉ dành cho Phật tử, và không có liên hệ gì với những người khác. Nhưng khoa học Phật giáo là điều gì ấy chung. Bây giờ ở phương Tây, các nhà khoa học đang làm việc với não bộ, thần kinh, và cảm xúc của con người đang bắt đầu quan tâm vào những thông tin chi tiết hơn từ truyền thống Ấn Độ cổ xưa. Cho nên, tôi nghĩ là nó hữu ích. Để có thêm những thông tin nào đó, trải nghiệm bởi chính ta. Đó là những gì tôi có thể nói – phần còn lại thì tôi không biết.

HỎI: Ngài có viễn tượng căn bản nào cho toàn thế giới, mà ngài cảm thấy có thể đạt được một cách thực tiễn trong vài thập niên tới?

ĐÁP: Tôi nghĩ rằng trong chính thế kỷ này, nếu chúng ta nỗ lực, một cách chính yếu qua giáo dục, thì tôi nghĩ một thế giới thân hữu hơn, hòa bình hơn, và yêu thương hơn có thể thành tựu. Một thế giới phi quân sự hóa – tôi không biết. Nhưng chắc chắn, tỉ lệ của xung đột sẽ giảm thiểu. Loại thế giới tốt đẹp hơn như thế là rất có thể, nói một cách thực tiễn.

Ồ, tôi muốn thêm một thứ nữa. Trong thế giới vật chất, một vấn nạn là khoảng cách giữa giàu và nghèo. Điều này là thật sự không chỉ ở cấp độ thế giới mà cũng ở mức độ quốc gia. Hãy nhìn vào USA, nơi những nhà tỉ phú đang gia tăng, nhưng bộ phận nghèo hơn của người nghèo vẫn tiếp tục nghèo. Tôi nghĩ Singapore có thể khá hơn – gần như một thị quốc, có phải không? Tôi nghĩ khoảng cách này có thể ít

hơn ở đây, tôi không biết. Bằng như khác hơn, ở Ấn Độ, bất hạnh thay như ở Trung Hoa cũng vậy, khoảng cách giữa nghèo và giàu đang gia tăng một cách nhanh chóng. Điều này không phải sai lầm một cách đạo đức, mà cũng là một nguồn gốc của rắc rối thực tế. Tôi nghĩ chúng ta nên bày tỏ vấn nạn này một cách nghiêm túc. Điều đó là rất quan trọng.

Đây là nơi mà vai trò của yêu thương trở thành quan trọng – gia đình hay xã hội giàu có hơn nên quan tâm nghiêm túc trong nhu cầu của khu vực nghèo hơn của thế giới. Trong một quốc gia cũng vậy, người giàu sang hơn bố thí giáo dục, y tế, kỹ năng, hay khí cụ cho người nghèo và không nên khinh rẻ họ; phải nên giúp đỡ họ có được sự tự tin.

Tôi không tin bất cứ người nào sinh ra thấp kém hay cao thượng. Xét cho cùng những sự phân chia này là sáng tạo của chúng ta. Có lần, khi ở Nam Phi, tôi đã viếng thăm một gia đình da đen, nơi một người trong gia đình là giáo viên. Và việc này chỉ mới sau khi thay đổi, với Nam Phi trở thành một quốc gia dân chủ. Cho nên tôi đã nói với gia đình, “Hiển pháp của quý vị đã thay đổi, mọi người bình đẳng, không còn bất cứ sự phân chia chủng tộc hay những sự phân biệt chủng tộc – nhưng theo tinh thần và cảm xúc cần có thời gian để hòa hiệp.” Rồi tôi trình bày, “Bây giờ cộng đồng da đen phải lãnh nhận trách nhiệm trọn vẹn, và nhận thức nó qua giáo dục, huấn nghệ, và sự tự tin.” Và rồi người giáo viên đó đã nói với tôi, “Não bộ của chúng tôi yếu kém. Chúng tôi không thể sánh ngang với người da trắng.”

Ngay lúc ấy tôi cảm thấy rất buồn. Đó là nguồn gốc của vấn nạn bây giờ. Tôi nói với người ấy, “Hoàn toàn sai. Từ lúc sinh ra, não bộ của chúng ta giống nhau. Sự khác biệt trong màu da chỉ là bề ngoài. Một cách căn bản chúng ta là những con người giống nhau – cùng tiềm năng, cùng năng lực.” Tôi kể cho ông ta thí dụ về hoàn cảnh Tây Tạng. Tôi nói với ông ta rằng nếu mọi người có cùng cơ hội, thì chúng ta có thể chứng minh rằng chúng ta là giống nhau, chúng ta bình đẳng. Tôi đã bàn luận rất lâu với ông ta. Rồi thì cuối cùng, với những cái nhìn xa xăm, thăm thì với tôi, người ấy đã tự tin rằng chúng ta là giống nhau. Vào

lúc ấy, tôi cảm thấy khuây khỏa vô vàn – tối thiểu thái độ tinh thần của một người bây giờ đã thay đổi!

HỎI: Làm sao chúng ta biểu lộ lòng yêu thương đến người nào đó đã từng làm tổn thương đến người khác?

ĐÁP: Như tôi đã đề cập trước đây, lòng yêu thương định kiến và lòng yêu thương vô tư là hai thứ. Lòng yêu thương định kiến, một cách phổ thông là sản phẩm của sinh học. Nó đến với chúng ta từ lúc sinh ra. Rồi thì với sự giúp đỡ của trí thông minh và tri thức của chúng ta – một kiến thức về những hậu quả dài hạn và ngắn hạn – lòng yêu thương của chúng ta trở thành vô tư. Loại yêu thương không định kiến ấy sinh ra từ tuệ trí hay tri thức, có thể mở rộng đến kẻ thù ta. Có những lý do cho điều này. Người tạo ra tổn thương đến người khác thực hiện vì cảm xúc tiêu cực. Cho nên có một loại lý do để cảm nhận quan tâm đến người đó.

Rồi thì, dĩ nhiên, có hai thứ - về phía nạn nhân và về phía thủ phạm. Về lâu về dài, có lý do hơn để quan tâm cho thủ phạm, bởi vì, trước nhất, theo tôn giáo hữu thần, người ấy đang hành động chống lại mong ước Thượng Đế và sẽ phải đối diện với những hậu quả tiêu cực. Quan điểm của tôn giáo vô thần là thủ phạm gây tổn thương tích lũy nghiệp chướng tiêu cực, vì thế không chống thì chầy, xét cho cùng người ấy phải đối diện với những hậu quả tiêu cực. Thế nên có lý do hơn để quan tâm cho thủ phạm. Về mặt khác, vì nạn nhân đã đau khổ rồi, theo quan điểm hữu thần, Thượng Đế bây giờ sẽ chăm sóc cho người ấy nhiều hơn và theo quan điểm vô thần, người ấy đã đóng lại một chương của nghiệp xấu cân bằng quá khứ. Điều này có lý không? Ngay cả theo quan điểm thế tục, người làm sai – thủ phạm gây tổn thương, kẻ sát nhân, kẻ trộm, kẻ lừa dối, ngược đãi tình dục – sẽ phải đối diện với những hậu quả của luật lệ. Cho nên có lý do để quan tâm đến người làm sai. Và trên căn bản ấy, ta mở rộng lòng yêu thương đến người làm sai.

HỎI: Ngài có xem môi trường là một loại phẩm vật quý cho người giàu, và chúng ta có thể làm gì để duy trì cân bằng giữa lòng yêu thương cho người khác và hành tinh của chúng ta?

ĐÁP: Vấn đề môi trường, đối với tôi, là một vấn đề mới và sự thấu hiểu mới. Khi chúng tôi ở Tây Tạng, khí hậu khô và nóng, dân số ít ỏi, tất cả các nguồn nước đều có thể uống – không có vấn đề gì. Cho nên chúng tôi

không có ý kiến gì về nước ô nhiễm. Vì thế cuối cùng, như một kết quả của nhiều lần gặp gỡ với những nhà khoa học và chuyên môn về sinh quyển, tôi đã chú ý đây là một vấn đề rất nghiêm trọng như thế nào. Hành tinh này của sáu tỉ con người là ngôi nhà duy nhất cho sáu tỉ người ấy. Mặt trăng trong xanh đẹp trong màn đêm – có rất nhiều thơ ca về mặt trăng – nhưng nếu chúng ta đánh mất ngôi nhà của chúng ta và cố gắng để định cư trên mặt trăng, điều đó sẽ là vô vọng. Tôi nghĩ hành tinh xanh này là ngôi nhà duy nhất cho nhân loại và những sinh vật khác.

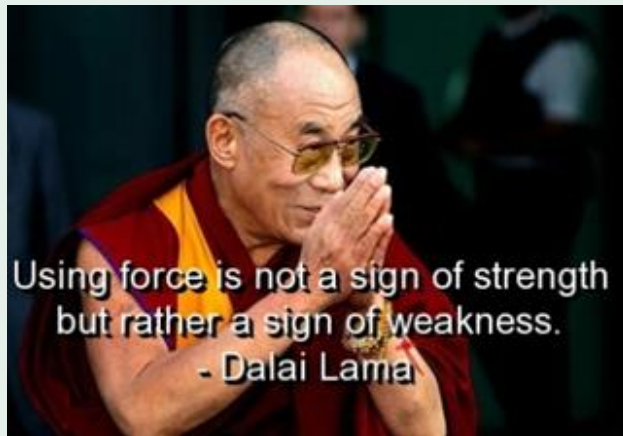
Tôi nghĩ sự hâm nóng địa cầu có thể là qua việc mặt trời và vị trí của hành tinh chúng ta với mặt trời – là ở ngoài sự kiểm soát của chúng ta. Tôi nghĩ 5 tỉ năm trước đây, khi hành tinh này dần dần hình thành, hoàn cảnh không như thế. Do vậy, trong tương lai, sau vài tỉ

năm nữa, mặt trời của chúng ta sẽ biến mất. Vì thế những thứ này là một câu hỏi khác. Nhưng với một phạm vi nào đó, qua sai sót của chúng ta, chúng ta đã tạo ra vấn đề lớn với sự hâm nóng địa cầu. Đây là một vấn đề rất nghiêm trọng hiện nay. Một nhân tố khác là sự chém giết là thứ mà tôi đề cập.

Nhưng sự suy thoái môi trường là vô hình. Không có nhiều sự chú ý, nó đang ảnh hưởng

hơi thở của chúng ta, lá phổi của chúng ta, đôi mắt của chúng ta, là những thứ có thể chúng ta không chú ý cho đến khi quá trễ. Do thế, điều này nghiêm trọng hơn. Chúng ta phải chú ý nhiều hơn đến vấn đề này. Vấn đề này không là một sự công bằng mà chúng ta chỉ có thể nói thôi – đây là một việc thực hành. Vì vậy, việc nghĩ về môi trường phải nên là một bộ phận của đời sống hàng ngày của chúng ta. Sự đóng góp bé nhỏ vợ vãn của tôi đối với vấn đề đó, tôi nghĩ bây giờ là đã vài thập niên, là tôi chưa bao giờ dùng bồn tắm, chỉ vòi bông sen thôi. Ngay cả thế, tắm rửa mỗi ngày – một lần buổi sáng và một lần buổi tối là – là một sự xa xỉ lớn. Cho nên việc hành động có trách nhiệm đối với việc thiếu nước hay điện năng, tôi nghĩ nên là một phần của đời sống hàng ngày.

Việc quan tâm này có thể liên kết với yêu thương như thế nào? Trong trách nhiệm để bảo vệ hành tinh, nỗ lực cá nhân có thể không có gì ấn tượng. Nhưng nếu một người thực hành sự quan tâm – và rồi mười người, một trăm người, một nghìn người – họ cuối cùng có thể làm nên một sự khác biệt. Do thế sự khởi đầu đến từ cá nhân. Tôi thường gọi điều này là một ý nghĩa của “trách nhiệm toàn cầu” – một



cảm nhận cho sự cát tường của toàn nhân loại. Cho nên ở đây là sự nối kết với lòng yêu thương. Nó đến từ cả ý nghĩa của sự quan tâm cho người khác, và cả một cảm nhận cho sự quan tâm đến chính mỗi cá nhân.

Thật sự, mỗi người trước tiên yêu thương chính mình. Điều này là rất thiết yếu. Cho nên, trước nhất chăm sóc tối đa cho chính mình; và rồi vì lợi ích của chính mình, hãy mở rộng tình yêu đến những người khác.

HỎI: *Khi HIV tiếp tục tàn phá dân số Phi châu, ngài nghĩ chúng ta có thể làm gì để làm cho mọi người quan tâm đến nó cùng biểu lộ lòng yêu mến (từ ái) và thương cảm (bi mẫn) cần thiết để làm cho cơn dịch này biến đi?*

ĐÁP: Dĩ nhiên, trước nhất, tôi nghĩ ở đó đã có một số nghiên cứu hoàn tất về HIV. Hàng triệu đô la đã được sử dụng. Tôi nghĩ là điều này nên tiếp tục, và tôi cũng hy vọng sẽ cho chúng ta một số kết quả nào đó. Bước tiếp theo của sự tinh thức là giáo dục. Có một số trường hợp HIV có thể lan truyền qua sự truyền máu; nhưng trong hầu hết mọi trường hợp thì qua tình dục, có phải thế không? Vậy thì có thể bao cao su nên sẵn sàng. (Cười) có thêm một điều nữa – tôi nghĩ cộng đồng không nên phủ nhận hay quay mặt với những bệnh nhân này.

HỎI: *Một số người có xu hướng kém lòng từ bi yêu thương một cách tự nhiên. Có cách nào để trau dồi lòng từ bi yêu thương cho mọi người trong đời sống của họ không?*

ĐÁP: Vào lúc khởi đầu của đời sống chúng ta – lúc sơ sanh – tôi không nghĩ có nhiều khác biệt. Nhưng sau khi sanh ra, từ ngay ngày đầu tiên và qua những tháng năm, những môi trường và điều kiện khác biệt biến chúng ta thành những loại người khác biệt. Đó là tại sao thật cực kỳ quan trọng để cung cấp đứa trẻ tình cảm tối đa từ cha mẹ; và cho phép bà mẹ - đặc biệt là bà mẹ - có nhiều thời gian hơn với đứa bé. Và thay vì bất cứ loại sữa nào khác, thì tôi cảm thấy sữa của chính bà mẹ là tốt nhất cho đứa bé.

Nhấn nại cũng là một vấn đề thật sự quan trọng. Thời gian cũng là một nhân tố. Biến đổi gì đó từ tốt sang xấu là rất dễ. Nhưng thay đổi điều gì đó từ xấu sang tốt phải cần một thời gian dài và cần nỗ lực hơn, thế nên tự nhiên nó cũng cần nhấn nại hơn. Vào một ngày nọ, trên máy bay từ Tokyo sang Seattle, có một đôi vợ chồng với hai đứa con nhỏ. Lúc đầu, chúng dường như rất dễ thương. Tôi cho đứa bé trai một vài viên kẹo – tôi nghĩ một đứa là con trai, và đứa kia là con gái. Sau đó, cả đêm đứa lớn ngủ rất ngon lành; nhưng đứa nhỏ cứ khóc la, và xoay sở. Rồi thì cuối cùng người cha im lặng, rồi ngủ. Nhưng người mẹ dành trọn cả đêm chăm sóc đứa bé ấy. Vào lúc ấy tôi nghĩ, nếu là tôi, thì tôi có thể không kiên nhẫn trọn vẹn. Cảm ơn.

HỎI: *Với tất cả bất mẫn, tội ác, phân biệt chủng tộc, và thù hận, như những con người,*

chúng ta có thể làm gì để hòa nhập từ bi yêu thương, để tạo nên một sự khác biệt trong đời sống của người khác và xã hội của chúng ta?

ĐÁP: Giống như bất cứ vấn nạn nào khác, chúng ta cần những giải pháp dài hạn và những giải pháp ngắn hạn. Với những giải pháp dài hạn, như tôi đã đề cập rồi, chúng ta nên sử dụng giáo dục để thúc đẩy và làm cho mọi người nhận thức thấy các giá trị nội tại của họ. Đó là cách duy nhất về dài lâu. Một xã hội hòa bình không thể được mang đến bằng quy định, mệnh lệnh, hay bắt nạt – thế đó là khó khăn. Nó chỉ đến một cách chân thật nếu mọi cá nhân tự nguyện với năng lực của họ. Đó là tại sao chúng ta cần tinh thức về giá trị nội tại này.

Về mặt khác, với giải pháp ngắn hạn, tôi không biết. Tôi không có kinh nghiệm đặc biệt. Có lẽ nó có thể được hoàn tất bằng việc thực hiện một sự nối kết hữu quan nào đó. Khi tôi viếng Bắc Ái Nhĩ Lan, tôi thấy những nạn nhân của xung đột từ hai nhóm tôn giáo. Tôi đã đến đây hai hay ba lần. Một lần nọ, tôi được viếng thăm một nhóm nạn nhân. Khi tôi bước vào phòng đỏ, khuôn mặt mọi người căng thẳng và không cười, giống như sẵn sàng để chiến đấu. Không khí, ở cả hai phía đây thù oán. Sau đó chúng tôi ngồi xuống và nói chuyện. Lúc mới đầu, tôi lắng nghe kin nghiệm của họ. Tất cả đều là một loại kin nghiệm rất khủng khiếp. Rồi thì, tôi cố gắng để làm cho không khí hơi lắng xuống bằng nụ mỉm cười, chia sẻ một vài câu nói đùa, những thứ như thế. Cuối cùng, họ đã làm tôi hơi ấm áp, và chúng tôi dần dần có một sự trao đổi rất nghiêm túc.

Khi tôi đến Bắc Ái Nhĩ Lan lần sau, sau một hay hai năm, tôi đã viếng những nạn nhân này lần thứ hai, và có một sự khác biệt lớn. Ngay từ lúc đầu, mọi người đã mỉm cười. Có một người đàn ông trong họ được diễn tả như một anh hùng, tôi nghĩ ông khoảng mười ba hay mười bốn khi một viên đạn cao su bắn trúng ông (điểm giữa hai chân mày), lập tức ông mất thị lực. Dĩ nhiên, do bởi đau đớn, vào lúc ấy, cậu bé bất tỉnh. Khi tỉnh lại, ông ta đã bị mù. Nhưng không có sân hận hay thù oán trong ông – chỉ hối tiếc rằng ông ta không còn có thể thấy khuôn mặt bà mẹ, ông đã nói tôi như thế. Như một kết quả, khi tôi gặp nhóm người này lần đầu tiên, người đàn ông mù vẫn tĩnh lặng và có một nụ cười mỉm trên khuôn mặt. Khi tôi gặp ông trong lần thứ hai, ông đã có một người vợ xinh đẹp và hai đứa con – hai đứa con gái rất dễ thương.

Cho nên thái độ tinh thần thật sự làm nên một khác biệt lớn trong đời sống các bạn. Những nạn nhân của cùng tai họa, một số mãi giữ sự sân hận và thù oán suốt cả cuộc đời họ, và những năm tháng của họ thì căng thẳng và khó khăn. Cậu bé này, ngay từ lúc khởi đầu, không sân hận hay thù oán. Do vậy, cuộc sống của ông ta – mặc dù không còn thấy được nữa – thì vẫn rất hạnh phúc ở đây. Thế nên, có lẽ

câu chuyện này, cùng sự chia sẻ và kể lại những câu chuyện như vậy, nếu nó là một khu vực thật sự rắc rối, thì tôi nghĩ thật đáng để mỗi người anh hùng của tôi, tôi nghĩ thật là tuyệt vời, tôi nghĩ thế giới bên ngoài không biết gì nhiều về con người này. Vì vậy tôi nghĩ cái chính là tạo nên mối quan hệ bè bạn, đầu tiên là từ bên trong ra bên ngoài. Rồi dần dần sự cản trở đáng sợ giảm thiểu, và sau đó chúng ta có thể thực hiện những sự thảo luận nghiêm túc hơn, tôi cảm thấy như vậy. Tôi nghĩ với sự giảng giải tốt đẹp hơn, sự tỉnh thức tốt đẹp hơn, phối hợp tốt đẹp hơn, thì những điều này sẽ dần dần thay đổi. Tôi nghĩ như thế đó.

HỎI: Từ bi yêu thương và trách nhiệm công dân là những từ ngữ với các sự diễn dịch bao quát và có nhiều ý nghĩa. Có một định nghĩa phổ quát hiệu quả đủ để nối kết con người, mặc cho những khác biệt về tôn giáo, thứ bậc, tuổi tác, và giới tính không?

ĐÁP: Tôi nghĩ trách nhiệm công dân có nghĩa là một cảm nhận trách nhiệm nào đó cho xã hội. Bản chất căn bản của con người là một tạo vật xã hội. Trước tiên hết, tôi không hiểu ý nghĩa chính xác của thuật ngữ Anh văn này – “civic responsibility – trách nhiệm công dân”. Như tôi đã đề cập, ngoại trừ chúng ta có cảm nhận của việc quan tâm hay chăm sóc cho sự cát tường của người khác, thì loại trách nhiệm ấy khó để có. Cho nên rõ ràng đây là sự nối kết này.

Bây giờ, từ bi yêu thương là ý nghĩa quan tâm cho sự khổ đau của người khác; tôi nghĩ phần đó là giống nhau đối với tất cả mọi truyền thống tôn giáo. Từ ái và bi mẫn tôi nghĩ là giống nhau. Nhưng rồi thì với khái niệm Thượng Đế, phía trí tuệ là khác. Như tôi đề cập trước đây, bây giờ có sáu tỉ con người, thì chúng ta phải tìm ra một phương pháp phổ thông vốn trên căn bản của cảm nhận chung, kinh nghiệm chung. Tình cảm giữa bà mẹ và con cái là phổ thông. Nó ngay cả chung với những động vật có vú mà đời sống của chúng lệ thuộc vào bà mẹ, chó và mèo. Chúng ta cũng giống như chúng thôi, cùng mô thức. Cho nên con người chúng ta, do bởi sự thông minh và bây giờ là những khám phá của khoa học, có thể có một tâm thức từ bi yêu thương hơn. Não bộ thể hiện chức năng tốt đẹp hơn, thì sức khỏe thân thể cũng tốt đẹp hơn. Tôi nghĩ những thứ này là phổ quát. Do vậy hãy sử dụng những thứ này như căn bản của giải thích về tầm quan trọng của từ bi yêu thương. Như thế đó, tôi nghĩ, cung cách thể tục, điều đó là rất, rất quan trọng.

Cảm ơn.

*(Trích từ quyển The Big Book of Happiness)
Ấn Tâm Lộ, Sunday, January 21, 2018*



KHÓC TỐ NHƯ

(cảm tác nhân đọc Thư Tòa Soạn CP số 72
có nhắc đến Nguyễn Du, Truyện Kiều)

*Thời gian đi mãi không dừng
Hai trăm năm đã trôi qua dòng đời
Nhớ Người, dâng nén tâm hương
Truyện Kiều còn đó... nào nùng bi ai!
Nguyễn Du có thấy lòng đau
Khóc Người... khóc tới ngày sau vẫn còn!
Xót xa nước mắt tuôn trào
Nguyễn Du ngọn bút thi hào tài danh
Cũng đâu sông tới trăm năm
Chim trời gầy cánh, hoa xuân héo tàn
Nghìn xưa cho tới nghìn sau
Cô kim chung một mối sầu chia phôi
Lâu thơ cỏ đã lấp rồi
Mộ phần cũng đã đổi dời... còn đâu!
“Oan khiên vui đập Thúy Kiều
Sông Tiền Đường cũng dự phần bể dâu”
Lặng nhìn nước chảy qua cầu
Nghe sao tê tái thương Kiều truân chuyên!
Nguyễn Du một cõi văn chương
Đường trần lạc bước ngõ ngang... Chao ôi!
Người đi để lại gì không? (*)
Nguyễn Du để lại vô bờ tình thương
Bao nhiêu cát bụi bên đường
Ném theo hưng phế vào dòng ào hư
Dân gian vẫn khóc Tố Như
Hay là khóc bởi đoạn trường đời ta!?*

*Người đi, đi mãi... lệ nhòa
Ơi hồn phiêu bạt chốn nào, nơi đâu?
Mấy vần tưởng niệm Nguyễn Du
Mong người yên giấc thiên thu an lành.*

thơ DIỆU VIÊN

(*) Ta còn để lại gì không? (thơ Vũ Hoàng Chương)



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
TỔNG VỤ NI BỘ**

Trụ sở tạm: 10660 Rosalie Drive, Northglenn, CO 80233
Tel: 303-350-7252 / 303-457-3570

ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU

TỊCH DIỆT PHI DIỆT



Kính gửi:

- Ban Tổ Chức Tang Lễ Cố Ni Trưởng Thích Nữ Như Thủy,
- Chư Môn Đồ Pháp Quyển Cố Ni Trưởng tân viên tịch.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Tổng Vụ Ni Bộ, thuộc Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ vừa nhận được tin Ni sư Thích Nữ Như Thủy, pháp hiệu Huệ Hạnh, viên tịch vào lúc 8 giờ 15 sáng, ngày 17 tháng 3 năm 2018 (nhằm mừng Một tháng Hai, năm Mậu Tuất) tại Chùa Phổ Hiền, thành phố Worcester, tiểu bang Massachusetts, Hoa Kỳ, thế thọ 69 năm, hạ lạp 43.

Cố Ni trưởng là một bậc danh Ni tài đức, uyên thâm Phật học, một đời tận tụy trong việc hoằng pháp, giáo dục; từng giảng dạy, dẫn đạo cho nhiều thế hệ Ni Việt Nam, trong và ngoài nước. Ngoài việc giảng dạy, Cố Ni trưởng cũng đã đóng góp nhiều sáng tác văn học, Phật học, và để lại tác phẩm thời danh "Hư Hư Lục," từ nhiều thập niên trước.

Nhất tâm hộ niệm Cố Ni trưởng Thích Nữ Như Thủy được thông dong nơi cảnh giới vô khứ vô lai, hồi nhập Ta-bà tiếp tục sứ mệnh hoằng truyền Phật đạo, cứu độ chúng sinh.

Thành tâm phân ưu cùng Ban Tổ Chức Tang Lễ và chư Môn Đồ Pháp Quyển của Cố Ni trưởng tân viên tịch.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,

Colorado, Phật lịch 2561 ngày 17 tháng 3 năm 2018



Quyển Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ

Thích Nữ Giới Châu

TKN Thích Nữ Giới Châu

Tưởng Niệm Ni Trưởng Thích Nữ Như Thủy

THÍCH NỮ NHƯ ĐỨC

LTS: Một cây bút tài hoa viết về một cây bút tài hoa khác trong Ni giới. Có thể xem đây là một trong những bài điều văn đặc sắc nhất của văn học Phật giáo Việt Nam từ trước đến nay.

Nam-mô Phật Bốn sư Thích-ca Mâu-ni

Hôm nay huynh đệ chúng con, đại diện Ni chúng thiền viện Viên Chiếu vô cùng xúc động trước tin buồn Ni trưởng Như Thủy viên tịch. Nơi xa xôi, chúng con xin hướng về Giác linh Ni trưởng Như Thủy kính thành một tấc lòng tưởng niệm.

Thật là đất trời âm đạm, buồn tiếc thương khắp mây không gian. Ni trưởng Như Thủy, một đời tài đức vô song, cả huynh đệ không ai sánh kịp. Một thuở học chung nơi Vạn Hạnh, đi về chung lối Dược Sư. Bọn bè đồng liêu chia ngọt sẻ bùi, trong đại chúng tiếng cười còn đọng. Văn thơ lưu loát, vẽ một nét nên tranh, thơ đôi câu làm ngơ ngăn biết bao cô ni trẻ.

*"Một đôi thùng gánh hai trăng
Một tâm tư trải mấy hằng hà sao."
(thơ Như Thủy)*

Tiếng khánh quá đường kêu gọi giờ thọ thực, chiếc bát chõng ngồi cùng huynh đệ bên nhau. Giờ niệm Phật, tụng kinh, màu y áo vẫn thơm hương trầm chánh điện. Đi dạy học nơi Huê Lâm, tiếng giảng bài làm xao động cả lớp. Bài văn đăng nơi Giác Ngộ, ý tứ ngôn từ làm khâm phục độc giả gần xa.

*"Ta đứng đó áo nâu dài sám hối
Nhật nhòa bay quên ngày tháng si mê."
(thơ Như Thủy)*

Vì thao thức trên đường học đạo, chân diện mục chưa khám phá, chưa thấu tỏ nguồn tâm, không đành để một đoạn nhân duyên qua mất.

*"Mùa xuân ta lên núi
Hăm hờ làm sơn đông
Bỏ con đường khói bụi
Cho sách vở vờ trông."
(thơ Như Thủy)*

Trên núi Tao Phùng, đánh lễ Hòa thượng Ân sư, nhập Ni chúng Bát Nhã, học thiền kinh thiền lý, tọa thiền sám hối, vất vả chiến đấu



Ni trưởng Thích Nữ Như Thủy trong một buổi giảng tại Đức Viên tịnh uyển, thành phố Los Catos, California, Hoa Kỳ

với ma hôn trầm trạo cử. Gánh nước từ dưới núi lên viện, vác củi qua mấy đoạn dốc gập ghềnh, mồ hôi tuôn ướt áo, vẫn mơ làm thiền sinh, đầu gậy khêu nhật nguyệt.

*"Học trồng hoa trên đá
Chân bước mòn sơn khê
Bao mùa thu trút lá
Sao chưa tỏ lối về."
(thơ Như Thủy)*

Đường Thạch Đầu, đường Đại Mai, đôi Tự Tại bao phen nhìn tà áo Thầy bay như giấc mộng. Tiếng giảng kinh, lời nhắc nhở, thiền đường Chân Không vang lời Thầy thức tỉnh. Hãy ra khỏi lối mòn chấp vọng tình vọng thức, hãy buông đi bóng hình hư ảo không thật. Nhận lấy ông chủ nơi mình, tự do tự tại, không chịu để người khuất phục. Một phen giữ chặt đường lối nhà Thiền, dù nóng bức khó khăn, tâm không lay chuyển.

Chưa đủ nội lực công phu, thời thế một phen chuyển động, làm người đầu tiên xuất phát xuống rừng. Thiền viện Viên Chiếu, đất Long Thành rừng hoang gai góc bốn bề. Tay cào tay cuốc, con dao cây rựa dọn rẫy đắp bờ đê. Sức vóc như thanh niên, không con ma khó khăn nào làm nhụt chí. Đất bốn bề có chao nghiêng, một nụ cười hòa tan tất cả. Chị em bên củ khoai củ sắn, trở tài làm tàu hũ nắm rơm. In một cái bánh khoai mì to bằng bàn tay, chấm nước tương muối ớt cho đầy bụng đói.

Không hề gì, không gian thời gian của một miền rừng heo hút. Đốt lửa nấu bánh, ca hát suốt đêm đợi giao thừa năm mới. Làm đạo diễn xúi bầy em đóng vai trò, cười nghiêng ngả bên gốc cây rừng. Dựng tấm bảng dạy chữ Nho "Chi hồ giả dã", chị và em lấm bùn đất đầy áo, vẫn miệt mài ôn kinh kệ lời xưa. Thầy từ núi Chân Không về khuyên dỗ, sương sớm còn đầm hoàng y. Từng lời Tổ, từng lời thiền, chim trên cành nằm im nghe ngóng.

*"Gió rừng vắng tiếng Honda
Rủ nhau ta vác cuốc ra đón Thầy."
(thơ Như Thủy)*

Một tập tranh ký họa, còn như in Viên Chiếu Lục, vẽ lại một thời thế đó. Mười hai ngày lao động, công trường Vĩnh An nổi tiếng như cồn. Mỗi hay, sẵn ngòi bút tài hoa thì thế gian trở thành tranh vẽ. Lên pháp tòa thuyết pháp, chuyện xưa chuyện nay, Hư Hư Lục đến giờ vẫn còn xuất bản. Ngôn ngữ như lưu, cười nói giảng dạy mà trẻ già cuộn cuộn kéo theo. Cô Như Thủy, một thời là biểu tượng chư ni ái mộ.

Với huynh đệ tận tâm hết lòng, với biển đời cơ khổ lòng bi thương muốn làm Bồ Tát ra tay tế độ. Chẳng ngại ngàn với cuộc đời nhiều bí mật chông gai. Rồi từ đó, tiếng tăm lại in thêm một trang sách khác.

Xa cách bấy lâu, vẫn trông về chùa xưa chúng cũ, tin tức hỏi han, chia sẻ với huynh đệ mỗi lúc gặp việc bất bình. Như ngày xưa hay ngâm câu thơ Lục Vân Tiên:

*"Anh hùng tiếng đã gọi rằng
Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha."*

Người như vậy, tài hoa như vậy, sao chẳng để cho trọn hưởng tuổi trời. Đất Việt, đất Mỹ xa xôi, chẳng thể nào có mặt trong giây phút cuối.

Một nén tâm hương, đôi dòng chữ thảo, có khi đợi mất đi rồi mới tỏ cặn nỗi niềm. Thầy như bậc Ân sư, cha già trông chờ cùng tử. Lòng bi mẫn nhuần thấm trọn pháp giới, đợi con về trao cho gia tài còn đó. Người thông minh tánh linh không mờ, xin nhớ cho, Phật tánh không hạn cuộc nơi thân tứ đại. Chóng nhận lại nếp áo nhà thiền, bờ giác ngộ chỉ quay đầu là tới bến. Một đời như mộng, ta chỉ thích mộng lành. Rủ sạch vướng mắc nợ nần, bước thẳng lên vị vô sanh, hòa cùng tánh sáng. Phật pháp quang huy đâu có che lấp một ai. Mình sẵn có hạt châu trong chéo áo, mở ra, mở ra liền, xua tan nghèo khổ. Tặng nhau một câu Bát-nhã, "Qua đi, qua đi, qua hết đi, rốt ráo là giác ngộ, bồ đề."

Như Thủy giác linh chứng tri.

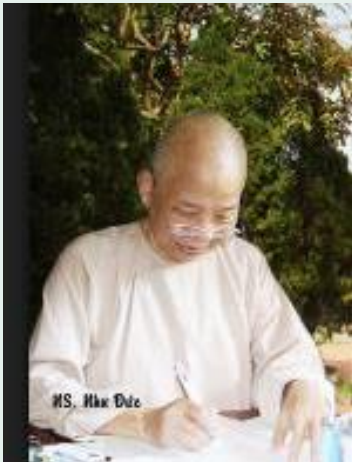
Thích nữ Như Đức
Trụ trì thiền viện Viên Chiếu

MỘT VÀI HÌNH ẢNH NI TRƯỞNG NHƯ THỦY GIẢNG DẠY TẠI ĐỨC VIÊN TỊNH UYÊN, CALIFORNIA, HOA KỲ



NHỮNG BÀI HỌC TỪ CÁCH ỨNG XỬ

TN. Như Bảo



Sáng nay trời Boston có nắng ấm, mùa Đông nơi vùng Đông Bắc Hoa Kỳ mà có nắng là niềm hạnh phúc. Tôi đang ngồi đọc lại những lời chúc Tết của huynh đệ, gửi qua email, viber, thì nhận được điện thoại của Ni Sư Như Nguyệt. Sau lời thăm hỏi, Ni sư có cho tôi biết về lễ tưởng niệm Ngày Kiêu Đàm Đại Ai Đạo được tổ chức

tại Đồng Nai. Ni sư có nhã ý mời tôi viết về công hạnh của Ni trưởng Như Đức trụ trì TV. Viên Chiếu. Tôi vốn không có khả năng viết lách, mà lại viết cảm nghĩ về một vị lớn cần có sự chuẩn mực. Tôi có trả lời với Ni sư:

“Không được đâu. Bài văn đăng báo cần có bài bản, có văn chương, còn kiểu của tôi chỉ để kể chuyện cho những người bạn thân nghe thì được.” Ni sư trả lời: “Không sao đâu cần có chân tình và sự thật là được rồi.”

Sau khi đắn đo suy nghĩ và nhận được sự động viên hỗ trợ của huynh đệ tôi mới dám mạo muội viết lên vài dòng cảm nghĩ của mình để gọi là tỏ lòng với chư Tôn Đức nơi quê nhà nói chung và nói riêng với Ni trưởng trụ trì Tv. Viên Chiếu trong ngày tưởng niệm đức Thánh Tổ Ni. Tôi chỉ viết lên được những điều mình tâm đắc và hiểu biết về Ni trưởng theo cảm nhận của riêng mình. Còn về công hạnh tu tập, về đạo nghiệp hoằng pháp lợi tha, về những đóng góp với đạo pháp và Ni giới... rồi đây hẳn sẽ có những vị thiện sĩ học giả để tâm nghiên cứu một cách đầy đủ và sâu sát hơn.

Ni trưởng Viên Chiếu mà chúng Ni vẫn quen gọi là Sư Đức, là vị tôn túc rất thân tình gần gũi với mọi người dù đó là tăng hay tục. Huynh đệ chúng tôi vốn được Ni trưởng xem là đàn em hậu học từ thuở còn sơ cơ và cho đến tận bây giờ, chúng tôi vẫn luôn nhận được những lời động viên chia sẻ của Ni trưởng về chuyện đạo chuyện tu, về những tâm tư cùng những khó khăn khi dẫn thân hành đạo. Với thân tình đó mà chúng tôi dù có đi đâu về đâu... mỗi khi có dịp là cùng hội tụ về Thiền

viện Viên Chiếu, cũng là cách để lắng đọng tâm tư sau những Phật sự bận bịu, sau mỗi chuyến đi trải dài theo năm tháng.

Nhớ lại trong chuyến về Việt Nam vừa rồi (tháng 11 năm 2017), tôi đã được nghe những lời chia sẻ đạo nghĩa của Ni trưởng “*Mỗi lần lên lớp dạy các chư Ni trẻ ở các học viện, Sư vẫn thường nhắc đến công hạnh của Sư trưởng Huệ Lâm. Một bậc trưởng lão Ni rất tâm huyết với chúng Ni và đã dày công xây dựng cho Ni giới có vị thế vững vàng như ngày hôm nay...*”

Nghe những lời của Ni trưởng, chị em có mặt hôm ấy đều bồi hồi xúc động. Những lời nói ấy xuất phát từ đạo tình sâu sắc của người đệ tử luôn hết lòng kính thuận đối với các bậc thầy của mình, như cố Sư bà Thiền Đức, Hòa thượng Trúc Lâm, Sư trưởng Huệ Lâm... những vị ân sư giáo dưỡng truyền pháp, truyền giới mà Ni trưởng luôn tôn kính ghi nhớ và nhắc nhở cho đàn hậu học cùng tiếp bước noi theo. Dù Sư không bao giờ thể hiện nhưng chư Tôn đức và chư Ni hậu học hẳn có chung một ý nghĩ: nhờ được hun đúc giáo dưỡng từ những bậc thầy uy đức đó mà Ni trưởng sớm được hấp thụ những phẩm chất cao đẹp, từ tốn uy nghiêm và bao dung đức độ.

Đối với quý Ni sư cùng thời, là huynh đệ chung sống trong thiền viện từ thuở còn là Ni sinh, Ni trưởng luôn bày tỏ sự tôn trọng quý mến thương yêu. Có nhiều vị Ni Sư vẫn còn mẹ già đơn chiếc ở quê nhà, Ni trưởng cho đón các cụ về chùa để phụng dưỡng gần cả 10 năm trời, và đây cũng là cách tạo duyên cho huynh đệ mình được trọn tình hiếu đạo. Đến khi các bà mẹ qua đời, Ni trưởng là người đứng ra trực tiếp lo phần tang lễ, như chính với mẹ ruột của mình. Có câu chuyện mà tôi được nghe quý Sư lớn kể lại: Hòa Thượng Tôn Sư (Hòa thượng thượng Thanh hạ Từ) có lần đã dạy Hòa Thượng Trụ trì Thường Chiếu (Hòa thượng Nhựt Quang) là nên qua Viên Chiếu hỏi thăm và xem coi Sư Như Đức đã ứng xử như thế nào mà vẫn giữ chân được các vị lớn để cùng chung sống trong Thiền Viện, cùng lo Phật sự mà không ai đi ra ngoài lập thất hay lãnh chùa riêng?

Về cách đối nhân xử thế của Ni trưởng cũng rất đặc biệt, Ni trưởng không chỉ tôn trọng quý kính người lớn mà ngay cả những em nhỏ, Ni trưởng cũng hết lòng thương yêu, bảo bọc. Vào thập niên 1980, thời gian đó, các chùa còn khó khăn, một ngày sau khi ra Hạ, tôi và Sư chị Như Chánh đi xe đạp bỏ lên xe đò và

mang theo một bao bánh mì ra Viên Chiếu cúng dường đại chúng. Khi hai chị em hì hục mang vào nhà bếp thì có một vị bảo rằng:

- Bánh mì có hạt vẹt sao ăn được?

Nghe vậy chúng tôi hơi thất vọng. Vừa lúc đó, Ni trưởng cũng có mặt ở nhà bếp và dạy:

- Đem bánh mì cắt ra chia cho chúng.

Hai chị em tôi nhìn nhau vừa mừng rỡ vừa thâm cảm kích cách ứng xử đầy ắp tình người của Ni trưởng. Qua những câu chuyện đời thường như thế mới thấy rằng cung cách lời nói và những việc làm của Ni trưởng luôn thể hiện ĐỨC độ giống như tên gọi của người.

Thường thì chúng ta chỉ để tâm đến những việc như: từ thiện, giảng dạy, hoằng pháp... mà lại thờ ơ về những cách ứng xử hằng ngày với người chung quanh. Nhưng chính điều mà mọi người không quan tâm đó thì Ni trưởng lại hội đủ. Cung cách đối nhân xử thế của Người mà theo sách vở thế gian thường gọi là “Đặc nhân tâm” nhưng cái gọi là đặc nhân tâm đó với Ni trưởng cũng thật khác người: nhẹ nhàng, tinh tế một cách tự nhiên, đem tấm chân tình hòa hợp với mọi người, đem sự khoan dung độ lượng dẫn dắt tâm chúng sanh đi vào con đường lý đạo sâu xa mẫu nhiệm. Điều đó lý giải vì sao mọi người khi bước chân đến thiền viện đều có cảm giác như được trở về nhà mình. Trở về ngôi nhà chứa đầy những hình ảnh yêu thương, tràn ngập những nụ cười sẽ chia thân ái.

Qua những mẫu chuyện thường ngày như thế, tôi đã học được ba bài học:

- **Hạnh hiếu:** Dù ở vị trí nào, học vị nào, bậc thầy đối với mình mãi là bậc thầy tôn kính.
- **Tình huynh đệ:** không có gì làm thay đổi tình huynh đệ, và chân tình ấy luôn được nuôi dưỡng và làm lớn theo năm tháng.
- **Lòng độ lượng, bao dung:** Tình thương không dừng lại với những đứa em, đứa con để nói, để bảo... mà tình thương đó luôn có với những ai đã từng làm mình đau cả tim, nhói cả lòng.

Tấm gương của Ni trưởng Như Đức Trụ trì Thiền Viện Viên Chiếu là bài học sống để thế hệ trẻ, chư Ni chúng ta noi theo mà tu tập. Nhất là trong thời đại công nghệ, con người ngày càng không còn thời gian để cho nhau sự chăm sóc, lòng quý mến, niềm tin yêu.

Anh nắng đã lên cao, khí hậu đã có chút ấm áp... huynh đệ trong chùa tranh thủ ra ngoài đi bộ, ai cũng vui tươi khi có ngày nắng ấm trong mùa đông lạnh giá, và tôi cũng tràn đầy niềm hạnh phúc, khi vừa ôn lại được những bài học từ cách ứng xử của Ni trưởng trụ trì Viên Chiếu.

Con kính gửi về vài lời chia sẻ đạo tình của người phương xa, xin ngưỡng vọng kính lễ chư Tôn đức Ni trong ngày **Đại lễ Tưởng niệm Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di.**

Ngày 01 tháng 3 năm 2018

Chùa Huệ Lâm tại Hoa Kỳ

TKN. THÍCH NHƯ BẢO



MỘT VÀNG TRẮNG

“Một đôi thùng gánh hai trăng
Một tâm tư trải mây hằng hà sao.”
(thơ TN Như Thủy)

*Gánh nước cây rừng siêng tưới:
cây lớn cây nhỏ thâm ân
Quả trắng nhẹ hằng vai gầy:
sao hôm sao mai rực sáng*

*Thi bút thiền ngôn hý lộng
Một thời kinh ngạc tao nhân
Pháp nhũ biện tài sâu rộng
Sôi đã gặt đầu thọ ân.*

*Một chiều nhìn lại bước đường
Rõ ràng trời cao mây trắng
Đêm về nhập một hai trăng
Tịch tịch tâm tư sâu lắng*

*Buông gánh trần gian nhẹ bước
Mắt tuệ ngời ánh muôn sao
Huyền thân gửi nơi sinh-tử
Nẻo về
thinh lặng
non cao.*

*Hạc tung cánh
Nghiêng một trời
Người ở lại
Giấu lệ rơi.*

*Nước không lưu dấu trăng vô ảnh
Trời trong mây tạnh tâm hư không.*

Kính dâng Ni trưởng Thích Nữ Như Thủy
Hậu học **Vĩnh Hảo – Tâm Quang** khấp đê

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn



**VEN. SANGHARAKSHITA
(1925-)**

Thượng Tọa Sangharakshita tục danh là Dennis Lingwood, sinh năm 1925 tại Stockwell, miền nam Luân Đôn (Anh Quốc). Năm 15 tuổi, Lingwood theo học môn "Tôn Giáo Đối Chiếu" (*Comparative Religions*), ham thích đọc các kinh sách Phật Giáo đại thừa như Kinh Kim Cang (Diamond Sutra), Lục Tổ Đàn Kinh (Sutra of Hui Neng) v.v... và đến năm 18 tuổi, ông gia nhập Hội Phật Giáo Luân Đôn (London Buddhist Society).

Khi xảy ra cuộc thế chiến thứ Hai (1939-1945), Lingwood bị gọi nhập ngũ trong quân đội hoàng gia Anh Quốc. Năm 1943, ông được gửi qua phục vụ trong quân ngũ tại Ấn Độ, Tích Lan và Tân Gia Ba (Singapore). Vào thời gian này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều Phật tử và tín đồ Ấn Độ giáo trí thức danh tiếng để trao đổi kinh nghiệm trong việc học hỏi, tu tập thiền định cũng như ông bắt đầu viết và thuyết giảng về Phật Giáo.

Sau khi thế chiến thứ hai kết thúc, ông xin giải ngũ và phát nguyện ở lại Ấn Độ trong hai năm, tập sống đời khổ hạnh của một tu sĩ, không có nhà cửa, tiền bạc và của cải. Ông đi cùng khắp Ấn Độ, ban ngày sống nhờ thức ăn xin được nơi dân chúng và ban đêm ông ngủ ngoài trời hay tại quán trọ của các chùa Ấn Giáo.

Năm 1949, ông xuất gia thọ mười giới Sa Di với một vị sư Nam Tông danh tiếng tại Câu Thi Na (*Kusinara*), nơi đức Phật nhập Niết Bàn, và ông được đặt pháp hiệu là Sangharakshita, có nghĩa là "Người Bảo Vệ Tăng Già" (*Protector of The Order*). Năm 1950, Thượng Tọa qua xứ Nepal dạy Phật Pháp cho các Phật Tử ở đây, và cũng trong năm này, Thượng Tọa thọ đại giới Tỳ Kheo tại Lộc Uyển (Sarnath), nơi đức Phật thuyết pháp đầu tiên. Không lâu sau đó, T.T. Sangharakshita đến học một năm tại Đại Học Benares ở Varanasi (tiểu bang Uttar Pradesh, miền bắc Ấn Độ) về môn cổ ngữ Pali, Luận A Tỳ Đạt Ma (*Abhidhamma*), và kinh, tạng Phật Giáo Nam Tông với ngài Jagdish Kashyap (1908-1976), một vị Tăng, học giả Ấn Độ, uyên thâm Phật Học lúc bấy giờ. Ngoài ra, Thượng Tọa cũng nghiên cứu về những tông phái Phật Giáo Đại Thừa khác và các ngôn ngữ Đông Phương như tiếng Phạn (Sanskrit), Trung Hoa, Tây Tạng, v.v...

Năm 1951, Thượng Tọa đến thường trú, kiến tạo cơ sở hoằng pháp tại Kalimpong, một thành phố nhỏ nằm gần chân núi Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya), cách xa Tây Tạng (Tibet) chỉ có vài dặm, thuộc vùng biên giới Ấn Độ, giáp ranh với các vương quốc Bhutan, Nepal và Sikkim. Tại đây, Thượng Tọa bắt đầu hoạt động giúp đỡ cho các đoàn thể Phật Giáo địa phương và đứng ra thành lập "Hội Thanh Niên Phật Tử" (*Young Men's Buddhist Association*) nhằm hướng dẫn lớp người trẻ tu học Phật Pháp. Cùng lúc, Thượng Tọa tiếp tục nghiên cứu giáo lý, tu tập thiền định và viết sách, cuốn "A Survey of Buddhism" (*Nghiên Cứu Phật Giáo*).

Sau buổi đầu sống trong tình trạng khổ cực, phải dọn nhà ba lần, cuối cùng Thượng Tọa mới thành lập được ngôi chùa làm trung

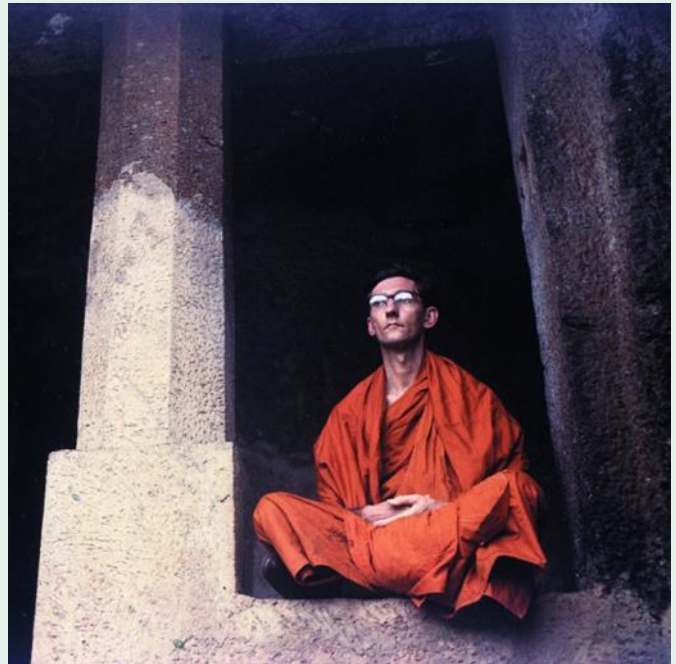
tâm sinh hoạt độc lập đầu tiên đặt tên là "Triyana Vardhana Vihara" hay "Tam Thừa" (*Monastery Of Three Vehicles*) nhằm mang ý nghĩa Tiểu, Đại, và Kim Cang Thừa. Trong thời gian 14 năm sống ở đây, Thượng Tọa thường xuyên liên lạc với các hội đoàn, tổ chức Phật Giáo khắp nơi tại Ấn Độ và nhiều quốc gia trên thế giới trong công tác hoằng truyền chánh pháp của đức Thế Tôn. Cũng vào giai đoạn này, Thượng Tọa làm chủ bút tờ "The Buddhist Library" (*Thư Viện Phật Giáo*); và suốt 12 năm nhận làm thành viên trong ban biên tập tạp chí "The Maha Bodhi" (Đại Giác), cơ quan ngôn luận của Hội Ma Ha Bồ Đề (The Maha Bodhi Society) tại Ấn Độ. Ngoài ra, Thượng Tọa còn sáng tác thơ, viết bài gửi đăng các tạp chí Phật Giáo Anh ngữ khác.

Thị trấn Kalimpong là trung tâm thương mại quan trọng đối với người dân Tây Tạng (Tibet) nhất là từ tháng 10 năm 1950, Tây Tạng bị Trung Cộng xâm lăng khiến nhiều vị Lạt Ma đã rời bỏ xứ này sang Ấn Độ tị nạn, và trên đường đi họ thường ghé ngang hoặc dừng chân tại đây. Do đó mà Thượng Tọa Sangharakshita được dịp học hỏi thêm về Mật Giáo, Lạt Ma Giáo (Lamaism) và giáo lý Kim Cang Thừa (Vajrayana) với các vị sư Tây Tạng danh tiếng như Lạt ma Dharo Rimpoche thuộc phái Gelugpa (Mù Vàng) và Lạt Ma Jamyang Khyentse Rimpoche. Hơn nữa, Thượng Tọa còn kết thân và tìm học về Thiền Nhật Bản và Phật Giáo Trung Hoa với ông C. M. Chen, một cư sĩ Phật tử ẩn tu, suốt ngày ngồi thiền và viết sách, bấy giờ cũng đang sống tại Kalimpong.

Trong thời gian này, Thượng Tọa cũng đã tích cực tham gia hoạt động cho phong trào hướng dẫn tín đồ Ấn Độ giáo trở về theo Phật Giáo do Tiến Sĩ B. R. Ambedka (1891-1956) khởi xướng và đã giúp đỡ ông ta tổ chức thành công buổi lễ quy y Tam Bảo tập thể cho khoảng 500.000 (nửa triệu) dân chúng nghèo khổ thuộc giai cấp hạ tiện vào ngày 31-10-1956 tại thành phố Nagpur, tiểu bang Maharashtra (miền tây Ấn Độ). Rất tiếc chỉ sáu tuần sau đại lễ này, lãnh tụ Ambedkar đã từ trần, bỏ lại hàng trăm ngàn Phật tử quy y phải sống bơ vơ không người hướng dẫn.

Vì thế, sau đám tang của Ambedkar, Thượng Tọa Sangharakshita đã phải dẫn thân, thuyết giảng 35 thời pháp liên tiếp trong bốn hôm liền nhằm khuyến khích nâng đỡ tinh thần cho họ khỏi bị thối tâm trước biển khổ đau thương bất ngờ nói trên. Và từ năm 1957, mỗi năm một lần, Thượng Tọa rời Kalimpong hạ sơn xuống vùng gần thị trấn Bombay, tiểu bang Maharashtra (miền tây Ấn Độ) để thuyết giảng, chỉ dẫn cho hàng trăm ngàn Phật tử mới này tu học, ngồi thiền hoặc chú lễ thành hôn, quy y cho họ; và số Phật tử bấy giờ quy y theo ngài lên tới 200.000 người.

Sau 20 năm hoằng pháp không mệt mỏi tại Ấn Độ, Tích Lan, Nepal và Mã Lai, tháng 8 năm 1964, T.T. Sangharakshita trở về Anh



Quốc. Ít lâu sau, Thượng Tọa được mời làm trụ trì chùa Hampstead Buddhist Vihara tại Luân Đôn (London) và trong một buổi họp của toàn thể chư Tăng, ngài được cung thỉnh làm Trụ Sự Trưởng Giáo Hội Tăng Già Anh Quốc (*Head of the English Sangha*).

Tiếp đến, ngày 6 tháng 4 năm 1967, với sự giúp đỡ của một số Phật tử nhiệt tâm, Thượng Tọa đứng ra thành lập "Hội Thiện Hữu của Giáo hội Phật Giáo Tây Phương" (*The Friends Of The Western Buddhist Order*) hay gọi tắt là "Giáo hội Phật Giáo Tây Phương" (*The Western Buddhist Order*), một phong trào Phật Giáo hoàn toàn mới mẻ tại Anh quốc bấy giờ. Trụ sở đầu tiên của Hội này đặt tại địa điểm số 14 Monmouth St., một đường phố nhỏ có những cửa tiệm bán đồ cổ ở trung tâm Luân Đôn. Căn nhà gồm có hai phòng, mỗi cái rộng không quá ba thước vuông, một phòng dùng làm chánh điện thờ Phật, còn cái kia làm chỗ tiếp khách. Tại đây hàng tuần có tổ chức khóa tu thiền chung cho mọi người cũng như riêng cho các nhóm học Phật, dưới sự chỉ dẫn trực tiếp của T. T. Sangharakshita.

Dù gặp khó khăn lúc ban đầu, nhưng Hội đã nhanh chóng phát triển vào những năm sau và ngày càng thu hút nhiều Phật tử tham gia, nhờ sự hoạt động tích cực, khéo léo hướng dẫn của T.T. Sangharakshita. Thượng Tọa chịu khó đến viếng thăm, thuyết giảng Phật Pháp, chỉ dạy tu thiền cho nhiều nhóm Phật tử, không những tại Luân Đôn mà còn ở nhiều thành phố xa xôi khác như Oxford, Cambridge, Brighton, Birmingham, Nottingham và Norwich v.v... Thượng tọa không giới hạn việc truyền bá giáo lý đức Phật cho riêng các đoàn thể Phật tử, mà thượng tọa cũng đến thuyết pháp tại các trường trung, đại học thuộc các cơ quan, tổ chức tôn giáo khác như The Maria Grey Col-



lege, Bromley Technical College, The Universities of Glasgow, Bristol và Reading cũng như trên đài phát thanh. Năm 1970, T.T. Sangharakshita được trường đại học Yale ở Hoa Kỳ mời qua thuyết giảng về Phật Giáo trong hai tháng.

Về mặt tổ chức, phát triển cơ sở cũng như tín đồ, "Hội Thiện Hữu của Giáo Hội Phật Giáo Tây Phương", dưới sự lãnh đạo của T.T. Sangharakshita và các đệ tử thân tín của ông ta từ ngày thành lập (1967)

đến nay (1996) được 29 năm và hiện đang phát triển mạnh mẽ với 19 trung tâm tại nhiều thành phố và quận lỵ trên toàn khắp nước Anh như London, Birmingham, Brighton, Bristol, Cambridge, Croydon, Glasgow, Leeds, Manchester, Norwich, Surlingham, Sussex và Shropshire v.v... Ngoài ra, tổ chức mới "Giáo Hội Phật Giáo Tây Phương" này cũng đã được thành lập ở nhiều quốc gia khác như: Helsinki (Phần Lan), Essen (Tây Đức), Utrecht (Hà Lan), Hagersten (Thụy Điển), Penang (Mã Lai), Sydney (Úc Đại Lợi), Auckland, Wellington North (Tân Tây Lan), New Hampshire, Seattle (Hoa Kỳ) và tại Ấn Độ ở các thành phố Ahmedabad (tiểu bang Gujarat), Aurangabad, Bombay và Poona (tiểu bang Maharashtra).

Hiện nay, T.T. Sangharakshita được 93 tuổi ((tính đến năm 2018, chú của CP), đang giữ chức Thượng Thủ "Giáo Hội Phật Giáo Tây Phương" (*The Head Of The Western Buddhist Order*), trụ sở chính đặt ở Trung Tâm Padmaloka, Surlingham, Norwich (miền đông nước Anh), và ngài cũng thường trú tại đây. Ngoài công việc trước tác, dịch thuật kinh sách Phật Giáo, hằng năm T.T. Sangharakshita thường lui tới thăm viếng, khích lệ, thuyết giảng, hướng dẫn các khóa tu thiền, tuần lễ quán niệm cho hàng ngàn Phật tử khắp nơi ở các trung tâm, chi nhánh trực thuộc Giáo Hội Phật Giáo Tây Phương tại Anh quốc cũng như ở nhiều nước khác trên toàn thế giới.

Những Đóng Góp Của Thượng Tọa Sangharakshita Cho Nền Văn Hóa Phật Giáo Tại Các Nước Tây Phương

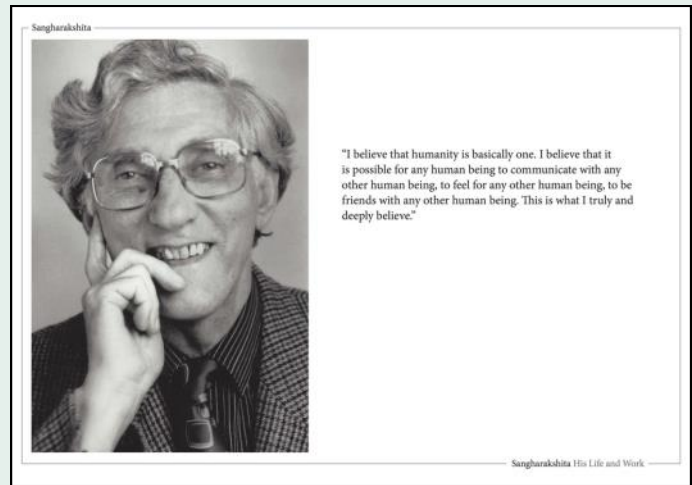
Nói về phương diện giáo dục và văn hóa trong hơn 30 năm qua, T.T. Sangharakshita là một trong những nhà sư đã viết bài cho các tạp chí Phật Giáo Anh ngữ cũng như trước tác nhiều sách Phật Giáo nhất hiện nay. Thượng

Tọa đã từng là thành viên trong Ban Biên Tập của tạp chí Phật Giáo "The Maha Bodhi" (*Đại Giác*), ấn hành mấy chục năm qua tại Calcutta (Ấn Độ); chủ bút tạp chí "The Buddhist Library" (*Thư Viện Phật Giáo*) và tờ "Stepping Stones" (*Những Bước Đi Trên Đá*). Về mặt sáng tác, dưới đây là một số tác phẩm giá trị của Thượng Tọa và nhiều cuốn đã được dịch ra 11 thứ tiếng:

1. The Thousand Petalled Lotus (*Hoa Sen Ngàn Cánh*)
2. Messengers From Tibet and Other Poems (*Sứ Giả Từ Tây Tạng và Những Bài Thơ Đạo Vị*)
3. A Survey of Buddhism (*Nghiên Cứu về Phật Giáo*)
4. Flame in Darkness (*Ánh Hồng trong Bóng Tối*)
5. The Enchanted Heart (*Tâm Hồn An Lạc*)
6. The Three Jewels (*Tam Bảo*)
7. The Essence of Zen (*Thiền Căn Bản*)
8. The Path of The Inner Life (*Đạo Giáo của Đời Sống Nội Tâm*)
9. Human Enlightenment (*Sự Giác Ngộ của Con Người*)
10. The Religions of Art (*Tôn Giáo của Nghệ Thuật*)
11. The Ten Pillars of Buddhism (*Mười Điểm Căn Bản của Phật Giáo*)
12. The Eternal Legacy (*Pháp Bảo Vĩnh Cửu*)
13. Travel Letters (*Những Bức Thư Du Hóa*)
14. Alternative Traditions (*Những Truyền Thống được Chọn Lựa*)
15. Conquering New Worlds (*Chinh Phục những Thế Giới Mới*)
16. Ambedkar and Buddhism (*Cư sĩ Ambedkar và Phật Giáo*)
17. Crossing the Stream (*Vượt Qua Biển Khổ*)
18. The Meaning of Orthodoxy in Buddhism (*Ý Nghĩa Chính Thống trong Phật Giáo*)
19. Mind - Reactive and Creative (*Sự Sáng Tạo và Phản Ứng của Tâm Thức*)
20. Aspects of Buddhist Morality (*Những Khía Cạnh của Luân Lý Phật Giáo*)
21. Buddhism and Blasphemy (*Phật Giáo với sự Phi Báng*)
22. Buddhism, World Peace and Nuclear War (*Phật Giáo, Hoà Bình Thế Giới và Chiến Tranh Nguyên Tử*) (Tập sách này chúng tôi đã dịch ra Việt Ngữ và ấn hành tại Hoa Kỳ năm 1990)
23. The Bodhisattva: Evolution and Self-Transcendence (*Sự Tiến Hóa và Tự Siêu Việt của đức Bồ Tát*)
24. The Glory of the Literary World (*Sự Huy Hoàng của Thế Giới Văn Chương*)
25. Going for Refuge (*Sự Quy Y Tam Bảo*)

TÀI LIỆU THAM KHẢO SOURCES

1. Prof. Bapat, P.V. - *2500 Years of Buddhism*, Government of India, Delhi, 1964.
2. Batchelor, Stephen - *The Awakening of the West*, Parallax Press, Berkely, California, 1994.
3. Bechert, Heinz & Gombrich, Richard - *The World of Buddhism: Buddhist Monks and Nuns in Society and Culture*, New York, 1984.
4. Buddhadatta, A.P. - *English-Pali Dictionary*, Colombo, Ceylon, 1949.
5. Childers, R.C. - *A Dictionary of the Pali Language*, New Delhi, India, 1979.
6. Conze, Edward - *Thirty Years of Buddhist Studies*, Oxford, England, 1968.
7. Dr. Conze, Edward - *The Memoirs of A Modern Gnostic (Part I: Life and Letters)* Sherborne, England, 1979.
8. Dumoulin, Heinrich & Maraldo, John C. - *The Cultural, Political and Religious Significance of Buddhism in the Modern World*, New York, 1976.
9. Guruge, Ananda W.P. - *From the Living Fountains of Buddhism*, Colombo, Sri Lanka, 1984.
10. Hazra, Kanai Lal - *Pali Language and Literature*, Vols. 1 and 2, New Delhi, 1994.
11. Humphreys, Christmas - *Both Sides of the Circle*, London, England, 1978.
12. Humphreys, Christmas - *Sixty years of Buddhism in England*, London, 1968.
13. Humphreys, Christmas - *A Popular Dictionary of Buddhism*, New York, 1963.
14. Humphreys, Christmas & Robin M.H. & Prof. Smart Ninian - "Dr. Edward Conze: 1904-1979" in *The Middle Way*, Vol. 54, No. 4, February 1980, The Buddhist Society, London.
15. Humphreys, Christmas - "Buddhism in England 1920-1980" in *The Middle Way*, Vol. 55, No. 4, February 1981, The Buddhist Society, London.
16. Hunter, Louise H. - *Buddhism in Hawaii*, Honolulu, 1971.
17. Jong, J.W.De - *A Brief history of Buddhist Studies in Europe and America*, Varanasi, India, 1976.
18. Mrs. Kaji Ken, "In Memory of Late Venerable E. Shinkaku Hunt" in *The American Buddhist*, Vol. 12, No. 2, February 1969, San Francisco, California.
19. Dr. Law, B.C. - *A History of Pali Literature*, Vols. I and II, Delhi, India, 1983.
20. Dr. Malalasekera, G.P. - *Dictionary of Pali Proper Names*, Vols. I and II, London, 1960.
21. Dr. Malalasekera, G.P. - *Encyclopedia of Buddhism*, Vol. 1, Fascicle 4, Ceylon, Reprinted 1984.
22. A Merriam-Webster - *Webser's New Biographical Dictionary*, Springfield, Massachusetts, 1988.
23. New American Library - *The New American Desk Encyclopedia*, New York, 1984.
24. Norman, K.R. - *A History of Indian Literature*, Vol. VII, Fasc. 2, Wiesbaden, Germany, 1983.
25. Peiris, William - *Edwin Arnold*, The Wheel Publication No. 159-161, Kandy, Ceylon, 1970.
26. Prasad, R.G.N. - *Chronology of the North Indian Kings*, Delhi, India, 1990.
27. Prebish, Charles S. - *Buddhism, A Modern Perspective*, Pennsylvania, 1978.
28. Robinson, Richard H. & Johnson Willard L. - *The Buddhist Religion: A Historical Introduction*, Belmont, California, 1982.
29. Roy, A. Kumar & Gidwani N.N. - *A Dictionary of Indology*, Vols. I, II and III, Bombay, India, 1986.
30. Skelton, Michael, "An Official Meeting with a Most Remarkable Man" in *The Middle Way*, Vol. 58, No. 2, August 1983, The Buddhist Society, London.
31. Snelling, John - *The Buddhist Handbook*, London, 1987.
32. Ven. Sumedho Bhikkhu, "Reflections on the Life and Death of Mr. Humphreys" in *The Middle Way*, Vol. 58, No. 2, August 1983, The Buddhist Society, London.
33. Winternitz, Maurice - *History of Indian Literature*, Vol. II, Delhi, 1983.
34. Yamamoto, K. - *Buddhism in Europe*, Tokyo, Japan, 1967.
35. Yoshinori, Takeuchi - *Buddhist Spirituality: Indian, Southeast Asian, Tibetan, Early Chinese*, New York, 1995.



THÍCH TRÍ CHƠN

(Trích từ tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả tìm đọc)

TÁI ÔNG THẤT MÃ (Ông Tái mất ngựa)

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Họa phúc không có cửa.

Họa phúc là hai mặt trái phải của cùng một vấn đề.

- Thắng không kiêu
- Bại không nản
- Thuận không vui
- Nghịch không buồn

Luôn để lòng khoan hòa không dính mắc xử lý mọi sự ở đời mới thể hợp không lỗi lầm.

Truyện 'Tái ông thất mã' nói lên được đạo lý thâm sâu ấy. Truyện kể rằng:

Ông Tái là người giàu có lịch lãm và đôn hậu có con ngựa kim ô quĩ tốt, vô giá. Một hôm con kim ô đi ăn không vấ. Tin ông Tái mất ngựa quĩ truyền nhanh. Bà con đến chia buồn cùng ông. Ông Tái vui vẻ bảo:

- Cám ơn bà con thật nhiều, có điếu mất một con ngựa quĩ giá chưa hẳn là một điếu đáng buồn.

Cách mấy hôm sau, con kim ô trở vấ cùng một con huyết mã quĩ

còn hơn con kim ô vô giá. Bà con lại hân hoan kéo đến mừng cho ông Tái vì ông là người phúc đức chẳng những ngựa quĩ không mất mà còn có thêm ngựa quĩ hơn. Vẫn với khuôn mặt hân hoan cởi mở, ông Tái lại thưa cùng bà con rằng:

- Cám ơn bà con đã đến chia vui cùng gia đình chúng tôi. Có điếu ở đời được một vật quĩ giá chưa hẳn là một điếu vui.

Được con ngựa quĩ, đưa con trai độc nhất của ông bu theo con ngựa quĩ mà rong ruổi khắp đó đây. Chẳng may bị ngã té gãy chân. Được tin buồn, bà con lại kéo đến chia buồn. Ông Tái cũng niểm nở hân hoan tiếp đón mọi người và thưa rằng:

- Cảm tạ tấm lòng cao quĩ của bà con có điếu ở đời gặp điếu

nạn tai chưa hẳn đã là điếu đáng buồn.

Một năm sau, đất nước có nạn ngoại xâm, trai trẻ trong làng điếu lên đường tòng quân giết giặc. Ra đi thì đông mà kẻ trở vấ sau chiến cuộc không được là bao. Riêng gia đình ông Tái vẫn đoàn tụ và hạnh phúc. Ông Tái lại siêng năng chăm sóc an ủi những gia đình bất hạnh vì vậy tiếng tăm ông Tái được hậu thế nhắc nhở không quên.

Do vậy là Phật tử phải tin vào nhân quả. Sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách và nỗ lực gieo nhân hạnh tốt đẹp thiện lành. Đó là cách duy nhất để hưởng hạnh phúc và an lạc dài lâu.

(Trích 52 Câu Chuyện Dưới Cờ—Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)





CÁC PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC TRONG GIÁO LÝ PHẬT ĐÀ

(*Phật Pháp Thứ Năm* — tài liệu tu học của GDPTVN)

I. NHẬP ĐỀ

Đạo Phật với thế giới ngày nay

Có nhiều người nghĩ rằng đạo Phật cao siêu bí ẩn, người tu Phật phải xa rời thế tục hay phải ở trong 1 tu viện v.v.. Đây là những ý nghĩ sai lầm. Chúng ta, những Huynh trưởng / GDPT là những người Phật tử tại gia (PTTG) Chúng ta đã từng học và thực hành Bát Chánh Đạo, Tứ Nhiếp Pháp, Tứ Vô Lượng tâm... cũng đã từng dạy cho các em của chúng ta học và thực hành như thế... ngay giữa chốn đô hội, không cần phải ẩn dật nơi núi rừng hay hang động gì cả.

Thật vậy, ý nghĩa đúng đắn của “ẩn dật” không phải là cái thân này xa lánh thế gian mà chính là cái Tâm không bị nhiễm ô, bất tịnh. Tôn giả Xá Lợi Phất (Sariputta) đã dạy: một người sống trong rừng chuyên tu khổ hạnh mà tâm có thể vẫn đầy những tư tưởng nhiễm ô bất tịnh, trong khi một người khác có thể sống ở thành thị mà tâm lại trong sạch, không cấu uế. Vậy thì người sống ở thành thị nhất định là cao cả hơn người sống trong rừng.

Do đó, đạo Phật không phải dành riêng cho tu sĩ mà chủ yếu là cho tất cả mọi người cư sĩ, sống đời bình thường, có gia đình con cái v.v... mà tu theo giáo lý Phật đà một cách có hiệu quả và đạt được những trạng thái tâm linh cao siêu. Đức Phật rất coi trọng cuộc đời cư sĩ với 6 mối tương giao xã hội của họ: 1. Cha Mẹ - Con cái; 2. Thầy - Trò; 3. Vợ - Chồng; 4. Cá nhân với Bạn bè, Bà con, Láng giềng; 5. Chủ - Tớ; 6. Tu sĩ - Cư sĩ. [Kinh Thiện Sinh (Sigàla)]

Cuối cùng và quan trọng nhất: điểm đặc biệt của đạo Phật mà không có tôn giáo nào có, đó là lời tuyên bố của đấng Giáo chủ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành, vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh—hạt giống Phật—và mục đích ra đời của chư Phật là để chỉ cho chúng sanh cách thức khai mở, làm hiển lộ Phật tánh ấy.” Đây chính là tính bình đẳng tuyệt đối của Đạo Phật.

Tóm lại, có thể nói rằng: Chúng sanh đồng nghĩa với đau khổ, phiền não, Phật đồng nghĩa với an lạc / hạnh phúc. Tu theo giáo lý Phật Đà, người tu có thể là một nông dân, một thương gia, một ông vua, một cụ già, một thanh niên, một thiếu nữ, một em bé, v.v...

không phân biệt tuổi tác, giới tính, địa vị xã hội, muốn giải thoát khỏi phiền não đau khổ, mà hoàn cảnh đem lại hay chính mình tạo ra đều có thể tìm thấy được “chìa khóa” hay “con đường” mở ra cánh cửa chuyển hóa, đưa đến an lạc. Vì An lạc / hạnh phúc hay đau khổ / phiền não không phải ở xa nhau như 2 cực của trái đất. Thiên đàng / Địa ngục cũng vậy, chúng chỉ là 2 mặt của một tờ giấy, vấn đề quan trọng là chuyển hoá, lật ra mặt bên kia của tờ giấy—nói thì chỉ trong một giây nhưng công việc chuyển hóa, có thể trong một tích tắc, mà cũng có thể là trong nhiều đời nhiều kiếp... Chuyển hóa chính là làm hiển lộ Phật tánh trong chúng ta, làm cho hạt giống Phật nở ra hoa Trí tuệ Phật.

II NHỮNG GIÁO LÝ CĂN BẢN.

Như chúng ta đã biết, những giáo lý căn bản và tinh yếu mà đức Phật đã dạy là: **Tứ Diệu đế** (Bốn Chân Lý Cao Thượng—Cattari Ariyasaccani), **Bát Chánh Đạo** (Ariya attingika magga), **Ngũ Uẩn** (Pancakkhandha), **Nghiệp Báo** (Nghiệp => Kamma Nghiệp báo (Sự báo ứng của Nghiệp: The Working of Kamma), **Luân Hồi** (Paticcasamuppāda - The



Wheel of Life), **Duyên Khởi** (Paccaya & Pac-cayuppanna - Thập Nhị Nhân Duyên => Paticca Samuppāda), **Vô Ngã** (Anatta) **Niệm Xứ** (Satipatthāna).

Đây là những giáo lý cốt lõi mà cả Nam Tông và Bắc Tông đều công nhận và những giáo lý này đều có mặt trong các Kinh điển Phật Giáo Nguyên Thủy (Theravāda) cũng như PG Đại thừa.

Tất cả những đề mục này, đối với người Huỳnh Trường Bực Lực không phải là những điều mới lạ, vì chúng ta đã học qua ở các chương trình Trung Thiện, Chánh Thiện ngành Thiếu và chương trình các Bậc Kiên, Trì, Định cũng như chương trình các trại Huấn luyện Huỳnh trường Lộc Uyển, A Dục, Huyền Trang... Tuy nhiên cũng không thể nói là chúng ta đã biết hết vì "Phật Pháp cao siêu mầu nhiệm" nên học rồi mà đã hiểu hết chưa, đã áp dụng tới nơi tới chốn chưa... kể cả học xong thêm một lần nữa cũng chưa thể nói là đủ được. Đó là lý do mà chúng ta thường nhắc nhở nhau rằng: học Phật Pháp thì học cả đời, không bao giờ gọi là đủ được và Phật Pháp thì không bao giờ cũ. Càng học càng thấy được những điều mới lạ. Mặt khác, chúng ta cũng không thể học lại từng bài vừa kể, cho nên nội dung bài này là tìm ra những bài học có thể áp dụng vào đời sống hằng ngày của chúng ta.

Ngoài ra có 3 tạng kinh điển gồm những bộ Kinh, Luật và Luận ghi chép lại những lời Phật dạy (Kinh), những giới luật (Luật) và những lời bàn, những bài luận văn khai triển, trình bày, hội luận, đàm luận, giải đáp những vấn nạn do ngoại đạo đưa ra, của Chư Tổ, chư Thiện tri thức thời Phật còn tại thế hay về sau này.

Vì vậy chúng ta không nhắc đến chi tiết toàn bộ các giáo lý trên mà chỉ nêu ra những bài học thực tiễn áp dụng tinh thần giáo dục Phật giáo vào cuộc đời, nói cách khác là những phương tiện để hoằng dương Phật Pháp, đưa Đạo vào Đời.

III CÁC PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC TRONG GIÁO LÝ PHẬT ĐÀ.

Giáo Dục ĐỨC TIN.

Trên hết của Mục tiêu giáo dục Phật Giáo là Giáo dục Đức Tin hay Lòng Tin—chúng ta thường gặp dưới tên gọi là TÍN Tâm hay TÍN (Trong "Tin - Nguyện - Hành").

Tin vào điều gì? — Tin vào lời Phật dạy về Phật tánh, khả năng giác ngộ của tất cả chúng sanh. Vì nếu có TIN chúng ta mới phát nguyện tu để thành Phật và có phát nguyện thì nguyện mới có thể viên thành trong tương lai gần hay xa tùy theo sự nỗ lực của cá nhân trong tu tập.

Kinh Hoa Nghiêm (Phẩm Hiền Thủ) có nhấn mạnh về LONG TIN (chân Tín) của một người Phật tử (Tin nơi Phật tánh) và nêu ra 10 tâm thái sẽ phát triển trong giai đoạn này như sau:

1. Người ấy tăng trưởng đức Tin vào Tam



Bảo, chư Thánh hiền.

2. Người ấy trở nên tinh tấn, siêng năng tu tập, giúp đỡ bạn bè, tích cực làm những việc lợi ích cho tha nhân, yêu nghề và sáng tạo hơn.

3. Tâm trí luôn hướng về sự tĩnh lặng của tự tâm, => càng ngày tâm thức càng sâu thẳm thêm khiến người ấy không màng đến những phù du của cuộc đời (danh vọng, sắc đẹp, tiền tài v.v...)

4. Sự tu tập thiền định không thể thiếu, càng ngày vũ trụ quan cũng biến đổi theo thấy được vũ trụ quan với tự ngã làm trung tâm là quá hạn hẹp, nghèo nàn người ấy trở nên dễ hòa đồng với mọi người, không khởi tâm kiêu mạn, không cần đấu tranh, thị phi, cuộc sống thanh bình hơn.

5. Khả năng kế hợp với chân lý trở nên nhanh nhạy hơn. Các triết thuyết của các tôn giáo khác không làm trở ngại và người ấy hiểu được sự bình đẳng của các triết thuyết trong bức tranh toan diện của vũ trụ quan.

6. Trí tuệ của người ấy tăng trưởng và người ấy chợt nhận ra rằng Trí tuệ, lương tâm và đạo đức liên kết như cây liền cành; do vậy anh ta cảm thấy hổ thẹn với những lỗi lầm xưa và tự nhiên chấm dứt những thứ ấy không chút vướng vờn do dự.

7. Một động lực phát xuất từ lòng tri ân thôi thúc người ấy khiến cho anh ta phát tâm muốn đóng góp cho hoạt động tín ngưỡng, lòng anh ta cảm thấy gắn gũi với chánh pháp hơn bao giờ.

8. Khi Tâm khảng khí với Đạo pháp, tự nhiên người ấy thấy sứ mệnh của mình đối với chúng sanh rõ ràng hơn, một lý tưởng mới cao cả hơn trỗi dậy, cõi lòng khai mở, người ấy cảm thấy những công việc lợi tha thật có ý nghĩa. [đó chính là lý tưởng bồ tát đạo]

9. Mặc dù sống trong đời thường, người đồng chí hướng thì ít, kẻ thị phi thì nhiều, công việc thì tràn ngập mà thời gian tu dưỡng tâm linh không được bao nhiêu, bao nhiêu phiền não kéo đến... nhưng lòng Tin của người ấy không hề sa sút, người ấy luôn tìm được sức mạnh để đối diện với những việc bất như ý, rắc rối... sức mạnh từ sự tĩnh lặng của thiền tọa hằng ngày, sức mạnh của lòng thương, sức



manh từ những thệ nguyện chân thật, v.v... giúp anh vượt qua những lúc khó khăn.

10. Cuối cùng, những hoạt động từ thân tới tâm, từ tri thức đến tâm linh có thể dung hoà lẫn nhau tạo nên sự cân bằng, ý nghĩa... và điều đáng ngạc nhiên là người ấy không thấy những việc mình làm là do mình hay của mình hay vì mình mà làm nữa... [sự tu hành tinh tấn giúp anh ta từ từ thấy được sự rộng tang của bản ngã, từ đó hiểu được "vô ngã"].

Đức Phật đã dạy chúng ta xây dựng niềm tin (TÍN) trên những nền tảng vững chắc, với các tinh thần giáo dục ưu việt như:

1. Tinh thần Khế Lý Khế Cơ: theo đức Phật, hình ảnh về căn cơ chúng sanh là một hồ sen với những hoa sen vươn lên khỏi mặt nước không đều, cái cao cái thấp, có cái chưa ra khỏi nước, do vậy, phải tùy theo căn cơ của từng chúng sanh mà chỉ dạy thì mới thành công trong việc giáo dục.

2. Tinh thần thực tiễn/khoa học: Đức Phật dạy chúng ta phải chấp nhận thực tại với những quy luật của thế giới bên ngoài và bên trong con người rồi mới vận dụng có hiệu quả khả năng và trí tuệ của mình được. (Ví dụ: ớt thì phải cay; lửa thì phải nóng. Trời có mưa có nắng, có 4 mùa... có bão lụt, động đất; đã có thân thì phải có bệnh có già có chết v.v... không thể đòi hỏi, mong muốn luôn mạnh khỏe, không đau ốm, không chết v.v... được)

3. Tinh thần phê phán khách quan vô tư: như đức Phật đã dạy những người Kalama hỏi nên theo ai... "đừng nên nghe theo ai hết, dù đó là những bậc đạo sư hay có phẩm quyền cao tốt... khi nào các ông tự mình biết chắc chắn rằng những việc ấy là thiện, tốt thì hãy chấp nhận và tin theo."

4. Tinh thần hướng dẫn: Đức Thế tôn luôn xác nhận mình chỉ là người chỉ đường (đạo sư), kinh điển, những lời dạy của ngài là "ngón tay chỉ mặt Trăng (chân lý) chứ không phải là mặt trăng. Ngài còn ví kinh điển, những lời dạy của ngài chỉ là chiếc bè để qua sông, qua khỏi rồi phải vứt bỏ, không phải cứ đeo lên vai mà đi! Điều này chứng tỏ giáo dục Phật giáo là một nền giáo dục phóng khoáng, không

ép buộc đệ tử phải nhắm mắt tuân theo đạo sư.

5. Tinh thần khích lệ: Ngài luôn khích lệ các đệ tử, những người nào chậm lụt, không theo kịp các bạn, ngài tìm ra một phương pháp tu thực hành rất dễ, ví dụ có người Đức Phật chỉ giao cho học một chữ thôi, hay giao cho việc quét sân thôi, nhưng có tác dụng đánh thức trí tuệ của họ.

6. Tinh thần tự tín, tự chủ: như ở mục 4 đã nói. Ngoài ra, đức Phật luôn nhắc nhở đệ tử của mình hãy trở về nương tựa chính mình (hải đảo tự thân là nơi an toàn nhất) Ngài còn cho biết "tu sau có thể chúng đăc trước" vì "giác ngộ không hẳn phụ thuộc vào thời gian tu hành, tuổi đời hay giai cấp xã hội, ai cũng có thể đăc tuệ giác tối thượng tùy theo nỗ lực tu tập của mình."

7. Tinh thần độc lập, trừ nô lệ: Theo giáo lý Phật đà, giải thoát là ra khỏi mọi trói buộc, mọi ách nô lệ mà trói buộc lớn nhất chính là dục vọng của bản thân. Bát Chánh đạo là con đường dẫn đến tự do, thoát khỏi vòng nô lệ của tam độc THAM SÂN SI, tự làm chủ đời mình, bước đi trên con đường Trung Đạo, sống vị tha, vì lợi ích của mọi người. quanh mình.

8. Tinh thần không chấp thủ: Chấp thủ là thành kiến và cố chấp; 2 tính xấu này ngăn cản sự cảm thông và tiến bộ chung. Hạnh phúc tuyệt đối hay Niết Bàn không thể có mặt sự chấp thủ. Thực hiện Tinh thần không chấp thủ sẽ đem lại cho cá nhân và tập thể sự an lạc.

9. Tinh thần tùy duyên bất biến: Đây là tinh thần xử sự một cách khéo léo uyển chuyển không cứng ngắt, biết tùy nghi ứng phó. Tùy duyên bất biến không phải là tùy tiện, lảng nhãng, vô nguyên tắc. Đây là một thái độ sống biết dùng phương tiện thiện xảo để đạt đến cứu cánh và không bao giờ nhằm lẫn cứu cánh với phương tiện. Muốn sử dụng tốt tinh thần tùy duyên bất biến phải biết "khế lý khế cơ khế thời khế xứ."

10. Tinh thần Lục Hoà và Tứ Nhiếp: Anh Chị Em HTr. chúng ta rất quen thuộc với Lục Hoà và Tứ Nhiếp Pháp; nhưng trên thực tế có lẽ chư Tăng mới áp dụng hoàn hảo Lục Hoà; còn ACE chúng ta có thể đã có thể áp dụng Tứ nhiếp pháp với Bồ thí, Ai Ngữ, Lợi Hành và Đồng Sự. (Nhưng áp dụng được đến mức nào thì có lẽ không giống nhau)

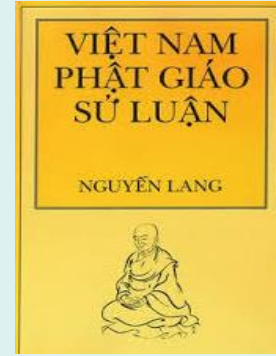
Tâm Minh soạn
(còn tiếp một kỳ)

(Tài liệu học tập của GDPTVN,
Bậc Lực 1 Hải Ngoại)

THIỆN PHÁI LÂM TẾ VÀ PHẬT GIÁO ĐÀNG TRONG

(Chương XXII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



CÁC THIỀN SƯ TỪ TRUNG HOA SANG HOẰNG HÓA

Ngay sau khi Doãn Quốc Công Nguyễn Hoàng (1558 – 1613) vào trấn thủ đất Thuận Hóa, ông đã để ý đến việc lập chùa. Năm 1601, ông đã bắt đầu cho xây dựng chùa Thiên Mục ở xã Hà Khê, huyện Hương Trà. Năm sau, vào ngày Vu Lan, chúa đến chùa Thiên Mục lập trai đàn và làm lễ bố thí. Chúa lại cho dựng chùa Sùng Hóa trên nền một ngôi chùa cổ ở xã Triêm Ân, huyện Phú Vang. Năm 1607, chúa cho lập chùa Bảo Châu ở Trà Kiệu, Quảng Nam. Năm 1609, chúa lại lập chùa Kính Thiên ở Thuận Trạch, Quảng Bình. Sau khi chúa dựng xong dinh Quảng Nam ở xã Cần Húc, chúa lại cho lập một ngôi chùa gần đó, gọi là chùa Long Hưng, ở về mé Đông của trấn.

Như vậy trong thâm ý của chúa Nguyễn, đạo Phật có thể làm nơi nương tựa tinh thần cho công trình lập quốc của dòng họ Nguyễn. Cũng vì vậy cho nên sau này, các chúa Nguyễn đều tỏ vẻ sùng thượng đạo Phật và nhân dân Đàng Trong cũng nghênh đón các vị du tăng Trung Quốc với một tấm lòng chân thật, mến nồng. Trong thời đại chuyển tiếp giữa hai triều Minh Thanh, nhiều cao tăng Trung Hoa đã tới Đàng Trong hành hóa. Một phần quan trọng của những tổ đình hiện nay là do các thiền sư Trung Hoa sáng lập.

Thế kỷ thứ mười bảy ghi nhận có mặt của các thiền sư Trung Hoa sau đây tại Đàng Trong:

- Các thiền sư Viên Cảnh và Viên Khoan ở Quảng Trị.
- Thiền sư Minh Hoảng khai sơn chùa Ấn Tôn, Thuận Hóa.
- Thiền sư Giác Phong khai sơn chùa Thiên Thọ, Thuận Hóa.
- Thiền sư Từ Lâm, khai sơn chùa Từ Lâm, Thuận Hóa.
- Thiền sư Pháp Bảo, khai sơn chùa Chúc Thánh, Quảng Nam.
- Quốc sư hưng Liên, trụ trì chùa Tam Thai, Quảng Nam.
- Thiền sư Pháp Hóa, khai sơn chùa Thiên Ấn, Quảng Ngãi.
- Thiền sư Tế Viên, khai sơn chùa Hội Tông, Phú Yên.

- Thiền sư Nguyên Thiều, khai sơn chùa Thập Tháp Di Đà ở Bình Định và các chùa Quốc Ân và Hà Trung, Thuận Hóa.

- Thiền sư Thạch Liêm, khai sơn chùa Thiền Lâm, Thuận Hóa.

Tất cả đều thuộc phái thiền Lâm Tế – chỉ trừ hai vị Hưng Liên và Thạch Liêm thuộc phái thiền Tào Động

Các thiền sư Viên Cảnh và Viên Khoan

Hồi thiền sư Hương Hải 25 tuổi, còn làm tri phủ ở Triệu Phong, Quảng Trị, tức là vào năm 1652, ông đã được học Phật với hai thiền sư này. Vị thứ nhất tên là Lục Hồ Viên Cảnh. Vị thứ hai tên là Đại Thâm Viên Khoan. Danh từ Lục Hồ có vẻ như là một địa danh ở Trung Hoa, không phải là một pháp danh, điều này cho ta thấy hai thiền sư là du tăng Trung Quốc. Hai người đều có pháp hiệu đứng đầu bằng chữ Viên: Viên Cảnh và Viên Khoan, vậy hai người có thể là đồng sư hay đồng môn phái, cùng rời Trung Hoa với nhau một lần. Không biết hai vị thiền sư này trú trì tại chùa nào ở Quảng Trị. Tổ đình xưa nhất ở đây là chùa Tịnh Quang do thiền sư Chí Khả khai sơn. Một điều đáng chú ý là pháp tự của Hương Hải do thiền sư Viên Cảnh đặt được bắt đầu bằng chữ Minh (Minh Châu Hương Hải) và những pháp tử của Hương Hải thì có pháp hiệu bắt đầu bằng chữ Chân như Chân Lý Đề Mật, còn các pháp đệ tử thì có các pháp hiệu bắt đầu bằng chữ Tính. Thứ tự truyền thừa cũng giống như trong truyền thống Chuyết Chuyết: Viên Văn – Minh Hành – Chân Nguyên – Tính Tịnh... Điều này cho phép ta nghĩ rằng hai bên cùng theo một pháp phái và Hương Hải là người cùng thế hệ với Minh Hành. Điểm này còn đợi khảo chứng.

Thiền sư Nguyên Thiều

Thiền sư Nguyên Thiều họ Tạ, pháp tự là Hoán Bích, người huyện Trình Hưng, phủ Triều Châu, tỉnh Quảng Đông. Năm 19 tuổi, ông xuất gia tại chùa Báo Tư, tu học dưới sự hướng dẫn của hòa thượng Khoáng Viên (76). Ông theo thuyền buôn sang Việt Nam năm 1665 trong đời chúa Nguyễn Phúc Tần. Ban đầu ông cư trú tại phủ Quy Ninh (Bình Định bây giờ), sau đó lập chùa Thập Tháp Di Đà. Chùa này tọa lạc ở



Thiền sư Nguyên Thiều

làng Thuận Chánh, huyện Tuy Viễn; sau chùa có mười ngôi cổ tháp Chàm cho nên chùa được gọi là chùa Thập Tháp. Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* nói rằng chùa này lập năm 1683, niên đại này có lẽ là niên đại hoàn tất chùa sau nhiều năm xây cất. Năm 1691, chùa được chúa Nguyễn Phúc Chu ban cho biển ngạch và câu đối. Sau đó Nguyễn Thiều lại ra Thuận Hóa dựng chùa Quốc Ân và xây tháp Phổ Đồng. Chùa Quốc Ân tọa lạc tại ấp Phúc Quả. Chùa cũng được chúa Nguyễn Phúc Chu ban cho liên đối có ghi đạo hiệu của chúa là "Thiền Túc Đạo Nhân." Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* nói rằng tháp Phổ Đồng được xây trước chùa Quốc Ân, sau đó bị binh lửa tàn phá.

Sách *Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên* nói rằng Nguyễn Thiều có phụng mệnh chúa Nguyễn Phúc Trần sang Quảng Đông rước thiền sư Thạch Liêm (Đại Sán) và thỉnh pháp khí. Bia đá chùa Quốc Ân do chúa Nguyễn Phúc Chu đề năm 1729 cũng nói: "Thiền sư Hoán Bích Tạ Nguyên Thiều ở chùa Hà Trung vâng lệnh Nghĩa Vương qua Quảng Đông mời hòa thượng Đại Sán." Xét kỹ Nguyên Thiều chưa từng mời Thạch Liêm; cùng qua Đại Việt với Nguyên Thiều cũng có những thiền sư khác nhưng không có mặt Thạch Liêm. Sách *Hải Ngoại Ký Sự* do Thạch Liêm viết cho biết ông sang Đại Việt năm 1695 với một người bạn và nhiều đệ tử của ông chứ không đi với Nguyên Thiều. Sách lại kể chuyện ông tới thăm chùa Hà Trung là nơi thiền sư Nguyên Thiều mà chỉ gặp một vị giám tự mới thọ giới tỳ khưu với ông mấy tháng trước đó tại giới đàn Thiền Lâm. Một vị

giám tự mới thọ tỳ khưu thì chắc chắn không phải là thiền sư Nguyên Thiều, người đã khai sơn hai tổ đình lớn là Thập Tháp và Quốc Ân. Điều đó cho ta thấy rằng Nguyên Thiều đã tịch trước năm 1695 tức là năm Thạch Liêm tới Đại Việt. Niên đại 1729 đề ở bia Quốc Ân chỉ là niên đại dựng bia chứ không phải niên đại nhập diệt của Nguyên Thiều (77).

Sách *Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên* nói Nguyên Thiều thọ 81 tuổi. Vậy ông mất vào năm nào và sinh vào năm nào? Ta biết khi Nguyên Thiều mất, chúa Nguyễn Phúc Chu ban cho ông thụy hiệu là Hạnh Đoan Thiền Sư. Như vậy ta có thể biết chắc rằng Nguyên Thiều mất vào khoảng từ năm 1691 tức là năm chúa Nguyễn Phúc Chu lên ngôi đến năm 1695 tức là năm qua Đại Việt của thiền sư Thạch Liêm. Như vậy ông sinh vào khoảng 1610-1614 và qua Đại Việt vào khoảng từ năm 51 đến 55 tuổi.

Sách *Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên* có nhắc đến chuyện chúa Nguyễn Phúc Trần nhờ Nguyên Thiều qua Trung Hoa để mời cao tăng và thỉnh pháp tượng, pháp khí. Thượng Tọa Mật Thể trong sách *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược* (78) có nói rằng sau khi Nguyên Thiều về Đại Việt, chúa Nguyễn Phúc Trần có cho tổ chức giới đàn lớn tại chùa Linh Mục. Chưa thấy có chỗ nào chép như thế. Theo Thượng Tọa Mật Thể, chuyến đi của Nguyên Thiều sang Quảng Đông có mục đích mời một số cao tăng sung vào ban thập sư truyền giới tại giới đàn, đồng thời cũng là để thỉnh những pháp khí (như tràng phan, chuông, mõ) cần thiết cho giới đàn. Ta nghĩ rằng một chuyến đi như vậy không thể chỉ để thỉnh tượng Phật và pháp khí và một vài vị tăng sĩ; cho nên việc lập giới đàn do Thạch Liêm tổ chức tại chùa Thiền Lâm năm 1695. Chúa Nguyễn Phúc Chu khi tới giới đàn đã quá khâm phục mà nói: "May có Lão Hòa Thượng tới đây mới được thấy pháp môn quảng đại trang nghiêm như vậy." Như thế có nghĩa là từ đó về trước chưa có giới đàn nào tổ chức lớn như vậy, kể cả những giới đàn do thiền sư Nguyên Thiều tổ chức. Chúa Nguyễn Phúc Chu dù còn trẻ cũng đã được đi theo để xem giới đàn Linh Mục tổ chức dưới thời chúa Nguyễn Phúc Trần.

Những vị cao tăng nào đã cùng qua Đại Việt với thiền sư Nguyên Thiều? Theo tác giả *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược* thì cùng qua với Nguyên Thiều có các thiền sư Minh Hành Tại Tại, Minh Hoảng Tử Dung, Minh Hải Pháp Bảo, Minh Vật Nhất Trí. Ta không thể biết chắc được tất cả những thiền sư có tên trên đây đã cùng qua với thiền sư Nguyên Thiều hay không. Thiền sư Minh Hành chẳng hạn, như ta đã biết, đã qua Đại Việt trước đó tới gần 60 năm, tới kinh đô Thăng Long vào năm 1633. Vậy ta chỉ có thể nói rằng một số các thiền sư có tên ở trên đã cùng qua với Nguyên Thiều, mà chắc chắn nhất là những vị đã lưu trú lại các tổ đình Thập Tháp và Quốc Ân do Nguyên Thiều khai sơn, như Minh Vật Nhất Trí, Minh Hoàng Định Nhiên. Những vị này có thể là những pháp đệ

gọi Nguyên Thiều bằng sư thúc hay sư bá; cũng có thể nhiều vị là đệ tử trực tiếp của Nguyên Thiều. Mật Thể không tin như vậy, cho rằng thời gian ở Đại Việt của Nguyên Thiều thì nhiều mà thời gian ở Quảng Đông của ông thì ít, làm sao ông có thể có đệ tử cao tăng được. Tuy nhiên, nếu ta biết Nguyên Thiều sang Đại Việt hồi 51 -55 tuổi, trở về Quảng Đông lúc trên bảy mươi tuổi thì ta có thể nói rằng trong số các vị gốc Trung Hoa trú trì tại hai chùa Thập Tháp và Quốc Ân, có thể có vị là đệ tử trực tiếp của Nguyên Thiều từ khi ông chưa bỏ nhà Thanh sang Đại Việt. Dù sao, ít nhất cũng là bảy vị tăng sĩ vừa Hoa vừa Việt đứng sau ông một thế hệ đã được ông nâng đỡ và đặt vào công tác hành đạo. Đó là các vị cư trú tại Bình Định (Thập Tháp) và Thuận Hóa (chùa Quốc Ân): Minh Vật Nhất Trí, Minh Giác Kỳ Phương, Minh Trí Nguyệt Hạnh, Minh Dung Pháp Thông, Minh Lương Nguyệt An, Thành Đăng Minh Yêu và Thành Thiên Pháp Thông. Đó là chưa kể những vị nổi nghiệp ông ở chùa Hà Trung là chùa mà ông trú trì vào những năm chót của đời ông.

Chùa Hà Trung tọa lạc tại xã Hà Trung, huyện Phú Lộc, có lẽ đã được tạo dựng ngay sau khi chúa Nguyễn Phúc Chu mới lên ngôi. Về chùa Hà Trung, thiền sư Thạch Liêm đã viết: “Đoái nhìn chùa son điện ngọc, lấp lánh trong bờ biển rừng tùng. Nước mây man mác, trập trùng bóng dương, phảng phất chốn Bồng Lai Lăng Uyển.” Và Thạch Liêm có làm ba bài thơ. Đây là bài thứ nhất:

*Xanh mấy tầng dương ẩn Phật cung
Chuông vàng theo gió thoảng bên song
Rèm tre lối cỏ lên hơi núi
Gành đá lâu mây xuống bóng đồng
Cá đỏ chực mỗi ngòi mặt nước
Chim xanh hót nắng đậu giàn bông
Miếu đến vua chúa thanh u quá
Như có hào quang chiếu biển Đông (79)*
**(Lục liễu thủy thủy ẩn Phạm Cung
Chung Thanh chiêu đệ mãn hà phong
Trúc lý thảo kính phù lam yếm
Thạc hác hà lâu đảo ảnh không
Hầu thực hồng ngư suy thủy thượng
Đề yên túy điều lạc hoa trung
Vương gia tử miếu âm sum xứ
Hương hữu linh quang tạ Hải Đông)**

Trú trì tại chùa Hà Trung không bao lâu thì Nguyên Thiều tịch. Thụy hiệu Hạnh Đoan Thiền Sư là do chúa Nguyễn Phúc Chu tặng sau khi Nguyên Thiều mất. Trước khi tịch, ông có để lại bài kệ sau đây:

*Lặng lẽ gương không chiếu bóng
Sáng trưng ngọc chẳng thân hình
Rõ ràng Vật không phải Vật
Mênh mông Không chẳng là Không.
(Tịch tịch cảnh vô cảnh
Minh minh châu bất dung
Đường đường vật phi vật
Liên liên không vật không).*

Tháp Hóa Môn được dựng trên một khu đồi nhỏ xóm Thuận Hóa, làng Dương Xuân Thượng. Bia đá chùa Quốc Ân nói về Nguyên Thiều thì mãi đến năm 1725 mới dựng, do chúa Nguyễn Phúc Chu (1725-1738) đề. Chúa Nguyễn Phúc Chu không những ban thụy hiệu cho Nguyên Thiều mà còn làm một bài minh khắc vào bia đề ca tụng đạo đức thiền sư. Bài minh ấy như sau:

*Cao vút trí tuệ
Phạm hạnh vun trồng
Giới đao một lưỡi
Trắng nước thung dung
Ngồi đứng một thân
Trong lặng kiên cường
Hoảng pháp lợi người
Quán thân vốn không
Mây từ che khắp
Trời tuệ chiếu cùng
Ngắm đi ngắm đi
Thái Sơn oai hùng
**(Ưu ưu bát nhã
Đường đường Phạm thất
Thủy nguyệt ưu du
Giới trì chiến lật
Trạm tịch cô kiên
Trác lập khả tất
Quán thân bốn không
Hoảng pháp lợi vật
Biển phú tử vân
Phổ chiếu tuệ nhật
Chiêm chi chiêm chi
Thái Sơn ngật ngật)***

(còn tiếp)

(76) Hòa thượng Bốn Kiểu Khoáng Viên là đệ tử của thiền sư Đạo Môn, đời thứ ba mươi một, phái Lâm Tế, ở chùa Thiên Khai, Quảng Đông. Đạo Môn có để lại một bài kệ truyền pháp sau đây:

*Đạo bốn nguyên thành Phật Tổ Tiên
Minh như hồng nhật lệ trung thiên
Linh nguyên quảng nhuận từ phong phổ
Chiếu thể chân đấng vận cổ huyền.*

(77) Sách *Hải Ngoại Kỳ Sự* còn cho biết là trong thời gian chúa Nguyễn Phúc Trăn (1678-1691) trị vì ông cũng đã được chúa mời thỉnh tới hai lần nhưng chưa đi được. Lần này ông qua là do chúa Nguyễn Phúc Chu mời. Hai sử giả được chúa cử sang mời Thạch Liêm là Trần Thiêm Quang và Ngô Tư Quan chứ không phải là thiền sư Nguyên Thiều. Sách *Hải Ngoại Kỳ Sự* cũng không hề đề cập đến Nguyên Thiều.

(78) *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược*, 1943 Hà Nội.

(79) Thạch Liêm, *Hải Ngoại Kỳ Sự*

NÊN CHỌN HÓA THÀNH HAY BẢO SỞ?

Thích Viên Thành

*(Năm trong loạt bài chào mừng năm mới 2018 - Mậu Tuất,
Viết về Đời Người và Định Hướng cho Tương Lai)*

Hồi Đức Phật còn tại thế, tại Núi Linh Thứu, khi giảng Kinh Pháp Hoa, Ngài muốn Khai Thị cho chúng sanh Ngộ Nhập Phật Tri Kiến. Nhưng với Diệu Pháp cao thâm vi diệu, khó có ai thấu đạt liền nổi, sợ chúng sanh chán nản bỏ cuộc giữa chừng, nên Ngài mới hiện ra Hóa Thành, để tạm nghỉ, lấy sức lực lại, rồi Ngài mới tiếp tục hướng dẫn tới Bảo Sở.

- Hóa Thành: là chỗ hóa ra chưa phải thật (nơi nghỉ tạm thời và hoa trái dọc đường, chứ chưa phải là đích đến).

- Bảo Sở: là chỗ quý báu chân thật (là cõi Phật, là Phật tánh, rõ ràng, thường biết, diệu dụng, lợi ích vô cùng, không bao giờ mất, luôn hiện hữu trong ta).

Trong thời buổi văn minh, hiện đại, với sự tiến bộ vượt bậc của khoa học về khai thác và xây dựng, nhất là khâu truyền thông, kỹ thuật số, đã giúp cho con người, dường như xích lại gần nhau hơn và mọi tiện nghi vật chất, dường như phục vụ đầy đủ mọi nhu cầu!

Đồng hành cùng sự phát triển ấy, Phật Giáo bây giờ cũng hiện diện khắp nơi, từ Á sang Âu, Mỹ, Úc đến Phi châu, Chùa, Viện mọc lên khắp cả.

Xin chân thành cúi đầu đảnh lễ, ngưỡng mộ, tri ân các bậc tiền bối hữu công, đã dày công khai sơn, phá thạch, xây dựng nên những ngôi Phạm vũ huy hoàng, hay những chốn Thiền Môn, Lan nhã hữu tình, để cho chúng sanh, có nơi quy ngưỡng và thực hành Pháp Phật. Những nơi này rất đáng được bảo toàn, duy trì và phát triển, để cho chúng sanh được nhiều lợi lạc, góp phần truyền bá Phật Pháp, xây dựng một xã hội tốt đẹp, an lành.

Xin đảnh lễ và vô cùng tán phục, những vị có hạnh nguyện của Bồ Tát Địa Tạng, đã hy hiến cuộc đời mình, để "hòa quang đồng trần," cùng sẻ chia, lặn lội với chúng sanh, đây đau khổ nơi cõi Ta bà này. Có vị qua đây trui rèn, lập chí, tu luyện, ẩn nhẫn, phụng sự chúng sanh, để hạ dần bản ngã, hầu đi vào được cửa đạo, với đạo đức sáng ngời và từ đây chúng sanh quy hướng, lợi lạc quần sanh, hữu ích cho muôn loài. Nhưng cũng có lắm vị, khi chưa chứng A La Hán mà tự tin, sống dễ dãi, thoải mái, cho tâm mình, thuận theo dòng đời, đúng

lý ra "tùy duyên bất biến" nhưng rồi "thiên biến vạn hóa, biến thái," để bị dòng đời vùi dập, nhận chìm và cuối cùng là "thân bại danh liệt" thảm thương vô cùng!

Đức Bổn Sư Thích Ca của chúng ta đã liễu triệt được tất cả. Vì lòng từ bi vô hạn, khi thành đạo rồi, đứng ra Ngài đã nhập vào "vô dư niết bàn," nhưng vì thương xót chúng sanh, đang quần quai trong khổ đau, hoặc là đang mãi mê trong nhà lửa, nên Ngài phải chịu khổ suốt 49 năm trường, lặn lội khắp các vùng của Ấn Độ, để gieo duyên hóa độ muôn loài, qua nhiều bài Kinh giảng dạy lăm cao siêu, nhưng cũng rất là đầy thực tiễn.

Đặc biệt nhất là bài Kinh Di Giáo, về cuối cuộc đời, sắp từ giã cõi trần và các đệ tử thân thương. Với sự chứng đạo đầy sự thông suốt, cũng như nhiều nghiệm xương máu, trong quá trình cuộc sống cũng như hành đạo, Ngài đã có những lời dặn dò, thật là cụ thể, thấm thiết, gần gũi và bình dị. Là người con Phật, chúng ta phải "y giáo phụng hành" thì mới mong tự cứu được bản thân và tha nhân hầu đến được phần nào, ơn đức sâu dày của Đức Phật.

Tại sao Đức Bổn Sư đã thành Phật rồi, lại dẫn đệ tử, toàn là Thánh Tăng, hằng ngày phải đi vào làng "khất thực"? Có phải chăng, vì muốn hóa duyên và không muốn cho đệ tử của mình, lo hưởng thụ và lớn dần "bản ngã." Mà xuyên suốt trong các lời giảng dạy, hoặc luật nghi để ra, Ngài cũng đều muốn cho hàng đệ tử phải bào mòn "ngã chấp." Vì theo Ngài đã thấy, đã biết, sự nguy hiểm của "bản ngã," nên khi mới vừa ra đời, Ngài đã truyền đi Thông Điệp: "Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn!"

Kế thừa Ngài, trong thời hiện đại, có Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, cũng đã dạy: "Nếu một người tu mà trải qua năm tháng hành đạo, không thấy mình tầm thường hơn, giản dị hơn và khiêm tốn hơn thời gian ban đầu, thì có lẽ là ta đã đi lạc đường rồi!" hay "Càng tu lâu chừng nào, càng thấy mình, không là gì cả, đấy mới chính thực là tu." Trong Bài Khẩn Nguyện hằng đêm thường tụng có: "...Tự thấy mình nhỏ thò, việc tu còn kém cõi..."! Vì "vô ngã" là Niết bàn, tuy không thấy là gì cả, nhưng diệu dụng vô

cùng, cũng giống gió, bão, hay động đất, sóng thần, không thấy gì, nhưng mỗi khi xuất hiện, thì tàn phá kinh hoàng, thảm khốc. Nên có câu "chân không diệu hữu," tuy không thấy gì nhưng mỗi khi vận dụng, có thể cải tạo và thay đổi cả thế giới. Phật tánh cũng diệu dụng như vậy, bằng bạc ở khắp nơi và có trong khắp muôn loài, nhưng vì "ngã chấp" mà làm mê mờ "bản tánh chân như, đầy sáng suốt" của chúng ta, và khiến ta tạo tội lỗi vô cùng.

Như vậy, nhiệm vụ chính của người tu là luôn soi rọi lại lòng mình và nhắc nhở, tạo điều kiện, bằng cách xây Chùa, tạo Tu viện, dựng Đạo tràng để tu tập giúp đỡ cho mọi người "tiêu trừ ngã chấp," cũng như thực hành hạnh bố thí và sống đời thương yêu nhiều hiểu biết.

Người tu sĩ thấy khổ của cuộc đời, mới đi tu để thoát khổ và cứu khổ cho muôn loài. Người thế gian, cũng thấm thía được sự vô thường và nỗi khổ, niềm đau của nhân thế, nên cũng muốn đến chùa, hướng về Tam bảo, cũng không ngoài mục đích là tìm đường thoát khổ, đây là một nhu cầu thiết yếu.

Cho nên để đáp ứng chu toàn những nhu cầu thiết yếu ấy, trách nhiệm của người Tu rất nặng nề, nhưng cũng rất cao siêu, thanh thoát, đó là phải thực hành, trải nghiệm và chứng được Đạo, nghĩa là phải hoàn toàn, giác ngộ, giải thoát, liễu triệt rành rẽ được cọng đường giải thoát, hầu vững vàng hướng dẫn chúng sanh, an toàn vượt qua được nỗi khổ niềm đau. Hay nói cho dễ hiểu, gần gũi với đời thường nhất là, phải có vốn, có năng lực, rồi mới nghĩ đến việc muốn giúp ai, có của rồi nghĩ đến việc cho, chứ chưa có gì, mà nghĩ đến cho, thì lấy cái gì mà cho?

Xây Chùa hay Tu Viện phải có tâm nguyện: "Tiếp Tăng Độ Chúng," "là của bá tánh, chứ không của riêng ai," "không tự tư, tự lợi," "truyền hiền chứ không truyền tử," phải là Đạo Tràng Tu Học, để cho chúng sanh có nơi quy hướng, tu tập, trải nghiệm và thoát được khổ đau, sống được cuộc đời an lạc nhiều lợi ích cho đời, tất cả mọi phương tiện cũng phải phục vụ cho mục đích tối thượng này, thì Long Thiên Hộ Pháp mới hộ trì và chiêu cảm được những Phật tử thuần thành đến tu học. Bền ngược lại, chỉ là những "danh lam thắng cảnh," "hưởng ngoại tìm cầu" chạy theo đường danh lợi, vui chơi, giải trí, để chúng sanh, không lo 'thoát ly sanh tử' mà mê đắm cõi trần gian, đầy đau khổ này, thì thật là đáng thương hại và không đúng với bản hoài của Chư Phật, chư Tổ, sẽ khó tồn tại được lâu dài, mà lại nặng nợ với bá tánh, những người đã phát tâm đóng góp, tịnh tài, tịnh vật và cả tấm lòng, mong cho Phật Pháp xương minh, để lợi lạc được nhiều quần sanh.

Đức Phật và Chư Tổ đã hiểu rõ, tâm mình và tâm của chúng sanh, "tâm viên ý mã" nên đã quyết định, từ bỏ hết mọi ràng buộc, xa lìa hết mọi tiện nghi, vật chất, công danh, sự nghiệp... để vào rừng, lánh xa trần thế, mới



yên bề tu tập và mới có thể chứng được đạo. Bây giờ liệu chúng ta có hơn được Phật, Tổ, mà dám hiên ngang, xông pha vào ngũ dục?

Đức Phật và Chư Thánh Chúng phải đi khất thực và ngủ dưới mỗi gốc cây, không quá 3 đêm, vì sợ dính mắc, mà quên đi hạnh nguyện. Liệu chúng ta, có hơn được Đức Phật và Thánh Chúng mà dám xây Chùa to Phật lớn, giống như cung điện nguy nga, lộng lẫy, với đầy đủ tiện nghi vật chất, mà vẫn bảo toàn được giới hạnh?

Đa số chúng sanh, quá đau khổ, trong cõi trần ai, nhiều thị phi, phiền não và đầy cảm dỗ với lăm oan trái nầy, đang muốn thoát khỏi vòng sanh tử, khổ lụy, nên nhu cầu và phong trào tu học rất cao. Có nhiều vị đã buông xả hết những thành tựu sự nghiệp vật chất ở thế gian, hoặc hiến hết cho việc hoằng truyền Phật Pháp, nỗ lực tự tu hành tại gia, rất là miên mật và nhiều tiến bộ. Có nhiều vị rất muốn yên tu, nhưng chưa định hướng được đường tu, nên đã phải chạy lung tung, để tìm Thầy, tìm "minh sư," rồi cuối cùng mỏi mệt, tìm về xây dựng riêng cho mình một không gian tĩnh lặng, để trở lại với mình, hầu có được sự bình yên sáng suốt. Là người hướng dẫn tinh thần, chịu trách nhiệm phần tâm linh, liệu chúng ta có đủ năng lực, với đầy từ bi, trí tuệ, có được tinh thần tĩnh lặng, hay một không gian giúp cho mọi người cùng tĩnh lặng, hầu thay Phật dẫn dắt những chúng sanh này, thoát vòng khổ lụy?

Trong Kinh Khu Rừng, theo kinh nghiệm của Thế Tôn, có dạy: "*...Nếu khu rừng nào mà không cải thiện được đời sống tâm linh, không thăng tiến về định tuệ thì dù cho nơi ấy có đời sống sung túc cũng phải từ bỏ ngay lập tức. Ngược lại, khu rừng nào mà nơi ấy sự tu tập ngày càng tiến bộ, dầu đời sống khó khăn thì cũng nên ở lại, nếu đủ duyên thì có thể ở lại đến trọn đời.*"

Vì thế, những vị có trách nhiệm lãnh đạo các chùa viện, ngoài việc lo xây dựng chùa to Phật lớn, chăm lo đời sống vật chất, điều đặc biệt cần quan tâm nhất, đó là việc thăng hoa tâm linh cho Phật tử. Sự ổn định và phát triển về phương diện vật chất tuy cần, nhưng điều thiết yếu, vẫn là sự tiến bộ về tinh thần.

Đất lành thì chim đậu. Cũng vậy, chùa, viện nào có sự tĩnh lặng, giúp cho chúng sanh bớt khổ, thêm vui, có tiến bộ tâm linh để được an lạc và giải thoát, thì rất nhiều chúng sanh tìm về nương tựa. Điều này lý giải "chùa, viện" hiện nay, bên ngoài nguy nga, tráng lệ, sung mãn vật chất, nhưng thiếu vắng các bậc Chân Tu, và Phật tử thuần thành về tu, bởi nơi đây không xây dựng, hun đúc được chất liệu an tịnh và giải thoát, nên chưa chiêu cảm được những điều tương ứng.

Người thế gian, do mê đắm tiền tài, danh lợi, nên đã bị vật chất kéo lôi, sai sử, khiến bù đầu vào công việc, quên cả bổn phận làm cha, làm mẹ, bỏ con bỏ vợ, huyệt huyệt, thiếu đi tình cảm, mất sự đầm ấm gia đình, để rồi nhiều con cái hư đốn, nhiều gia đình tan nát hạnh phúc. Đối với người tu, đừng giống như thế gian, mà người xưa đã nói: "Ca-sa vị trước hiềm **đạo sư**, trước dĩ ca-sa **sự cánh đa**" (Ca-sa **chưa** mặc than **nhiều việc**, được mặc ca-sa **việc lại nhiều**), để rồi đánh mất tự thân, lao vào sự lãng xằng, bận rộn, không có được sự tĩnh lặng, quên đi nhiệm vụ độ sanh, từ đó đã sai với ý của Tổ là: "Ngoài cắt chur duyên, trong không toan tính, tâm như tường vách, khả dĩ nhập đạo." Ta đi ngược lại, thì làm sao thấy được đạo và có được đạo lực mà hóa độ chúng sanh?

Nên nhớ rằng: "*Giáo bất nghiêm, sư chi đạo.*" Trong luật Phật cũng có dạy: "Mỗi năm, vị Thầy chỉ nhận một đệ tử để nuôi dạy đến khi đệ tử vững vàng thọ Tỳ-kheo rồi, mới được nhận đệ tử khác." Trách nhiệm của người Thầy rất quan trọng, liệu chúng ta có được "minh sư" chịu chú ý đến sự dạy dỗ một cách cẩn trọng? Làm chủ một Tự Viện, trăm công ngàn việc, nào việc chùa, việc giáo hội, rồi việc giao tế; có nơi còn lo việc xây dựng, hết công trình này, đến công trình khác mọc lên... có thời gian và tâm trí đâu mà để ý đến việc sinh hoạt hằng ngày của chúng ta và đầu tư cho giảng dạy, đặc biệt là việc tu tập. Nhận đệ tử không có thời gian dạy, rồi năm tháng dần trôi, tâm hồn không thấm tương chao và nhuộm màu Phật pháp, mà tự bơi, tự lội, gặp cảnh sao cho khỏi chẳng sinh tình, rồi làm những điều mà tự thân cũng không biết là đúng hay sai với Phật Pháp!

Chỉ cần một Phật, Tổ mà hóa độ được vô lượng chúng sanh. Thà rằng chỉ nhận ít đệ tử mà giáo dục nên người hữu ích, còn đáng khen hơn, ham quy y đồ chúng nhiều, mà độ chẳng được bao nhiêu, không đến nơi, đến chốn. Thà rằng am tre, chùa nhỏ nhưng sự giáo dưỡng tận tình, chu đáo còn tốt hơn chùa to, Phật lớn mà thầy trò lạc lõng lẫn nhau. Thà làm một người thầy bình thường, mà lo cho đệ tử tốt, còn hơn nhiều chức vụ, vinh dự mà đệ tử chẳng nên người. Tề gia rồi mới trị quốc, bình thiên hạ. Tu thân, tề gia chưa xong, mà nghĩ đến việc Trị quốc và Bình thiên hạ, thì quá xa vời. Nên nhớ: Tề gia cho được tốt thì thiên hạ tự thái bình!



Người đời, do hướng ngoại tìm cầu, quá chán ngán cảnh thế gian, nhiều tranh đua, phân biệt, loạn động, nên muốn tìm nơi an tịnh, để thư giãn tâm hồn và tìm về bờ giác. Liệu chúng ta có đủ năng lực, "buổi sáng mang cho họ niềm vui, buổi chiều giúp cho họ bớt khổ," để cùng nhau tận tu, đồng về bến giác?

Mỗi người muốn thành "siêu sao," phải cực lực nhiều ngày, đêm ra công khổ luyện, đây mới chỉ là để phục vụ cho vui chơi, giải trí thôi! Còn chúng ta muốn "thành Phật, thành Thánh, thành Tổ," để cứu độ chúng sanh thoát ly khổ nạn, mà "tu tài tử," "vừa tu vừa thụ hưởng," liệu có bao giờ đạt được? Pháp của Phật không hành, mà chỉ để hý luận và phô diễn, thì liệu có bao giờ thấy đạo? Hằng bữa ăn, không "tam đề, ngũ quán," thì liệu cơm tín thí có tiêu? và nợ bá tánh biết bao giờ trả cho hết?

Muốn làm Thầy, để hướng dẫn cho chúng sanh, giải quyết được những nhu cầu thiết yếu, trong cuộc sống hiện tại, chúng ta phải hành trì, trải nghiệm và chứng ngộ. Lúc đó "trí tuệ" phát và lòng "từ bi" hiển lộ, sẽ giúp cho chúng ta, "Tâm như thái hư, lượng châu sa giới" để có được sự quảng đại, sống quân tử, cao đẹp, biết tôn trọng, tha thứ, lắng nghe, thương cảm, thông hiểu và sẻ chia với mọi người. Đây là đức tánh vẹn toàn của người tu, và chỉ có được như vậy, mới có được sự thanh thoát, chiêu cảm được những người tốt và điều tốt đến với ta. Từ đó mới hoàn thành được nhiệm vụ "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự"!

Người tu phải sống tịch tịnh, rõ ràng thường biết, sống khiêm cung có đạo đức, sống có hậu, biết quan tâm đến người khác, "*hoặc là người thọ hạ kinh hành, không ham quyền quý, ẩn danh lâm tòng...*" chừng đó đủ cho mọi người tôn kính và lễ lạy. Đây mới là nhiệm vụ và phẩm hạnh của người tu, chứ không phải ở nhiều mưu toan, tính toán, nhiều danh lợi và ở sự tài giỏi chuyện thế gian! Có sống được thông dong, tự tại, thanh thoát, cao siêu, như vậy, mới xứng đáng là: "Thiên nhân chi đạo sư," mới xứng đáng chọ vua, dân và mọi người khi đối diện, đều phải lễ lạy!

Chứ không thể "hòa quang, đồng trần," chạy theo phục vụ nhu cầu, thỏa mãn thị hiếu,

cũng như tạo danh lợi, trong sự "hưởng thụ," với chúng sanh, để rồi "từ sáng đi vào tối" trở thành "ông chủ ngục," hay phải "lệ thuộc, chịu lụy thế gian" thì cũng thật đáng thương hại, biết chừng nào!

Nhiệm vụ của bác sĩ là lo chữa bệnh, của kỹ sư là lo xây dựng, của thầy, cô giáo lo đào tạo những con người có tri thức, của công nhân lo chế tạo vật dụng, của nông dân lo sản xuất nông sản, của thợ dệt, thợ may là lo sản xuất áo quần... Đặc biệt với nghề nghiệp tu sĩ, nhiệm vụ chính, là phải tu cho có đạo lực, để hun đúc nên những con người "Chân, Thiện, Mỹ" hầu xây dựng một xã hội an lành, hạnh phúc, hướng thượng... Ông bà ta có câu: "*nhất nghệ tinh, nhất thân vinh*" phải chuyên chú vào trau dồi nghề nghiệp của mình; mà trong nhà Thiền có câu dạy rất cụ thể: "*phần quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha đắc*" phải luôn tu hành như vậy, thì mới mong có được sự thăng tiến, để giải thoát, giác ngộ, thoát ly sanh tử. Nhưng phải luôn ý thức rằng: "*Giải thoát chỉ có thể đạt được qua tu tập, chứ không phải qua bàn luận.*" Pháp Phật là pháp hành, chỉ có hành kiên trì và miên mật, đạt được chân lý tối thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh Niết Bàn, An Lạc vĩnh cửu, giống như mài củi phải liên tục và bền bỉ, mới có được lửa, chứ Pháp Phật không phải chỉ để nghiên cứu, để phô diễn, để có phước đức hay để có được vinh dự...

Chỉ có những tu viện chuyên tâm tu tập, hoặc các chùa, chuyển thành tu viện, để chư tăng và Phật tử đến chùa chỉ biết "tu," với "tâm tốt" hầu có được "suy nghĩ tốt, lời nói hay, hành động đẹp" đối đãi với nhau, cho cuộc sống được an lạc, lợi ích cho tha nhân, thì mới mong giải quyết được những nhu cầu thoát khổ, chứ không phải đến chùa để "trở tài" hay chỉ lo làm "công quả phước điền" hoặc tham gia phô trương các sự kiện, có tính hình tướng, chỉ làm cho khổ lụy và tạo nghiệp bất thiện thêm thôi!

Người đời thích loạn động, hướng ngoại tìm cầu, nên mới khổ. Người tu muốn hết khổ, phải đi ngược dòng đời, tìm nơi tịch tịnh, quay vào quán chiếu nội tâm, quan tâm đến phần tinh thần, mới thành tựu được đạo quả. "*Hữu xạ tự nhiên hương*," khi mình có đủ đạo hạnh rồi, thì dầu ở trong núi vắng, vẫn có người tìm đến quy y, học đạo. Lúc đó rồi hãy nghĩ đến việc độ sanh, chứ chưa được gì, mà thuận theo dòng đời, thì chỉ bị nhận chìm và mất mạng mà thôi!

Chùa to Phật lớn, những thời Pháp thoại, những cơ sở vật chất, phục vụ cho việc hoằng dương Chánh Pháp... mới chỉ là Hóa Thành, để cho chúng sanh tạm yên nghỉ, hóa giải phần nào nỗi khổ niềm đau, còn mục đích tối thượng là phải có nơi "tu hành" đạt đến giải thoát, giác ngộ, để không còn khổ đau, sống đời từ, bi, hỷ, xả, bao dung, quảng đại, đó mới là Bảo Sở và cứu cánh của người tu.

Vậy mỗi chúng ta, hãy hồi quang phản

chiếu, lấy "Trí Tuệ làm Sự Nghiệp," lấy "Bảo Sở" làm đích đến, từ đó "định hướng" lại đường tu và cơ sở của mình, để mà điều chỉnh kịp thời, cho "hiện tại và tương lai" có được một nơi Tĩnh lặng, chuyên hướng về tu tập Giới, Định, Tuệ, để giúp cho mọi người muốn tu, có được nơi quy hướng, hầu có được trí tuệ sáng suốt, lòng từ bi rộng lớn với tâm bao dung, mà hướng được trọn niềm an lạc, chứ an vị trong "Hóa Thành" mãi thì: "*lang thang làm kiếp phong trần, quê nhà ngày một muôn lần dặm xa*" để "lớn bản ngã" phải trả quả như Ngộ Đạt Pháp Sư, hay chàng dũng sĩ trong "*Cửa Tùng Đồi Cánh Gà*" thì uổng cho một kiếp người, đã nhiều năm hưởng về tu tập, hành đạo, mà kết quả thì chẳng được chi, có khi lại quá ê chề, thê thảm!

Nam Mô Cầu Sám Hồi Bồ Tát Ma Ha Tát
(Con Thích Viên Thành, qua nhiều trăm trở, cho tiền đồ của Đạo, cũng như cho tự thân. Nhận thấy được một số vấn đề, đã nêu ra ở trên, "Trung ngôn nghịch nhĩ" chắc là sẽ không hài lòng một số vị, xin thành tâm sám hối. Nhưng nhiệm vụ của người tu, là phải "trung thực" và ý thức được rằng "chân thật bất hư," thấy, biết và nghĩ sao nói vậy. Cổ nhân có dạy: "Người khen ta, mà khen phải là bạn ta, người nịnh hót khen điều sai của ta, là kẻ thù của ta. Người chê ta, mà chê phải là thầy ta." "Lời thật hay mịch lòng," Viên Thành thà chấp nhận chịu "mịch lòng," để làm tròn phần nào nhiệm vụ cao đẹp của người tu, đó là "Thiên nhơn chi đạo sư," hoặc là ẩn dật, chứ không thể "mang tới chũm lừa," hay "biến chất, sống không thật" phô diễn tài năng, chạy theo "ngũ dục," hầu lấy lòng mọi người, để tự thiêu đốt mình và cùng nhau đi vào "đường tối").

Thành tâm Kính Chúc Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni, một mùa xuân Vô Lượng An Lạc một năm mới Kiết Tường Như Ý, Kính chúc quý Đồng Bào Phật Tử, nhiều Sức Khỏe - An Khang - Hạnh phúc.

*Viết tại Pháp Hoa - Nam Úc,
vào thời điểm mừng xuân Mậu Tuất - 2018
TK. Thích Viên Thành*



LÒNG THAM TAI HẠI

Hồi còn tại thế xưa kia
Trên đường giáo hóa Phật đi qua làng
Ngài đi cùng ông A Nan
Khai tâm gieo ánh đạo vàng giúp dân.
Đang đi ngài bỗng dừng chân
Bước quanh lối khắc có phân xa thêm
Ông A Nan rất ngạc nhiên
Vội lên tiếng hỏi. Phật liền giảng ra:
"Đây A Nan phía trước ta
Có quân giặc cướp thật là hiểm nguy
Sau ta ba kẻ đang đi
Gặp quân giặc đó khó bề thoát qua!"

Quả nhiên dạo bước nẻo xa
Ba người bạn thiết tà tà rong chơi
Cười hồn nhiên, bước thánh thời
Tới nơi thấy gói vàng rơi giữa đường
Họ ngừng lại lượm, mừng rơn
Cùng la: "Hên quá! Tạ ơn ông Trời!
Chúng mình tổ chức ăn chơi
Linh đình một bữa khao đời về vàng!"
Một chàng được cử lên đàng
Ghé mua "đồ nhậu" chợ làng gần bên.
Chàng đi, lòng nghĩ thập hên:
"Nếu mua thuốc độc trộn kèm thức ăn
Hai tên kia chết nhăn răng
Vàng ta hưởng trọn, sướng bằng lên tiên!"
Thế là chàng thực hiện liền
Âm mưu giết hại bạn hiền vì tham!
Hai chàng ở lại cũng bàn:
"Nếu ta không phải chia vàng làm ba
Chỉ chia đôi, sướng quá mà!"
Chúng bèn tìm cách xấu xa giết người.
Chàng đi chợ về tới nơi
Hai chàng ân núp đồng thời ra tay
Giết ngay bạn quý lâu ngày
Rồi ngồi ăn uống no say, cùng cười:
"Vàng này chi phải chia đôi
Thế là mình hưởng cuộc đời giàu sang!"
Nào ngờ thuốc độc dân lan
Hết đời hai kẻ sói lang bạo tàn.

*

Phật bèn dạy ông A Nan:
"Ba người chết bởi lòng tham ngu đần
Giết nhau vì môi ác tâm
Ngu si như vậy muôn phần đáng thương
Chúng sanh xem đó làm gương
Lòng tham tai hại, tìm đường tránh xa!"

(thi hóa phỏng theo
TRUYỆN CỔ PHẬT GIÁO)



thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

Kiến trúc chùa xưa

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Có những câu chuyện ngày xưa ngày xưa mà chẳng xưa chút nào. Có những chuyện hôm nay mà sao nó xa xưa với vợ. Chuyện ngày xưa... Có một ngôi chùa ở vùng quê thanh bình, trước mặt là đồng lúa rì rào, cánh cò chao trắng đồng xanh. Trong chùa có vị hoà thượng già hiền như ông Phật, lông mày dài bạc trắng rớt che cả mắt...

Ngôi chùa cổ kính đẹp, yên ả vô cùng. Gã chẳng biết kiến trúc chữ Công, chữ Quốc gì cả; chỉ biết rằng chánh điện thờ Phật, hai gian đông-tây thờ Tổ và nhà khách, kể là bếp; chính giữa bốn khối nhà là sân cát hay còn gọi giếng trời. Những ngày rằm, mồng một theo cha lên chùa thích ới là thích. Gã chạy rảo quanh chùa, nhìn ngó, ngắm nghía, thậm chí sờ mó những dòng chữ Hán trên các bia mộ Tổ quanh vườn.

Ngôi chùa như một góc trời, một vùng phương ngoại của gã. Dân quanh vùng đều nghèo, cúng dường cũng đơn sơ chỉ là vài ký gạo, nải chuối, hoặc trái cây trong vườn... những rất thân thiện, ấm áp tình đời, lý đạo. Vị hoà thượng như một người cha hiền từ, nụ cười thường trực trên môi, dù tu hành nhưng rất dí dỏm. Ngài chưa hề có một một yêu cầu nào dù nhỏ nhất. Hết sức ung dung, thanh thản dù ngài ngày ăn một bữa, đôi khi chỉ là một gói mì. Dân chúng quanh vùng ai cũng quý mến và kính trọng! Tục lệ địa phương thường sắm sớ quan tài để dành khi hữu sự, khổ nổi lại sợ không dám để ở nhà, thế là đem hết lên chùa gởi thầy. Thầy từ bi, bao nhiêu cũng chứa; vì thế trong chùa lúc nào cũng có mấy mươi cỗ

quan tài. Nhiều người đồn đại: "Đêm trước, nếu cổ quan tài nào có tiếng động thì nhất định hôm sau nhà ấy có người chết." Thầy cười: "Đừng nói bá xàm." Tuy chuyện người lớn nhưng gã cũng nghe lóm khá nhiều, đại loại là như vậy. Gã rất thích những con cá hóa long gần đầu máng xối, mỗi khi mưa nước từ miệng cá tuôn ra ào ạt, chợt nhiên thấy cả một bầu trời cổ tích!

Thế rồi chuyện ngày xưa ngày xưa thành xưa thật! Thầy tịch, người mới bổ về. Thế là xuất hiện chuyện ngày nay mà sao nó xa xưa để sợ! Dân kính thầy, quý thầy bao nhiêu thì xa lạ với người mới bao nhiêu. Thầy mới theo phong trào chùa to phật lớn, phá bỏ hoàn toàn ngôi già lam cổ kính để xây mới theo kiểu tân thời, kiểu cách Tàu, sơn phết loè loẹt... giống một cô gái quê chân đầy phen mà mặc váy, tô son trét phấn! Cả một trời phương ngoại sụp đổ hoàn toàn, cả một trời cổ tích tàn phai. Dẫu biết vô thường là lẽ thường, dẫu biết thay đổi vốn trong từng sát na, nhưng thay đổi như thế này thì đau lòng quá, oan uổng quá! Cơn lốc chùa to Phật lớn, kiểu Tàu, pháp khí Đài Loan... còn quét từ thành thị đến thôn quê! Bây giờ những ngôi chùa tân thời to lớn đồ sộ nhưng na ná như cổ cung Bắc Kinh! Còn đâu những kiến trúc chùa xưa?

Vùng phương ngoại xa xăm, đêm nằm nghe tuyết đổ, lòng cháy lên bao kỷ niệm âm âm. Vùng phương ngoại mông lung, hồn phật phơ theo tuyết bay trong gió! Gã nhớ gì? thương gì? nhớ thương những mệnh mỏng

bất tận, nhớ những cái ảo mờ sương khói, thương những cái không sao nắm bắt được bao giờ! Đất trời vô cùng tận, thời gian lãng đãng qua như nước chảy, mây bay, như hoa rơi, lá rụng. Lịch sử thăng trầm nối tiếp nhau, đời nào cũng có anh hùng và đời nào cũng có bọn lưu manh! công danh phú quý dầu có dài cũng trong một kiếp người nhưng bia đá, bia miệng thì muôn đời!

Tuyết đổ trắng sân nhà, cả sơn hà đại địa phủ một màu trinh bạch, tinh khiết; nhìn ra ngỡ như một cõi nguyên sơ. Cõi nguyên sơ nào? cõi nguyên sơ ở đâu? nó ở ngay lòng mình, nó ở trong tâm mình đó thôi! Nhất thiết duy tâm tạo cơ mà! Mùa xuân hoa đua nở, mùa hạ biếc cây đời, mùa thu lá vàng rơi, mùa đông phơ phất tuyết vẫn không xóa nhòa được hình ảnh cổ quận ngày xưa! Vẫn lung linh như ngôi sao trên bầu trời đêm! Những tháng ngày lang thang vùng phương ngoại, đời vẫn như áng mây bay về phương ấy! Gã vẫn sống những tháng ngày thương nhớ, nhớ thương tràn ngập trong lòng, tâm hồn như sợi dây đàn luôn ngân nga những giai điệu ân tình. Tháng ngày vất vả mưu sinh vẫn réo rắt gọi tình! Cái tình vạn thủy thiên sơn, cái tình nhất kiến chung sinh, cái tình đẹp mong manh, trong vắt, thánh thót... nhưng không sao nắm bắt được bao giờ!

Kiến trúc chùa xưa giờ đã mất, mất vĩnh viễn. Chuyện ngày xưa vẫn còn mà chuyện ngày nay lại xưa đến vô cùng!

Ất Lăng thành, 1/2018



PHẬT TỬ VÀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Nguyễn Giác

Trong những thời rất xa xưa, lặng lẽ tu hành trong am vắng góc rừng được khuyến khích. Đó là những thời rất xa xưa... khi Kinh Phật ghi rằng *"...đi tới góc rừng, tới gốc cây, hay tới một lều trống, nhà sư ngồi quán chiếu..."* Trong thế kỷ của chúng ta, không còn bao nhiêu rừng, không còn bao nhiêu cội cây vắng để có thể tới ngồi. Và khi ngồi ở phố thị, bất kể ở một góc phố Bolsa tại Quận Cam, hay trong Phố Tàu New York, một nhà sư cũng không thể tách rời với những gì bận rộn ồn ào được thấy, được nghe chung quanh. Nghĩa là, không thể tách rời xã hội nổi trong thời này. Đó là chưa kể tới trường hợp, khi mang hạnh nguyện dẫn thân phục vụ.

Một hội nghị đã tổ chức tại New York hôm Thứ Bảy ngày 3 tháng 2/2018, với chủ đề "Buddhist Action: Morals, Vision, Justice" (Hành Động Phật Giáo: Đạo Lý, Viễn Ảnh, Công Bằng) với 200 người tham dự từ nhiều thành phần, tăng, ni, giáo sư, nhà văn, nghệ sĩ, sinh viên... Hội nghị tập trung vào việc phát triển một nghị trình địa phương và các liên minh tại vùng Đông Bắc Hoa Kỳ, "được tổ chức nhằm liên kết với các nỗ lực để tạo ra một liên minh cấp tiến toàn quốc của Phật tử Hoa Kỳ..."

Tạp chí Lion's Roar (<https://www.lionsroar.com/>) trong hai ngày 3 và 4/2/2018 đều có các bản tin về hội nghị này.

Phần mô tả về lý do hội nghị viết rằng tình hình tăng tốc các trường hợp bạo lực từ chính quyền [Hoa Kỳ] và ngoài chính quyền trong

chính sách và trong các hiện tượng xảy ra đã thúc đẩy lương tâm người tu học theo giáo pháp Đức Phật phải hành động – để đứng dậy, chống các sai trái đạo lý... Cụ thể, mục tiêu là đi tìm sự công bằng về kinh tế, tính phái, xã hội và sắc tộc (racial, social, gender and economic justice), bảo vệ người yếu đuối, và bảo vệ môi trường thiên nhiên.

Đọc qua là thấy ảnh hưởng tới cộng đồng Phật tử gốc Việt liền. Chúng ta là thiểu số vừa về màu da, vừa về tôn giáo.

Bản tin nói rằng đây là một hội nghị đầu tiên của kiểu này. Greg Snyder, người đồng sáng lập thiền viện Brooklyn Zen Center, đã giúp điều hợp hội nghị, và đọc diễn văn khai mạc. Lý do đơn giản, theo Snyder: Phật tử là phải làm giảm bớt những nỗi khổ trần gian, trong khi các cuộc khủng hoảng xã hội và chính trị gây đau khổ trầm trọng khắp thế giới.

Nạn đề là, Phật tử Mỹ trước giờ chưa bao giờ có một trung tâm quyền lực. Ngay cả trong các Phật tử Mỹ có khuynh hướng cấp tiến cũng không đồng thuận về hầu hết các vấn đề quan trọng. Cho nên trước giờ đã có nhiều nhóm hoạt động riêng về các vấn đề, như khí hậu, di dân, văn hóa, công bằng, giúp tù nhân, an ninh lương thực, giáo dục, xóa nghèo, sắc tộc kỳ thị, ô nhiễm và vô lượng nạn đề khác.

Tuy nhiên, hội nghị đồng thuận rằng, Phật tử có một số mục tiêu chung: đề cao trí tuệ và giảm bớt đau khổ. Hành động Phật tử là khởi từ lòng từ bi, lòng yêu thương, chứ không vì căm thù sân hận.

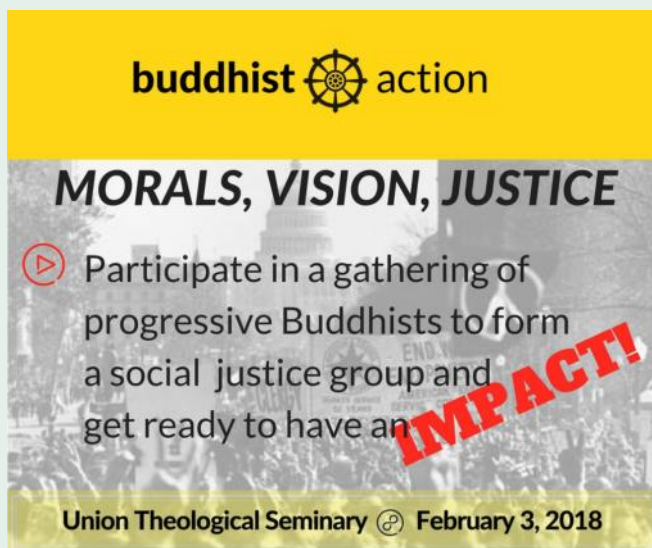
Cả hội trường vỗ tay vang dội khi Thiền sư Rebecca Li nói, *"Cuộc tranh luận rằng Phật tử có nên dẫn thân xã hội đã qua rồi."*

Bà Rebecca Li là một Giáo sư ngành xã hội tại trường The College of New Jersey, bản thân bà từng là người thông dịch nhiều pháp hội cho Thiền sư Sheng Yen khi thầy này từ Đài Loan sang giảng pháp ở Hoa Kỳ.

Nữ Thiền sư này nêu câu hỏi: *"Chúng ta nên làm gì, khi chúng ta thấy những trái biệt giữa Phật pháp và hoàn cảnh chính trị hiện nay của chúng ta?"*

Nạn đề là, tiếng nói Phật tử phần lớn vắng mặt trong những cuộc đối thoại về công bằng xã hội tại Hoa Kỳ.

Snyder giải thích: *"Giai cấp trung lưu da trắng chiếm phần lớn quyền lực trong xã hội này. Họ thấy thoải mái."*



Thế rồi mọi thứ thay đổi vào ngày 8 tháng 11/2016. Bản tin Lion's Roar không giải thích về ngày này. Đó là ngày bầu Tổng Thống Hoa Kỳ, và trong ngày đó, Donald Trump đã thắng phiếu bà Hillary Clinton.

Snyder nói, người da trắng trung lưu không còn thấy thoải mái nữa, nhiều chuyện xảy ra từ đó: da trắng thượng tôn, bạo lực tình dục, kỳ thị phụ nữ... *"các thứ đó đã bước vào Bạch Ốc."*

Đại sư Bodhi, người đã dịch phần lớn Kinh Tạng Pali sang tiếng Anh, đề ra ý tưởng một tổ chức về các vấn đề Phật giáo trên toàn quốc Hoa Kỳ.

Đại sư nói: *"Trước giờ nhiều Phật tử cho rằng chính trị là cái gì nên tránh né. Chính trị là hư hỏng, dơ bẩn, chia rẽ -- nhưng đó cũng là nơi các vấn đề đạo đức lớn của thời đại chúng ta đang được tranh luận. Kỳ thị chủng tộc, bảo vệ di dân, khủng hoảng khí hậu. Tất cả các cuộc khủng hoảng này tới cùng lúc. Nếu chúng ta sẽ giải quyết các vấn đề này, sẽ cần cho chúng ta xắn tay áo lên để hành động."*

Trong nửa đầu năm 2017, đã có những cuộc nói chuyện về một tổ chức toàn quốc, nhưng chuyện này xa quá. Đại sư Bodhi nói: *"Chúng tôi quyết định phải làm ở tầm mức địa phương trước... buổi họp hôm nay là bước khởi đầu."*

Hội nghị ban đầu dự tính là 100 người tham dự từ khu vực New York. Nhưng rồi 350 Phật tử từ khắp Hoa Kỳ ghi danh về dự.

Dedunu Suraweera, một thành viên của Buddhist Peace Fellowship (BPF), nói rằng bà hy vọng hội nghị sẽ dẫn tới nhiều hành động cụ thể. Thiền sư Sharon Salzberg và nhiều người tham dự bày tỏ ủng hộ ý kiến của Đại sư Bodhi – thiết lập liên minh bao gồm nhiều tổ chức Phật Giáo để giải quyết các vấn đề xã hội.

Sau những gợi ý căn bản, hội nghị chia ra nhiều nhóm thảo luận về nhiều vấn đề, kể cả về kế hoạch tổ chức...

Đại sư Bodhi đọc diễn văn bế mạc hội nghị, nói rằng hội nghị là *"điểm khởi đầu để xuất hiện một tiếng nói tập thể Phật tử về lương tâm."*

Cuối cùng, Đại sư Bodhi hướng dẫn một buổi thiền tập không hề giống bất kỳ một buổi thiền tập nào trước đó.

Đại sư nói: *"Hãy hình dung bạn là một di dân từ El Salvador tại Hoa Kỳ."* Trong 10 phút kế tiếp đó, Đại sư Bodhi hướng dẫn hội nghị cách hình dung về sự đau khổ khi phải đối diện với trục xuất, khi bị cấm đoán bỏ phiếu, và khi sống giữa môi trường-kỳ thị (environmental-racism).

Chữ environmental-racism là sự kỳ thị sắc tộc có tính môi trường, theo định nghĩa là nơi cư ngụ của các cộng đồng dân nghèo hay dân sắc tộc thiểu số thường ở chỗ đầy môi sinh nguy hiểm, như ô nhiễm, rác thải độc hại.

Hội nghị kết thúc với cảm giác về bất định, vì còn quá nhiều việc phải quyết định. Không ai biết chắc chuyện gì sắp tới.



Thực ra, khái niệm về Phật Giáo nhập thể tại Việt Nam đã có từ lâu, trong thế kỷ vừa qua nổi bật có các cụ Thiều Chửu, Tâm Minh Lê Đình Thám, gần đây có Thầy Nhất Hạnh.

Tại Đài Loan nổi bật có Hội Tzu Chi Foundation của Ni Trưởng Chứng Nghiêm, có chi nhánh hoạt động từ thiện ở 85 quốc gia toàn cầu.

Cũng nên ghi nhận rằng nếu Phật Giáo không gắn liền với tư tưởng và hoạt động xã hội cấp tiến, sẽ không thể xảy ra phong trào Phật tử Dalit (The Dalit Buddhist Movement) tại Ấn Độ năm 1956, khi Đại cư sĩ B. R. Ambedkar hướng dẫn gần nửa triệu dân Dalit (giai cấp thấp nhất trong xã hội Ấn Độ) rời bỏ Ấn Độ Giáo để quy y theo Phật Giáo. Đó là hiện tượng đòi quyền sống cho người Dalit gắn liền với giáo lý trí tuệ bình đẳng của Phật Giáo.

Có nhiều điểm để suy nghĩ: tại sao Phật giáo trở thành tôn giáo phát triển nhanh nhất tại Úc Châu? Và tại sao dân số Phật tử suy giảm tại Nam Hàn?

Trong bản tin ABC News nhan đề *"Buddhism bonanza: Celebrations across Australia as religion maintains its popularity"* ngày 7/7/2017, cho biết thống kê 2016 của chính phủ Úc cho thấy dân Úc giảm nhiệt tâm tôn giáo hơn bao giờ hết, nhưng một tôn giáo vẫn được ưa chuộng, có tỷ lệ tăng vọt: đó là Phật Giáo.

Số lượng dân Úc tự khai là không tôn giáo đã tăng từ 13% trong năm 1991 để tới 30% trong năm 2016, trong khi giáo dân Thiên Chúa Giáo giảm từ 74% xuống còn 52%.

Từ năm 1991 tới 2016, Ấn Độ Giáo tăng từ 0.3% tới 1.9%, Phật Giáo từ 0.8% tới 2.4%, và Hồi Giáo từ 0.9% tới 2.6%.

Thống kê trên nói Thiên Chúa Giáo là gồm

hiều hệ phái Cơ Đốc, trong khi Phật Giáo là bao gồm Nam Tông, Bắc Tông, và PG Tây Tạng.

Trong khi đó, thống kê chính phủ Nam Hàn cho biết tỷ lệ dân Nam Hàn tự khai là không tôn giáo từ 47.1% trong năm 2005 tăng tới 56.1% trong năm 2015.

Trong thời gian 10 năm đó tại Nam Hàn, có gần 3 triệu người rời bỏ Phật Giáo: Năm 2005 trong thành phần tự khai có tôn giáo có 22.8% là Phật tử, nhưng năm 2015 chỉ còn 15.5%.

Có nhiều lý do để giải thích tại sao Úc Châu tăng Phật tử, trong khi Nam Hàn giảm. Riêng ở Nam Hàn, vì lính Mỹ đóng quân qua nhiều thập niên, đạo Tin Lành có nhiều ưu thế phát triển hơn.

Còn một lý do về phương tiện truyền pháp: dân Úc Châu sử dụng Anh văn làm ngôn ngữ chính, trong thời đại Internet bùng nổ, tiếp cận và hiểu biết về Phật pháp nhiều hơn. Cùng lúc, Úc Châu mở cửa đón nhận nhiều thành phần di dân, kể cả dân Đông Nam Á, nơi đa số đã sẵn là Phật tử.

Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng là một sức mạnh quyền rũ khi sang Úc truyền pháp. Một giai thoại xảy ra làm dân Úc cười thoải mái, khi Ngài lên chương trình truyền hình có tên The Today Show hồi tháng 6/2011, với người phỏng vấn là Karl Stefanovic. Khi bạn vào YouTube gõ chữ "*The Dalai Lama walks into a pizza shop...*" (hay: <https://youtu.be/xlIrI80og8c> - có phụ đề Anh ngữ, nếu ấn nút cc:) sẽ thấy bằng hình phóng viên Karl Stefanovic nói giễu với Đức Đạt Lai Lạt Ma... Hóa ra Đức Đạt Lai Lạt Ma không cười, vì không hiểu. Thực tế, câu "*make me one with everything*" có 2 nghĩa, nghĩa thứ nhất là trên bánh pizza hãy cho đủ thứ cà chua, rau, thịt... nghĩa thứ nhì là từ Thiền sử Trung Hoa, *hợp nhất với vạn pháp*.

Trong khi đó, Nam Hàn là xã hội khép kín, dùng ngôn ngữ Đại Hàn, cho nên không nhiều người tiếp cận kho tàng Phật pháp tiếng Anh trên Internet.

Lý do nội tại: nhiều linh mục Úc Châu bị truy tố về lạm dụng trẻ em; nhiều vị sư Nam Hàn tai tiếng, sống xa hoa, phạm giới. Nghĩa là, giới là một yếu tố để gìn giữ các định chế tôn giáo.

Bây giờ, bàn tới chuyện Phật Giáo Hoa Kỳ... Một phần, cũng là chuyện của chúng ta.

EM Ở ĐÂU GIỮA MÙA ĐÔNG

*Em ở đâu chẳng về đây sưởi ấm
Ngọn đèn cây tim cháy ngọn âm âm
Reo tí tách ngòi bên bếp lửa hồng
Ngoài hiên tuyết phát phơ bay bông*

*Em ở đâu không cùng ta cạn chén
Đêm nguyệt vàng tình chéng choáng hơi men
Khách lãng tử mắt mơ màng đắm đuối
Hồn mang mang mộng寐 mỗi khôn người*

*Em ở đâu chưa về đây lặng lẽ
Ngồi bên nhau nghe tuyết đổ bên đời
Trong vòng tay ta chẳng nói nên lời
Phút giây này du thủ cuộc rong chơi*

*Em ở đâu giữa mùa đông mắt biếc
Trời tương tư tha thiết cõi đi về
Dù tình sâu đẹp bất tuyệt câu thơ
Vóc hạc thanh giữa giòng đời xuôi ngược*

*Em ở đâu cánh chim mùa di trú
Rừng hay chẳng tình bất diệt thiên thu
Đêm tàn canh tạ ngòi đợi liêu trai
Ngoài hiên tuyết in vết hài đoàn tụ*

*Em ở đâu có về trong thương nhớ
Tình xanh xao mãi đẹp đến muôn đời
Trong vô thanh mà chan chứa vạn lời
Dấu hư hao ta vẫn chờ vẫn đợi.*

ĐÓN CHÀO XUÂN

*Rộn ràng cố quận đón chào xuân
Muôn đời mà vẫn cứ thanh tân
Tháng ngày cũ kỹ vẫn xoay lại
Ta ở bên trời trông cố nhân*

*Quá nửa cuộc chơi giữa cõi trần
Người ta tranh đoạt cái phù vân
Lao tâm khổ tứ hồng mưu sự
Đời dễ phong lưu được mấy lần*

*Người xa người nhớ những băng khuâng
Một ngày nào đó giữa mùa xuân
Cầm tay em nhé mình rong ruổi
Giữa nước non này vui bước chân.*

thơ DU TÂM LÃNG TỬ

CHẤP TAY LẠY NGƯỜI

Nguyễn Minh

(trích Phần 6: Chấp tay lạy người, trong tác phẩm Chấp Tay Lạy Người)

Kinh Pháp hoa, phẩm thứ 20 có tựa đề là Thường Bất Khinh Bồ Tát. Đây là phẩm kinh đặc biệt nói về một tiên thân của đức Phật Thích-ca khi ngài còn hành đạo Bồ Tát. Trong phẩm kinh này, đức Phật nhấn mạnh rằng nhờ vào việc nhận hiểu và thuyết giảng kinh Pháp Hoa nên ngài đã được sớm thành Chánh giác. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý nhất lại nằm ở phần đầu phẩm kinh, khi đức Phật nói về pháp môn tu tập mà ngài đã thực hành rất lâu để dẫn đến khả năng nhận hiểu được kinh Pháp Hoa.

Vị Bồ Tát mang danh hiệu Thường Bất Khinh trong phẩm kinh này có một pháp tu hết sức đặc biệt. Kinh văn nói rằng: “而是比丘不專讀誦經典，但行禮拜 - Nhi thị tỳ-kheo bất chuyên đọc tụng kinh điển, dẫn hành lễ bái.” (Nhưng vị tỳ-kheo ấy không chuyên tụng đọc kinh điển, chỉ thực hành lễ bái.)

Như vậy, vị Bồ Tát Thường Bất Khinh này không chú tâm vào việc tụng đọc kinh điển, mà sự tu tập của Ngài chỉ được biểu hiện qua việc thực hành lễ bái.

Ngài lễ bái những ai? Thật kỳ lạ, ngài không chỉ lễ bái chư Phật - vì điều đó là tất nhiên - mà còn lễ bái tất cả Bốn chúng đệ tử Phật, bao gồm các vị tỳ-kheo, tỳ-kheo ni và nam, nữ cư sĩ, không cần phân biệt là những người ấy có công phu tu tập như thế nào! Mỗi khi được gặp bất kỳ một tỳ-kheo hay tỳ-kheo ni hoặc cư sĩ nam, cư sĩ nữ... ngài đều thành tâm lễ bái và xưng tán rằng: “Tôi rất tôn kính các ngài, không dám xem thường. Vì sao vậy? Vì các ngài đều thực hành đạo Bồ Tát, rồi đây đều sẽ thành Phật.”

Sự lễ bái của ngài rất chân thành và nhiệt tâm. Thậm chí mỗi khi nhìn thấy từ xa một vị tỳ-kheo hay tỳ-kheo ni hoặc cư sĩ nam, cư sĩ nữ, ngài đều vội vã đến gần để lễ bái và xưng tán: “Tôi không dám xem thường các ngài. Các ngài rồi đây đều sẽ thành Phật.”

Mà những kẻ được ngài lễ bái đó là người như thế nào? Cũng theo kinh văn, thì đó là thời mà đức Phật đã nhập diệt, Chánh pháp đã diệt mất, và đang thời Tượng pháp ấy thì những tỳ-kheo kiêu căng tự mãn (tăng thượng mạn) chiếm ưu thế rất lớn. Trong một thời đại nhiều nhượng như thế mà vị Bồ Tát này vẫn luôn giữ vững được niềm tin vào tánh Phật tiềm tàng

trong mỗi con người, hay khả năng sẽ thành Phật trong tương lai, đúng như yếu chỉ mà đức Phật muốn truyền dạy trong kinh Pháp Hoa.

Phẩm kinh này cũng mô tả rõ sự suy kém về đạo đức của rất nhiều người trong Bốn chúng đệ tử Phật vào thời ấy: Khi nghe lời xưng tán của Bồ Tát Thường Bất Khinh, họ liền nổi tâm sân nhuế, giận dữ, lớn tiếng mắng chửi ngài, thậm chí còn đuổi đánh bằng gậy gộc hay dùng gạch đá mà ném vào ngài. Những lúc như thế, ngài chỉ tránh né trốn chạy chứ không hề kháng cự, cũng không sinh lòng oán giận bức tức, vẫn kiên trì xưng tán rằng: “Các ngài rồi đây đều sẽ thành Phật.”

Trải qua nhiều năm như thế mà vị Bồ Tát này vẫn giữ tâm nhẫn nhục khiêm hạ không hề thay đổi, vẫn một lòng vững tin vào tánh Phật tiềm tàng trong mỗi chúng sinh. Chính nhờ vậy mà đến lúc ngài sắp qua đời liền có sự cảm ứng, giữa hư không bỗng nghe được đầy đủ những lời đức Phật trước đây đã thuyết giảng kinh Pháp Hoa. Hơn thế nữa, vào lúc ấy ngài còn có đủ năng lực trí tuệ để nhận hiểu, thọ trì trọn bộ kinh. Sau khi thọ trì liền được cả sáu căn thanh tịnh: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Nhờ sáu căn thanh tịnh nên tuổi thọ liền tăng thêm, chẳng những lúc ấy không chết mà còn được sống thêm nhiều năm nữa để rộng vì người khác mà thuyết giảng kinh Pháp Hoa.

Đối với tôi, câu chuyện về Bồ Tát Thường Bất Khinh trong kinh Pháp Hoa là một hình ảnh rất đẹp và tạo ấn tượng vô cùng sâu sắc. Pháp môn tu tập của ngài có ý nghĩa rất lớn và vô cùng thích hợp với thời đại chúng ta. Những gì Bồ Tát Thường Bất Khinh đã làm không phải là quá khó khăn đối với chúng ta, bởi bất cứ ai trong chúng ta cũng đều có thể cố gắng thực hành như ngài, một khi đã hiểu được ý nghĩa pháp môn mà ngài tu tập.

Điều trước tiên cần lưu ý là trước khi được nghe kinh Pháp Hoa vào lúc sắp chết, ngài Thường Bất Khinh không có gì tỏ ra là một vị tu hành chứng ngộ. Những gì chúng ta có thể thấy được nơi ngài chỉ là một niềm tin kiên trì vào lời Phật dạy: “Tất cả chúng sinh đều có tánh Phật.” Và dựa vào niềm tin đó, ngài luôn giữ lòng cung kính, tôn trọng đối với tất cả những ai đang tu tập pháp Phật, ngay cả khi những người ấy biểu lộ hành vi hung hăng, thô lỗ đầy sẵn hận đối với ngài. Sự cung kính đó

được thể hiện với một tâm nhẫn nhục gần như không giới hạn, vì trải qua rất nhiều năm chịu đựng sự nhục mạ, mắng chửi cũng như đũa đánh, nhưng ngài vẫn không hề sinh lòng bực tức hay oán giận.

Và niềm tin của Bồ Tát Thường Bất Khinh đã được chứng minh là một niềm tin hoàn toàn đúng đắn, bởi kinh văn sau đó xác nhận rằng, những người đã từng khinh miệt, xúc phạm ngài tuy đều phải trải qua nhiều kiếp thọ tội nơi địa ngục A-tỳ, nhưng rồi sau khi trả xong nghiệp ác họ cũng đều được gặp lại chính ngài, nhận sự giáo hóa của ngài để rồi phát tâm Bồ-đề, tiến sâu vào Phật pháp.

Điều đáng chú ý ở đây là, mặc dù không có một kiến thức uyên bác cũng như không tụng đọc nhiều kinh điển, nhưng Bồ Tát Thường Bất Khinh đã xác lập được một niềm tin sâu vững vào lời Phật dạy, kiên trì với niềm tin ấy ngay trong những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất, dễ đánh mất niềm tin nhất. Chính điều này đã giúp ngài có thể giữ tâm khiêm hạ và nhẫn nhục nhận chịu mọi sự xúc phạm, miệt thị, không hề khởi tâm oán ghét hay sân hận. Và quá trình tu tập đó đã giúp thân tâm ngài trở nên thanh tịnh, tạo ra một sự cảm ứng hết sức kỳ diệu vào lúc cuối đời: Ngài được nghe lại pháp âm của đức Phật thuyết giảng kinh Pháp Hoa. Hơn thế nữa, với một thân tâm trải qua quá trình tu tập nhuần nhuyễn, ngài đã có đủ khả năng để nhận hiểu và thọ trì ngay bộ kinh Đại thừa quý giá này. Kết quả là ngài lập tức đạt được sáu căn thanh tịnh, tuổi thọ được tăng thêm, đồng thời cũng khai mở trí tuệ để có thể diễn giảng kinh Pháp Hoa với nhiều người trong nhiều năm sau đó.

Ý nghĩa sâu xa ẩn chứa trong pháp môn tu tập của Bồ Tát Thường Bất Khinh chính là sự phá trừ chấp ngã. Khi đặt niềm tin kiên cố vào tánh Phật tiềm tàng nơi tất cả những người khác, chắc chắn ngài cũng không thể không tin vào tánh Phật của chính mình. Thế nhưng, ngài vẫn luôn thật lòng tôn kính, lễ lạy tất cả mọi người khác vì tin vào tánh Phật của họ. Điều này cho thấy ngài đã có sự quán chiếu sâu xa và không còn bị sự chi phối, thúc giục của bản ngã như hầu hết chúng ta. Vì thế, thay vì vuốt ve, ôm ấp và đề cao "cái tôi" của mình như thói thường, ngài lại thành tâm thành ý tôn kính, lễ lạy người khác một cách thường xuyên và kiên trì cho đến suốt cuộc đời mình.

Hơn thế nữa, khi "cái tôi" của ngài bị khinh miệt, thậm chí là xúc phạm nghiêm trọng, ngài vẫn không vì thế mà sinh tâm bực tức hay oán giận. Chính tinh thần "vô ngã" này đã giúp ngài thoát khỏi mọi ảnh hưởng chi phối, trói buộc của sự chấp ngã, vốn là nguyên nhân phổ biến dẫn đến sự mê muội và hành xử phi lý ở hầu hết chúng ta.

Kính lễ, tôn trọng người khác để đối trị tâm chấp ngã là một pháp môn thực sự tuyệt vời và vô cùng hiệu quả. Khi biết chân thành nhìn nhận và tôn trọng giá trị tốt đẹp nơi người

khác, chúng ta sẽ dẹp bỏ được tâm chấp ngã nơi bản thân mình, và nhờ đó mà có thể nhận thức về thực tại một cách đúng thật hơn.

Phần lớn chúng ta rất khó có được một niềm tin kiên định như Bồ Tát Thường Bất Khinh, và nguyên nhân thường là do ta luôn tự đề cao bản ngã của mình một cách thái quá, không đúng thật. Với khuynh hướng này, việc kính phục và đặt niềm tin vào người khác trở nên khó khăn hơn rất nhiều, ngay cả khi đó người rất xứng đáng để ta tin tưởng.

Như đã nói, việc xác lập niềm tin về những vấn đề vượt ngoài khả năng nhận thức toàn diện của chúng ta hoàn toàn không đơn giản. Một mặt, nếu chúng ta đặt niềm tin một cách dễ dãi và mù quáng, ta sẽ có thể bị dẫn dắt vào những con đường sai trái, lệch lạc. Mặt khác, việc đòi hỏi kiểm chứng hay tự mình nhận hiểu cụ thể vấn đề trước khi đặt niềm tin lại là bất khả thi khi vấn đề vượt ra ngoài khả năng nhận thức của chúng ta.

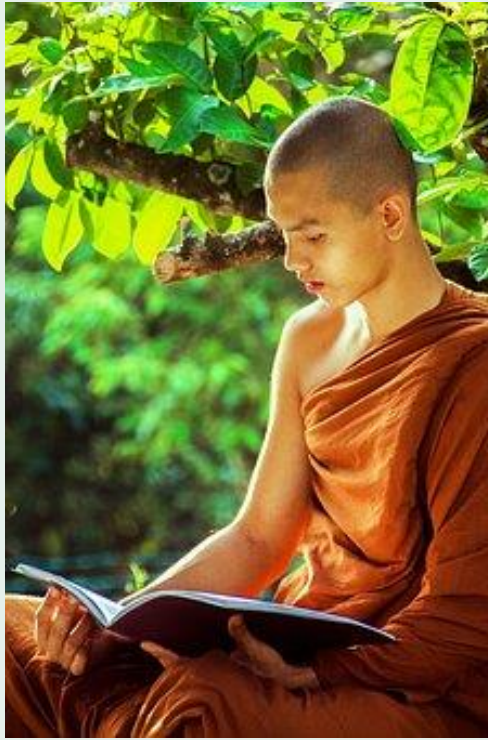
Vì thế, để xác lập niềm tin kiên định vào những lời Phật dạy, một mặt chúng ta cần phải biết vận dụng sự suy xét và đối chiếu với thực tế hành trì để thấy được những giá trị chân thật, chuẩn xác và đầy lợi lạc của những lời dạy đó, nhưng mặt khác chúng ta cũng cần phải thấy biết và đặt niềm tin vào nhân cách siêu tuyệt cũng như trí tuệ sáng suốt và tâm từ bi vô lượng vô biên của đức Phật. Điều này là hoàn toàn có thể nhận biết được qua những gì ta đọc thấy trong kinh điển cũng như qua sự thực hành những lời Phật dạy.

Niềm tin của Bồ Tát Thường Bất Khinh chắc chắn cũng là một niềm tin như thế. Tự thân ngài không thể có đủ năng lực trí tuệ để nhìn thấy tánh Phật nơi những người khác, nhất là nơi những người đang hung hăng, thô lỗ với ngài. Nhưng ngài có thể tin chắc được vào điều đó chính là nhờ sự tin tưởng tuyệt đối vào đức Phật, bậc giác ngộ mà ngài đã quy y, và với sự tin tưởng đó ngài đã tin chắc được vào những gì Phật dạy.

Một trong những sai lầm của chúng ta ngày nay là luôn muốn phán xét tất cả, ngay



cả với những điều vượt ngoài khả năng nhận thức của mình. Điều nghịch lý là, khuynh hướng này có vẻ như càng rõ nét hơn ở những người tỏ ra uyên bác, thông tuệ và tự nhận là mình đã hoàn toàn hiểu thấu những lời Phật dạy. Chính do khuynh hướng này mà nhiều người chỉ đặt niềm tin vào kinh điển Pali, mà họ gọi là kinh điển Nguyên thủy, vì qua sự phán xét của họ thì những kinh điển này là có thể kiểm chứng, hợp lý và có thể hiểu được. Ngược lại, những kinh Đại thừa luôn đề cập đến những vấn đề trừu tượng và sâu xa, vượt ngoài khả năng nhận hiểu và phán xét nên có nhiều người đã không chấp nhận. Quả thật, nếu không có một niềm tin sâu vững vào đức Phật như một bậc thầy trí tuệ siêu việt, thì thật khó mà có thể



tin nhận được kinh điển Đại thừa, bởi những gì đề cập trong kinh hầu hết đều là vượt ngoài giới hạn nhận thức của chúng ta. Thế nhưng, nếu chỉ giới hạn trong phạm vi nhận thức - vốn còn mê lầm - của chúng ta thì làm sao vượt thoát sinh tử? Và như vậy thì đức Phật đâu cần phải đản sinh nơi cõi đời này?

Chúng ta cần xét đến một thực tế lịch sử là đã hơn 2.500 năm qua chưa từng có một vị Phật thứ hai sau đức Phật Thích-ca Mâu-ni, và những gì được biết về đức Phật là hoàn toàn vượt quá khả năng tưởng tượng, hình dung của chúng ta về bất kỳ con người nào khác. Bất kỳ quyển kinh nào trong số hàng ngàn quyển kinh do ngài thuyết dạy đều hàm chứa những nội dung sâu xa và uyên bác hơn hẳn so với bất kỳ tác phẩm nào khác của những tác giả kiệt xuất trong nhân loại. Bất kỳ lời dạy nào trong vô số những lời ngài đã truyền lại qua kinh điển đều có thể xem là những câu châm ngôn sâu sắc hàm chứa triết lý sâu xa và thông tuệ, có công năng dẫn dắt chúng ta trong cuộc sống. Và hơn thế nữa, bất kỳ nội dung nào được tiếp nhận từ những lời dạy của đức Phật cũng đều hướng đến một mục đích duy nhất, thiết thực và chính đáng, đó là mang đến niềm hạnh phúc cho tất cả chúng ta ngay trong cuộc sống này cũng như mãi mãi về sau.

Thế nhưng, bất chấp sự thật không thể phủ nhận vừa nêu trên, một số người sau khi tự nhận là đã học hiểu những lời Phật dạy lại tự mãn đến mức hoài nghi về tính hoàn hảo của những lời dạy đó. Họ lập luận rằng thời đại đã thay đổi, con người đã thay đổi, và những lời dạy của đức Phật cũng cần phải thay đổi để cho thích hợp. Nếu dựa trên cách suy nghĩ như thế

thì người ta hoàn toàn có thể tự ý "điều chỉnh", "bổ sung" và "cắt xén" hay diễn giải những lời Phật dạy dựa theo sự nhận hiểu của riêng mình, và như vậy sẽ là một điều vô cùng nguy hại cho các thế hệ mai sau!

Một biểu hiện khác của khuynh hướng tự mãn thái quá này là một số hành giả Phật giáo nhưng lại đi sâu vào lãnh vực của những học giả thế gian, rồi phô bày sự uyên bác của mình bằng cách phân tích kinh điển theo như cách đối với các văn bản thế tục, để rồi đi đến kết luận về cái gọi là "nguồn gốc" của một số kinh điển Đại thừa. Tất nhiên, họ không trực tiếp nói rằng những kinh ấy không phải do Phật thuyết, nhưng gián tiếp bày tỏ điều đó khi cho rằng những kinh ấy do người sau viết ra vào khoảng thời gian

này, thời gian đó...

Những lập luận đó tuy có vẻ như rất "khoa học" nhưng lại là phiến diện, không hợp lý và vấp phải sai lầm ngay từ căn bản. Kinh điển vốn là những nội dung do đức Phật trực tiếp thuyết dạy, nên đã ra đời từ rất lâu trước khi được định hình thành văn bản. Điều này hoàn toàn ngược lại với những văn bản thế tục thông thường, vốn được các tác giả định hình thành văn bản rồi mới lưu hành.

Lấy ví dụ như khi ta nghiên cứu sách Thiền uyển tập anh, một văn bản cổ được tin là đã ra đời vào thế kỷ 14 (khoảng năm 1337) nhưng đã qua sao chép nhiều lần trước khi truyền đến chúng ta và bản khắc in cổ nhất còn giữ được đến nay được thực hiện vào năm 1715. Trong trường hợp này, nếu ta phát hiện thêm được bất kỳ văn bản nào khác có niên đại cổ xưa hơn, gần với thời điểm ra đời của tác phẩm hơn, thì văn bản đó sẽ có giá trị đáng tin cậy hơn, có thể dùng để điều chỉnh những sai lệch nếu có của các văn bản ra đời sau nó.

Nhưng trường hợp của kinh điển là hoàn toàn ngược lại. Nội dung kinh điển đã được đức Phật thuyết giảng từ rất lâu trước khi các bản văn kinh được định hình. Ngay cả lần kết tập đầu tiên do ngài Ca-diếp chủ trì cũng chỉ trùng tuyên nội dung kinh điển để mọi người cùng ghi nhớ chứ chưa hề có một bản văn kinh nào ra đời. Và trong suốt nhiều thế kỷ sau đó, kinh điển vẫn chỉ tiếp tục được truyền lại qua sự ghi nhớ của những người thọ trì chứ chưa được ghi chép thành văn bản.

Như vậy, thời điểm mà nội dung kinh điển được chính thức ghi lại thành văn bản hoàn toàn không phải là thời điểm bộ kinh ấy ra đời.

Hơn nữa, do đặc điểm là nội dung có trước, văn bản có sau, nên khi khảo cứu về mặt văn bản, ta hoàn toàn không thể căn cứ vào các văn bản cổ hơn để cho rằng nó chính xác hơn, và những văn bản ra đời sau nếu có nội dung khác biệt cũng chưa hẳn đã là do người sau thêm vào, mà có thể chỉ là do sự khác biệt từ khả năng ghi nhớ của những người ghi chép lại.

Lấy ví dụ như khi nghiên cứu về kinh Pháp Hoa, có người dựa vào việc so sánh các văn bản với niên đại khác nhau để đi đến kết luận là kinh này được hình thành qua bốn giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là người ta viết ra phần kệ tụng; giai đoạn thứ hai là người ta thêm vào phần văn xuôi để giải thích phần kệ tụng. Do trật tự xuất hiện này nên những câu kinh giới thiệu phần tụng tụng đều là không đúng, cần phải được sửa với ý nghĩa ngược lại. Cụ thể, cuối phần văn xuôi thường ghi: "Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ rằng", nhưng theo trật tự xuất hiện như trên thì câu này phải sửa lại là: "Sau khi nói kệ rồi, đức Thế Tôn mới giải thích bằng đoạn văn sau đây."

Tiếp theo, giai đoạn thứ ba là phần văn xuôi nói trên được tiếp tục phát triển, viết thêm vào nhiều hơn trước đó. Và giai đoạn thứ tư là giai đoạn có nhiều phẩm kinh được thêm vào. Lý do là vì sau khi sử dụng thì những người viết kinh mới "thấy được sự thiếu sót hoặc bị chỉ trích" rồi mới thêm vào.

Những phân tích như trên là rất khoa học và cũng hoàn toàn hợp lý khi ta so với quy trình nghiên cứu các văn bản thông thường. Tuy nhiên, như đã nói ở phần trên, sai lầm căn bản ở đây là không xét đến - hoặc không chịu thừa nhận - một sự thật hiển nhiên là: kinh Pháp Hoa vốn đã có từ trước, do đức Phật thuyết giảng, còn tất cả văn bản kinh đều xuất hiện về sau. Nếu ta xét đến yếu tố này thì việc các văn bản ra đời sau dài hơn không có nghĩa là chúng được thêm vào, mà chỉ có nghĩa là chúng được truy xuất từ những bộ nhớ khác, bởi các hành giả thọ trì và truyền tụng kinh Pháp Hoa không phải ai cũng có trí nhớ như nhau, việc sai lệch đôi chút là điều khó tránh khỏi.

Lấy ví dụ, sau khi một diễn giả nào đó trình bày một vấn đề, những người dự thính có thể sẽ viết lại thành những bản tường trình A, B, C... theo trí nhớ của mỗi người. Như vậy, một người nghiên cứu khi đối chiếu các bản tường trình này, không thể dựa vào yếu tố bản tường trình C được viết ra sau một thời gian và có thêm một phần nào đó mà bản A hoặc B không có để kết luận rằng người viết bản C đã tự ý thêm vào. Vấn đề ở đây chỉ đơn giản là những người viết các bản A, B đã không nhớ được phần nội dung mà người viết bản C vẫn còn nhớ được.

Trường hợp văn bản kinh Pháp Hoa cũng tương tự như vậy, tuy có phức tạp hơn vì trải



qua thời gian lâu dài hơn. Như vậy, việc đồng nhất sự ra đời của các văn bản kinh với sự ra đời hay hình thành bộ kinh này là hoàn toàn sai lệch và vô đoán.

Và kết quả sẽ như thế nào? Nếu những phân tích dựa vào văn bản như trên được tin cậy và thừa nhận là chính xác, thì điều đó cũng đồng nghĩa với việc bộ kinh này hoàn toàn không đáng tin cậy, bởi ngay từ câu mở đầu "Như thị ngã văn" (Tôi nghe như thế này) đã là một câu nói dối! Và những người "viết kinh" không tên tuổi kia, vốn chẳng phải Phật thì làm sao có thể thuyết giảng đúng về cảnh giới của chư Phật?

Nhưng tất cả chúng ta đều biết, trải qua bao nhiêu thế kỷ, những hành giả thọ trì kinh Pháp Hoa số nhiều không thể tính đếm, các bậc Tổ sư chứng đắc nhờ vào kinh này cũng không ít, chưa từng thấy vị nào lên tiếng nghi ngờ rằng kinh này không phải do Phật thuyết giảng! Và nếu quả thật có những người viết ra được bộ kinh này, hẳn cõi Ta-bà trong thời gian qua đã phải có rất nhiều vị Phật chứ không chỉ là một đức Phật Thích-ca Mâu-ni mà thôi!

Một biểu hiện đáng lo ngại và bất hợp lý có thể thấy trong những phân tích như trên là nhận định về ý nghĩa câu kinh văn trước phần tụng tụng (và đề nghị chỉnh sửa nó). Nếu nhận định này là đúng, chúng ta phải hiểu như thế nào khi những người "viết kinh" lại cố tình viết sai đi một nội dung như thế? Và vì câu hỏi này không có lời giải đáp, nên chỉ có thể nói là kết quả phân tích văn bản như trên hoàn toàn không thích hợp khi áp dụng với kinh điển Đại thừa nói chung chứ không chỉ là trường hợp của kinh Pháp Hoa.

Mặt khác, trong khi chúng ta đều biết là những kết quả khảo cứu về văn bản học cho đến nay vẫn chưa xác nhận được sự hiện diện của một số kinh điển Đại thừa từ khoảng trước thế kỷ thứ nhất, nhưng đồng thời những kết quả như thế cũng không hề có giá trị phủ nhận. Khi chúng ta chưa biết về một sự việc, điều đó không có nghĩa là sự việc đó hoàn toàn không hiện hữu, bởi có quá nhiều sự việc hiện hữu ngoài tầm hiểu biết của chúng ta. Lấy ví dụ, con người hiện nay hoàn toàn chưa có hiểu biết

gì về sự sống trong vũ trụ ngoài môi trường trái đất, nhưng điều đó hoàn toàn không có ý nghĩa phủ nhận việc sự sống vẫn có thể đang hiện hữu ở đâu đó ngoài tầm hiểu biết của chúng ta. Phần lớn các nhà khoa học tuy chỉ dựa vào suy luận nhưng vẫn có khuynh hướng tin chắc rằng có sự sống trong vũ trụ ngoài môi trường trái đất, hoặc ít ra thì cũng chưa từng có ai phủ nhận điều đó chỉ vì chưa thể biết rõ...

Hệ quả của sự hoài nghi về nguồn gốc kinh điển Đại thừa chính là sự đánh mất niềm tin vào đức Phật. Nếu ta tin rằng có những kinh Đại thừa quả thật do người đời sau viết ra, thì điều đó cũng đồng nghĩa với việc những sự kiện trong kinh vẫn là hư cấu, không thật, và điều này hoàn toàn đi ngược với tinh thần của đạo Phật, khi một trong 5 giới cấm của người Phật tử chính là giới không nói dối. Vì thế, điều tất nhiên là ta sẽ không còn đặt niềm tin vào kinh điển như những lời do đức Phật thuyết dạy nữa, mà chỉ xem đó như những văn bản thể tục có giá trị để ta nghiên cứu, học hỏi mà thôi. Điều này sẽ tạo ra một cách tiếp cận hoàn toàn khác biệt, khiến ta không thể nào tiếp nhận được một cách đầy đủ những ý nghĩa sâu xa trong kinh văn.

Vấn đề ở đây là, xét trên bình diện Tục đế thì việc đưa ra lập luận phán xét về những lời dạy của Phật có vẻ như hoàn toàn hợp lý. Mọi pháp ở thế gian đều phải thay đổi để phát triển. Đơn giản như khi ta trồng một cái cây, nếu muốn phát triển thì nó phải thay đổi. Đạo Phật cũng giống như một cái cây, nếu không thay đổi thì không thể phát triển. Và đạo Phật thì thật ra chỉ là tên gọi khác của những lời Phật dạy, bởi đó là sự quy tụ của những người tin nhận và làm theo lời Phật dạy. Như vậy, đạo Phật muốn thay đổi thì phải thay đổi từ những lời Phật dạy, để cho thích ứng với thời đại, với sự phát triển... Những điều này nghe ra có vẻ như hoàn toàn hợp lý.

Nhưng nếu xét trên bình diện Chân đế thì hoàn toàn không phải vậy. Cho dù đã hơn 25 thế kỷ trôi qua, những gì đức Phật đã dạy về Tứ diệu đế, về Thập nhị nhân duyên vẫn không hề thay đổi và không thể thay đổi, bởi đó là chân lý. Những gì đức Phật đã dạy về bản chất và nguyên nhân của khổ đau vẫn không hề thay đổi.

Tương tự, tất cả những ý nghĩa khác như về duyên khởi hay về vô ngã cũng đều là như vậy. Cái cần phải thay đổi không phải là những lời Phật dạy hay giới luật do đức Phật chế định, mà chính là những định kiến sai lầm đã ăn sâu trong tâm thức chúng ta, khiến cho ta không thể nhận hiểu đúng được những lời Phật dạy. Khi ta mang những kiến thức thuộc phạm trù Tục đế để phán xét và suy diễn về kinh điển Đại thừa, vốn là những lời Phật dạy, thì điều đó chỉ mang đến cho chúng ta những sự hoài nghi tai hại, vì nó ngăn không cho ta xác lập một niềm tin kiên cố giống như niềm



tin của Bồ Tát Thường Bất Khinh vừa nói đến ở đoạn trên.

Vì Bồ Tát Thường Bất Khinh không có kiến thức uyên bác, ngay cả là kiến thức về Phật học, vì kinh văn có nói rõ là ngài không chuyên tụng đọc kinh điển, chỉ thực hành mỗi một việc lễ bái mà thôi. Nếu là thời đại ngày nay, có lẽ ngài cũng sẽ bị không ít người khinh miệt cho là ngài thì chắc chắn là bất cứ ai trong chúng ta cũng đều phải kính phục. Cho dù ta có tụng đọc hàng trăm ngàn lần những câu kinh dạy về nhẫn nhục, cũng chưa hẳn ta đã có thể nhẫn chịu được như những gì ngài đã hoan hỷ nhẫn chịu trong suốt một cuộc đời. Đó chính là vì ta chưa có được một niềm tin sâu vững vào đức Phật và lời dạy của ngài, và nhất là chưa hề xóa bỏ được "cái tôi" trong nhận thức.

Và vì thế, sự lễ lạy của Bồ Tát Thường Bất Khinh chính là điều mà tất cả chúng ta đều nên suy ngẫm và học hỏi. Một khi ta biết chân thành kính lễ mọi người quanh ta, thói quen "chấp ngã" trong ta sẽ dần dần bị xóa bỏ. Và khi thành trì kiên cố của "cái tôi" đã bị phá vỡ, phạm vi nhận thức chân thật của ta sẽ không còn bị giới hạn, bó buộc nữa. Chỉ lúc đó ta mới có khả năng nhận hiểu và hành trì một cách đúng thật như những lời Phật dạy để mang lại kết quả tốt đẹp tức thời cho cuộc sống của bản thân ta cũng như tất cả mọi người quanh ta.

Nguồn: Rộng mở tâm hồn: <http://rongmotamhon.net>

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



XÂY LẦU KHÔNG MÓNG

Thầy đến xứ nọ hoằng pháp, dân chúng phần lớn đều là Phật tử cả nhưng xem ra cũng có nhiều vấn đề không ổn về học và hành giáo pháp. Họ muốn nghe pháp lớn: Kim Cang, Bát Nhã... Thầy hoan hỷ vô cùng! Ngày cuối thầy hỏi về Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo... mọi người ngơ ngác và mơ hồ lắm. Có kẻ thưa:

- Bạch thầy, pháp tiểu thừa chúng con không quan tâm mấy!

Thầy nghiêm trang:

- Các vị xây lầu cao tầng mà nền móng không có, khung cốt yếu ớt... thì làm sao mà xây nên và liệu có bền vững không?

KHI VẤN CÒN THÂN

Buổi thiền trà thật an lạc và hoan hỷ biết bao, tình thầy trò, nghĩa ân sư... thật đẹp! Nhiều nghi vấn được thầy giải đáp rành mạch. Nhiều người cùng thắc mắc rằng:

- Chúng con ăn chay, niệm Phật, tụng kinh, hành thiền, làm lành... đủ cả nhưng sao phiền não vẫn còn?

Thầy cười:

- Ngày nào mình cũng tắm gội mà sao vẫn cứ tiết ra chất dơ, mùi hôi? Ấy tại cái gốc là bất tịnh từ thân. Bởi vậy cho nên còn thân thì phải tắm rửa, còn phạm phu thì phải tu sửa mỗi ngày.

Không khí an lạc tràn ngập thiền đường.

AI HƠN AI

Làng có anh học trò văn hay chữ tốt lại có tài thi họa rất tuyệt nhưng vì bạc phước nên vẫn mãi nghèo; vì nghèo nên bạn bè và người làng khi dễ. Họ ngày ngày xun xoe, bợ đỡ mấy đại gia lắm tiền nhiều

của. Đồng tiền và sự kết bè gây ra nhiều trò lố lăng. Có lần anh viết:

- Văn hay chữ tốt không bằng thẳng dốt lắm tiền.

Đời mấy ai học chữ ngữ, trong làng có kẻ trọng thiên lương bèn đối lại:

- Tiền muôn bạc vạn không bằng thẳng bạn mần thơ.

Hai người nhìn nhau cười đầy cảm khái.

NHỊ VỊ ĐẠI CA

Năm ấy nhị vị đại ca tranh ngôi Hồng Bang Chủ nên đánh nhau chí tử, mạt li hết lời. Bọn đàn em cũng chia hai phe, ai vì chủ nấy. Lão Mèo vốn nhiều gian trá, ban đầu đu dây nhưng sau ngã về Bạch đại ca. Hoàng đại ca giận lắm:

- Đồ phản phúc, hãy đợi đây!

Một ngày nọ Bạch đại ca ngã ra chết, không còn ai chống lưng. Lão Mèo sợ xanh mặt bèn quay về khấu đầu tạ tội. Hoàng đại ca xoa đầu:

- Đứa con hoang đã quay về.

Từ đó người nhà lão bỗng mắc bệnh ngọng nghịu á khẩu.

ÔM MÃI SAO

Nhờ sự trợ giúp về kinh tế, nhân lực và cả quân lực của Vương, y tạo nên cơ nghiệp riêng, đã vậy ngày càng phát triển và coi mòi lẫn át cả Vương. Lòng Vương sinh đố kỵ:

- Ăn cháo đá bát, nhờ ai mà ngươi có được ngày hôm nay?

Y thủ lễ nghiêm nhưng cứng cáp đáp:

- Có người bị bệnh đau lưng, thầy lang bắt mạch và

cho bó thuốc để trị; sau khi hết bệnh thì thuốc bỏ đi hay vẫn cứ bó hoài? Ơn thì tại hạ này có bao giờ quên!

Wương đố lý không nói được gì bèn bãi triều.

NƯỚC NAM CÓ CHỦ

Đẹp xong thù trong, phá được cường địch Bắc Phương, ngài cỡi voi nhập thành, sau khi phủ dụ an dân. Ngài cắt đặt mọi việc, giao trọng trách cho người sở tại:

- Giang sơn của ông cha, mọi người hiệp lực giữ gìn, chớ sanh lòng phân biệt kẻ cũ người mới!

Tả hữu có kẻ sàm tấu nhưng ngài gạt đi. Quả thật người chẳng phụ lòng ngài, chẳng bao lâu khắp kinh kỳ truyền nhau bài hát:

*Cỡi voi thắt chiếc khăn vàng
Cờ đào áo vải rỡ ràng sử xanh
Khải hoàn ca khúc nhập thành
Nước Nam có chủ rành rành từ đây.*

ĐẤY KHÔNG PHẢI LÀ VẤN ĐỀ

Vườn xuân hoa trái ngọt ngào, bướm ong rộn rã, muôn loài hoan ca. Chú rùa từ dưới đầm lầy lội bùn lịch kịch bò lên trên bọn ong bướm:

- Tội cho các ngươi quá! Đời sống ngắn ngủn vậy làm sao kịp hưởng xuân.

Bọn bướm ong đang hút mật, thụ phấn nghe thế bảo:

- Đời bọn ta tuy ngắn nhưng rất có ích cho đời, nhờ có chúng tớ mà mùa màng sai trái, hoa quả đầy cành!

Bác cú già nổi tiếng thông thái từ trên bông cây cù rúc:

- Vấn đề không phải đời sống dài hay ngắn mà là sống thế nào cơ!

Georgia, 2/2018

MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

MĂNG KHO CHAY

**Nguyên liệu:**

- 1 khúc măng, rửa sạch, cắt làm 3 khúc, chẻ miếng vừa ăn, luộc sơ lại trong nước sôi, đổ ra rổ cho ráo
- 1 lon nấm rơm, rửa sạch, ngâm nước khoảng 15 phút rồi xả, làm khoảng 2-3 lần, cũng đem luộc sơ lại
- 1 hộp đậu hũ 19 oz, để ráo nước, đem chiên, cắt tùy ý
- 2/3 chén nước lã

Gia vị: muối, đường, nước tương, dầu hào chay, bột nêm

Thực hiện:

Xào sơ nấm với chút nước tương và đường cho thấm, cho măng vô xào cho thơm, rồi đổ tiếp đậu hũ vào xào một phút, sau đó nêm nêm gia vị cho vừa ăn, xào chút nữa cho thấm; chế nước vô nêm nêm lại cho vừa ăn, sôi vặn lửa nhỏ lại nấu cho nước gần cạn là xong, nhớ đảo thường xuyên cho thấm. Măng rất hút muối, dễ bị mặn nên nêm cho vừa ăn sẽ ngon hay đậm đà hơn chút xíu.

Măng ăn rất ngon nhưng cũng rất độc, nếu người bị đau nhứt nên hạn chế ăn, hay người đang yếu yếu ăn vào sẽ dễ bị trúng, lâu lâu OX lại vào bếp nấu món này ăn :) Ăn với cơm nóng thì ngon lắm...nếu bạn nào hong kiêng cử có thể cho ớt (làm cho món này âm hơn) vô nấu chung, cay lắm đó nhe vì măng kỵ ớt... Tùy sức khỏe của mỗi người mà cho thêm cái này hoặc bớt cái kia.

Gia Phụng (Món Chay Thanh Tịnh)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Thênh thang Ba-la-mật

HẠNH CHI

Bạn chưa từng ghé thăm mà không gọi trước. Vậy mà lần này, mở cửa, chưa nhìn thấy người đã thấy hoa và trái. Mấy bó cúc đại đóa vàng tươi che kín mặt, chưa đủ, tay kia còn chĩa nặng một giỏ, vừa hồng dòn, vừa soài xanh, mận chín. Tôi toan đỡ một thứ, bạn đã bước nhanh qua cửa, đi thẳng vào bếp, đặt quà xuống, và lú lo:

- Hên ghê, mình vừa đến tiệm là xe chở hoa và trái cây phân phối các chợ cũng vừa tới. Xem này, thiệt là tươi. Mình mua ngay. Khách hàng đầu tiên đấy!

Tôi trách nhe:

- Tươi thì tươi chứ mua chi dữ vậy? Định mang cho những đâu mà khiêng lăm thế?

Bạn bỗng dừng tay sắp xếp, cất tiếng như chim:

- A! Á! Đùng có hỏi mang đi đâu, và cho ai nhé! Bồ thí Ba La Mật là chi? Của cho, người cho, kẻ nhận, chẳng cần biết nhau, phải không? Mà này, hôm nay có rảnh không? Có thì giờ uống trà không? Mình nói chuyện lai rai về Ba La Mật đi!

Tôi cũng "bắt chước tiếng chim":

- A! Á! Nói tới nơi tới chốn thì nói, chứ không nói lai rai! Còn ai đa đoan tới mức không có thì giờ uống trà thì ... sống làm chi nhỉ?

Rồi "bình trà Ba La Mật" thơm ngát, được có mặt, do lần bạn ghé thăm không báo trước như thế.

Chỉ xin xác định, đây như buổi mạn đàm ngẫu hứng của bạn đạo, tung tăng dặt nhau vào khu rừng mênh mông vì bỗng cùng muốn tìm một loài dược thảo đã được nghe là thần dược. Tìm thấy thể nào thì nói như thế ấy, theo cái

biết, cái thấy của riêng cá nhân mà thôi. Chư vị nào thấy không phù hợp ý mình, xin mời nâng tách trà và ... hỷ xả ba-la-mật!

Ba La Mật Đa là dịch âm từ Pàramitā, nếu dịch theo chữ, là Đáo Bỉ Ngạn, có nghĩa là qua bờ bên kia.

Người học Phật thường nghe nói đến Lục Độ Ba La Mật là sáu hạnh, mà nếu hành giả nương theo một cách chính xác, miên mật thì có thể đạt tới những quả vị như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán hoặc cao hơn. Như vậy đủ thấy sự vi diệu và thù thắng của sáu hạnh này như thế nào.

Lục Độ Ba La Mật gồm: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiên định và Trí tuệ.

Cả hai phái, Phật Giáo Nguyên Thủy (PGNT) và Phật Giáo Đại Thừa (PGĐT) đều dựa trên căn bản này, bổ túc thêm bốn hạnh, tùy theo mục đích và quan điểm của phái tu mà sắp xếp thành một danh xưng chung là Thập Ba La Mật hay còn gọi đơn giản là Mười Pháp Ba La Mật.

Trước hết, để dễ nhận diện, chúng ta sẽ đi từng bước qua bảng đối chiếu Thập Ba La Mật sau đây, của hai phái PGNT và PGĐT:

PG NGUYÊN THỦY (PGNT):

- 1- Bồ thí (Dàna)
- 2- Trì giới (Sīla)
- 3- Xuất gia (Nekkhamma)
- 4- Trí tuệ (Pāṇā)
- 5- Tinh tấn (Virīya)
- 6- Nhẫn nại (Khanti)
- 7- Chân thật (Sacca)
- 8- Quyết định (Adhithāna)

- 9- Tâm Từ (Mettā)
- 10- Tâm Xả (Upekkhā)

PG ĐẠI THỪA (PGĐT):

- 1- Thí ba la mật
- 2- Giới ba la mật
- 3- Nhẫn ba la mật
- 4- Tinh tấn ba la mật
- 5- Thiên ba la mật
- 6- Bát-nhã ba la mật
- 7- Phương tiện ba la mật
- 8- Nguyên ba la mật
- 9- Lực ba la mật
- 10- Trí ba la mật

Trước hết, chúng ta nhận thấy cả hai phái, Phật Giáo Nguyên Thủy (PGNT) và Phật Giáo Đại Thừa (PGĐT) đều sắp xếp hai hạnh, Bồ-thí và Trì-giới lên trên, chứng tỏ tầm quan trọng của hai hạnh này.

1- BỒ THÍ (PGNT) - THÍ BA LA MẬT (PGĐT):

Gồm Tài-thí (Dravyadāna), Pháp-thí (Dharmadāna) và Vô-úy-thí (Abhayadāna) Khi nói tới "cho" là ta phải hình dung ra ba yếu tố: người cho, người nhận và vật cho.

Tài-thí gồm hai loại là Ngoại-thí và Nội-thí. Trong hai loại này, Ngoại-thí dễ cho hơn vì đó là những vật bên ngoài như tiền bạc, áo quần, đồ đạc, lương thực v...v... Còn Nội-thí là những bộ phận trong thân thể con người nên người muốn cho Nội-thí phải là người phát tâm đại bi đồng mãn, như khi Đức Phật còn làm Bồ Tát, Ngài đã từng bố thí đầu, mắt, tay, chân cho kẻ cầu xin. Ngày nay, với kỹ thuật y học tân tiến, chúng ta cũng có thể chia xẻ bộ phận cho nhau để cứu sống lẫn nhau, nhưng vẫn đòi hỏi người cho phải có lòng mẫn cảm phi thường.

Pháp-thí không chỉ là chia xẻ cho nhau những lời giảng dạy chánh pháp của Chư Phật, mà dùng lời chân thật đem lại hòa khí, an lạc cho nhau cũng có thể gọi là Pháp-thí vì Chư Phật há chẳng khuyên dạy chúng ta rằng ái ngữ có thể mang đến niềm vui và hạnh phúc ư?

Theo kinh tạng Nguyên Thủy (Anguttara, Itivuttaka) thì chỉ có hai loại Bồ-thí, là Tài

-thí và Pháp-thí, nhưng theo tinh thần giáo lý Đại Thừa thì ngoài hai loại bồ thí căn bản trên, còn một loại bồ thí nữa không kém phần quan trọng. Đó là Vô-úy-thí, tức là giúp đem sự bình an tới cho người đang quay cuồng, sợ hãi.

Theo đứng nghĩa cao cả từ lời Phật dạy thì bố là khắp, thí là cho. Bồ thí là xả bỏ lòng tham lam vị kỷ, có thể cho tất cả những gì ta có, tới tất cả những ai thực sự đang cần. Khi cho, người cho phải hoan hỷ, đại lượng, cho đúng lúc, không so đo, không chần chừ. Chỉ biết, kia là kẻ đang cần, đây là vật ta đang có, lòng rộng rãi lời nhắc nhở khôn nguôi của Chư Phật trong Kim Cương Chân Kinh: "*Hãy cho. Hãy cho đi. Hãy cho mà không chờ nhận lại, dù là một lời cảm ơn. Hãy cho và quên ngay những gì vừa cho và cho ai. Ấy là đã liễu nghĩa tam-không, đã làm nên hạnh bồ thí vô tướng*". **Đây cũng là thành quả của Bồ Tát bậc Sơ-địa** (Hoan-hỷ-địa).

2- TRÌ GIỚI (PGNT) – GIỚI BA LA MẬT (PGĐT):

Theo Phạm ngữ, giới có nghĩa là luật, là nội quy đặt ra những kỷ cương buộc những ai trong cùng môi trường phải tuân theo để giữ được sự tốt đẹp, an lạc và trật tự chung.

Tỷ như trên phố xá đông đúc phải có luật giao thông, khi nào xe bên trái ngừng, khi nào xe bên phải đi, nơi nào được chạy nhanh, nơi nào phải chạy chậm. Những người đi trên phố xá đó phải cùng nghiêm chỉnh tuân hành để tránh tai nạn, tránh phiền não khổ đau cho nhau, đưa đến mất hòa khí, sân hận.

Trong đạo, giới là chuẩn mực của đạo đức được Đức Phật đặt ra làm thành trì bảo vệ, che chở chúng ta khỏi phạm điều trái ngang, bất thiện. Nhìn tổng quát, chúng ta thấy Đức Phật phân ra hai loại giới là Biệt-giải-thoát-giới và Bồ-tát-giới.

Biệt-giải-thoát-giới hay gọi cho dễ hiểu là Tùy-thuận-giải-thoát là chỉ dạy cho biết, không buộc người phải tuân



theo; tức là, giữ giới nhiều thì giải thoát nhiều, giữ giới ít thì giải thoát ít.

Nghiêm túc hơn là Bồ-tát-giới, theo tinh thần Đại-thừa lại phân định ra ba loại là Nhiếp-luật-nghi-giới, Nhiếp-thiện-pháp-giới và Nhiêu-ích-hữu-tình-giới mà giới đầu là những giới điều rất căn bản cho cả hai hàng Phật tử tại gia và xuất gia.

Nhiếp-luật-nghi-giới, Phật tử tại gia đã quy y Phật, tùy sự phát nguyện mà phải tuân theo Ngũ-giới, Bát-quan-trai-giới, Thập-thiện v...v... Hàng xuất gia thì tùy theo giới đã thọ mà phải tuân trì mười giới, mười sáu giới, hai trăm năm mươi giới hay ba trăm bốn mươi tám giới.

Trong kho tàng kinh điển lưu truyền cho hậu học, Đức Phật luôn nhắc nhở về Giới, Định, Tuệ là pháp môn căn bản của người học đạo; trong đó, Giới đứng đầu vì giữ được Giới mới sanh Định, rồi an trú được trong Định mới phát triển Tuệ.

Phác họa vài nét đơn sơ của người biết tự chế theo giới luật thì điển hình, tuân theo ngũ giới, ta tránh được sự sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ và say sưa nhâm nhí. Tuân theo mười giới, ta có thêm nét đẹp của sự giản dị, sự trong sáng, biết thiếu dục tri túc, biết giữ gìn sức khỏe qua sự thọ nhận thức ăn và xả bỏ lòng tham tích lũy tài sản vật chất. Rồi tuân theo mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, hai

trăm năm mươi giới, ba trăm bốn mươi tám giới v...v... chúng ta sẽ tạo biết bao nhân lành trong kiếp hiện tiền. Hành trì giới luật giúp hành giả thường xuyên tự tỉnh giác, rốt ráo cũng là đạt tới thành quả của bậc **Nhị-địa** (Ly-cấu-địa).

Ngoài đời, theo PGNT, giới còn được hiểu là những trách nhiệm, bổn phận chung của những người liên hệ với nhau. Đó là trách nhiệm và bổn phận giữa cha mẹ và con cái, giữa vợ và chồng, giữa vua và tôi, giữa chủ và tớ, giữa thầy và trò v...v... Nếu mọi người đều chu toàn được giới hạnh với nhau thì niềm vui và hạnh phúc không thể vắng mặt.

3- XUẤT GIA (PGNT) – NHẢN BA LA MẬT (PGĐT):

Tới đây, sự sắp xếp giữa PGNT và PGĐT đã bắt đầu có khác biệt. Hành giả tu theo PGNT, sau khi đã phát tâm từ bi, bồ thí quảng đại, đã nương theo giới để trau giồi phẩm hạnh thì điều thứ ba có thể tiến tới là xuất gia, sống đời tu sỹ, thực sự cắt ái ly gia mới có nhiều hoàn cảnh thuận lợi cho sự tu tập hầu phát triển được phẩm giá và nhân cách của những người đang đi trên đường trung đạo, tự độ để đạt quả vị A La Hán.

Trong khi đó, bên PGĐT, hạnh thứ ba chưa phải là xuất gia, mà Nhẫn- ba-la-mật mới cần kể tiếp; vì với cái nhìn đồng mãnh hơn, khi bồ thí (cho Nội-thí), và sâu sa hơn (Vô-úy-thí) thì hành giả đã phát bồ-đề-tâm, không chỉ tự độ mà còn độ tha. Khi ấy,



hành giả đã hành bồ-tát-hạnh, đã đi trên bồ-tát-đạo nên sự nhẫn nhục cần theo sát để yểm trợ cho những nghịch duyên mà Bồ Tát sẽ gặp.

Như thí dụ về Bồ Tát Thường Bất Kinh, nhận biết bao lời mắng chửi của thế nhân, nhận sự ruồng rẫy như đười xua một kẻ mất trí, điên rồ, khi gặp ai Bồ Tát cũng chấp tay cung kính "Tôi không dám khinh ngài vì ngài là Phật sẽ thành."

Giữ được hạnh Nhẫn-ba-la-mật này, hành giả đạt tới thành quả của bậc **Tam-địa** (Phát-quang-địa).

4- TRÍ TUỆ (PGNT) - TINH TẤN BA LA MẬT (PGĐT):

Sự sắp xếp này tương đối dễ hiểu, vì với PGNT, sau khi xuất gia, vị tu sỹ cần nỗ lực phát triển trí tuệ, để khi học hỏi giáo pháp, hiểu được tận tường, hầu không sai lạc khi hành trì. Theo nghĩa đơn giản, trí tuệ là sự hiểu biết trong sáng từ những suy tư chính xác, miên mật, lột dần vỏ vô minh, mở con mắt tuệ nhìn ra thật tướng của vạn pháp.

Với PGĐT, sau hạnh Nhẫn là Tinh-tấn-Ba-la-mật vì sự tinh cần tu tập cực kỳ quan trọng khi thường xuyên phải giữ tâm Nhẫn để không hủy nhục chúng sinh, phản kháng nghịch duyên, sinh lòng sân hận.

Duy trì được Tinh- tấn-ba-la-mật là đạt thành quả của bậc **Tứ-địa** (Diệm-huê-địa).

5- TINH TẤN (PGNT) - THIÊN BA LA MẬT (PGĐT):

Với PGNT thì Tinh-tấn là phối hợp của Trí-tuệ và Quyết-tâm nên Tinh-tấn góp phần

không nhỏ trong sự thăng tiến của hành giả. Đó là năng lượng tinh thần có thể giúp ta chuyển thất bại sang thành công.

Trong khi, với PGĐT, Thiền ở đây được hiểu là Thiền-định, nằm trong Tam-vô-lậu-học, là pháp môn căn bản dẫn hành giả tới cửa Bát-nhã. Cho nên, tới giai đoạn này, PGĐT chú tâm vào thiền định, cần trọng không rời sự yểm trợ của Bát-chánh-đạo nên đã giữ được chánh niệm cho tâm an định mà đạt thành quả của bậc **Ngũ-địa** (Nan-thắng-địa).

6- NHẪN NẠI (PGNT) - BÁT NHÃ BA LA MẬT (PGĐT):

Hạnh Nhẫn-nại không chỉ là chịu đựng những thiệt thòi, oan trái, như tinh thần PGNT chỉ dạy, mà đối chiếu là Bát-nhã-ba-la-mật mang tinh thần Đại thừa, dùng trí tuệ quán chiếu nên thấy rõ mọi thực tướng của các pháp. Bất khả thuyết, bất khả nghị, bất khả ngôn mới là chân thực. Thấu suốt diệu lý bình đẳng nơi đây là đạt thành quả của bậc **Lục-địa** (Hiện-tiên-địa).

7- CHÂN THẬT (PGNT) - PHƯƠNG TIỆN BA LA MẬT (PGĐT):

Lời chỉ dạy trong tất cả các kinh điển không bao giờ thiếu sự nhắc nhở phải nói lời chân thật. Sự thật luôn đi đôi với tầm quý. Tầm là biết hổ thẹn với mình. Quý là biết hổ thẹn với người. Tầm quý là lòng tự trọng giúp ta không nói lời dối trá hại người. Trái lại, nếu nói lên sự thật nào đem lợi ích cho người thì dẫu

có bị thiệt thòi, hành giả vẫn sẵn sàng hiến tặng.

Đây là trí tuệ quyền biến của Phương-tiện-ba-la-mật, là tự-tánh-thiên, là bản chất của đạo đức đưa đến thành quả của bậc **Thất-địa** (Viễn-hành-địa).

8- QUYẾT ĐỊNH (PGNT) - NGUYỄN BA LA MẬT (PGĐT):

Như hồ nước càng trong, càng nhìn thấy sâu, thì người tu tập càng lắng tâm, càng thấy rõ hỷ lạc. Đã thấy rõ, biết rõ đường đi, hành giả sẽ loại bỏ mọi dẫn đo, lưỡng lự, chỉ một lòng vững tin và quyết định cho mục tiêu tối hậu. Đó cũng là chặng đường Văn, Tư, Tu mà PGĐT trải qua, để kết thành Nguyễn-ba-la-mật. Văn là huệ, do học mà biết. Tư, do chiêm nghiệm, quán sát mà rõ. Và Tu là phát triển sự nhận biết để tự độ rồi độ tha, đạt thành quả của bậc **Bát-địa** (Bất-động-địa).

9- TÂM TỪ (PGNT)- LỰC BA LA MẬT (PGĐT):

Tâm từ đứng đầu Tứ vô lượng tâm (Từ, Bi, Hỷ, Xả) có năng lượng cực kỳ mạnh mẽ vì Tâm-Từ, theo tinh thần Đạo Phật là lòng thương yêu rộng lớn không giới hạn, không phân biệt, hướng tới muôn loài.

Khi ta có thể yêu người như yêu ta thì năng lượng của Tâm Từ sẽ tự động tỏa sáng, mang hạnh phúc đến cho người, để người lại trở thành hạnh phúc của ta.

Khi Đức Phật về thăm nhà lần đầu, La Hầu La mới bảy tuổi mà đã đến bên Phật, chấp tay cung kính thưa rằng: "Bạch Đức Sa-Môn, chỉ cái bóng của Ngài cũng đủ làm thân tâm con mắt mẹ lạ thường".

Lời phát biểu chân thực này tuy rất thơ ngây nhưng đã vô tình chứng thực sức mạnh của người có Tâm-Từ có thể rực sáng và truyền đạt sự ấm áp tới người xung quanh.

Tâm-từ ở đây được PGĐT bổ túc Trí-huệ nhận rõ chân, ngụy, rồi theo tinh thần "như lý tác ý" nghĩa là dựa trên lý mà diễn đạt ý, tạo thành Lực-

ba-la-mật, giúp chúng sanh dứt bỏ tà kiến (điên đảo kiến) mà hầu hết chúng sanh đều mắc phải.

Hoàn thành Lực-ba-la-mật là thành quả của bậc **Cửu-địa** (Thiền-tuệ-địa).

10- TÂM XẢ (PGNT) - TRÍ BA LA MẬT (PGĐT):

Tâm-xả đứng thứ tư trong Tứ- vô-lượng-tâm nhưng lại là điều khó thực hiện nhất vì những cái vô-thường đã huân tập từ khi con người lọt lòng mẹ, làm sao có thể dễ dàng coi chúng là thường, mà xả bỏ? Mọi thứ quanh ta, từ tinh thần đến vật chất đều vô hình chung cột ta thành sở hữu chủ. Bởi có Cái Ta, Cái Của Ta, mới không kham nhẫn nổi những thóa mạ, những oan trái nào đụng chạm đến. Làm sao mà xả? Làm sao mà bỏ?

Chỉ có Trí Tuệ Bát Nhã "Sắc tức thị không. Không tức thị sắc", thấy rõ chân tướng vạn pháp để nhìn lại kiếp nhân sinh mới có thể không sợ sinh tử, cũng chẳng mong Niết Bàn, như thiên-sư thõng tay vào chợ mà chẳng lụy xô xao phố chợ.

Bồ Tát giữa bao la trời đất, cho không chờ nhận, xả chẳng vương mang, mới đạt tới thành quả của bậc **Thập-địa** (Pháp-vân-địa).

THẬP BA LA MẬT TRONG THẾ GIỚI NHÂN LOẠI

Giới thiệu đơn giản về Thập ba-la-mật như trên tạm cho chúng ta cái nhìn đại cương về cuộc hành trình tu tập của những ai muốn tìm sự giải thoát, giác ngộ. Tuy nhiên, đồng hành với đoàn người đang đốt đuốc cùng đi, thì ánh đuốc của họ cũng vô hình chung, soi sáng xung quanh. Đó là những giao tiếp liên hệ trong xã hội.

Từ khoảng nửa thế kỷ gần đây, giới trí thức, học giả Tây phương đã không ngừng nghiên cứu về Đạo Phật và họ kinh ngạc nhận ra rằng hình thức thành lập tăng đoàn cũng như cách sinh hoạt nương theo giới luật Đức Phật đặt ra cách nay hơn hai mươi lăm thế kỷ cũng chính là những mô

hình căn bản mà thế giới nhân loại hiện tiền đang áp dụng. Một xã hội lý tưởng là một xã hội bình đẳng, nơi đó, mọi người đều được chấp nhận để phát triển tài năng và trí tuệ rồi từ đó, nhận trách nhiệm tùy theo căn cơ mình.

Xã hội đó sẽ không thiếu an lạc và hạnh phúc nếu những thành viên trong đó biết tương kính nhau, tử bi, ôn hòa với nhau, dùng ái ngữ và vị tha mà cư xử với nhau, bỏ lòng tham lam ích kỷ để không xâm phạm nhau...

Chúng ta có thể thấy môi trường đẹp để này, theo bản đồ Thập-ba-la-mật dẫn tới.

Nào, chúng ta thử cùng đi xem! Mình khởi hành từ Bồ Thí Ba La Mật nhé!

Ai cũng có thể hiểu định nghĩa căn bản về bồ-thí nên không ai nghèo đến nỗi không có tặng vật để cho, vì theo tinh thần pháp-thí của Bồ-thí-ba-la-mật thì không chỉ chia xẻ về giáo pháp mới là cho, mà một nụ cười, một lời an ủi đúng lúc cũng là tặng phẩm.

Dù thế giới ngày nay được thẩm định là thời kỳ băng hoại khá trầm trọng về đời sống tâm linh nhưng xét chung, chúng ta vẫn thường ít nhiều hành trì hạnh bồ thí mà vô tình không nhận biết.

Thực tiễn hơn, về tài-thí, hãy nhìn những nhà tỷ phú trên thế giới với những hội từ thiện mà họ lập ra để thấy rằng mỗi tương quan giữa người với người vẫn được ràng buộc thân ái qua hạnh bồ thí.

Nhìn những nhà tù đông đảo phạm nhân, ngoài sự ưu tư về sự phạm pháp, thì ở chiều hướng khác, kẻ phạm tội đang bị trừng trị có nghĩa là luật pháp vẫn đang được thi hành nghiêm minh. Chính giới luật này đang bảo vệ người lương thiện, đồng thời chuyển hóa kẻ bất thiện. Thử hỏi, trong quốc gia nào, xã hội nào mà không có trì giới?

Lịch sử nhân loại từng chứng minh không có sự giải quyết xung đột nào bằng bạo

lực mà có thể tồn tại lâu dài. Chẳng phải chỉ thời xưa có vua A Xà Thế tinh ngộ, buông gươm, tuân lời Phật dạy giữ nước trị dân bằng tâm tử mới có thể bình thiên hạ; mà thời nay, dững tướng chinh đông kích tây dọc ngang khắp cõi là Đại Đế Nã Phá Luân của Pháp-quốc cũng tới lúc phải thốt lên: "Ở đời có hai sức mạnh là sức mạnh của thanh gươm và sức mạnh của lòng tử bi. Nhưng cuối cùng thì lòng tử bi đã đánh bại thanh gươm".

Tâm-Tử, khi được hiển lộ có thể chấm dứt binh đao, nhưng tiến trình đạt tới may mắn này không thể thiếu Nhân-ba-la-mật.

Thủ tướng Mohandas Karamachand Ganhdhi của Ấn Độ là biểu hiện toàn vẹn sự phối hợp giữa Nhân-nhục (Ksanti) và Trí tuệ (Parajna) mới đưa quốc gia và dân tộc Ấn qua cơn nguy khốn bằng sự tranh đấu bất bạo động. Sự tranh đấu bằng nhân nhục và trí tuệ này dựa trên nền tảng "chấp trì chân lý", tiếng Phạn là Satyagraha, không đi ngoài lời dạy của Đức Phật về Thập Ba-la-mật.

Sự thành công màu nhiệm của cuộc cách mạng lớn lao không tổn máu xương trong lịch sử nhân loại đã khiến dân Ấn - nói riêng, và thế giới - nói chung- tôn vinh ngài Ganhdhi là bậc Thánh, qua danh xưng Mahatma Ganhdhi, chứ không là tên nguyên thủy đầy đủ của ngài nữa.

Nhìn xa rồi nhìn gần, Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông của Việt Nam chúng ta là hiện thân vị Đạo Sư đã nghiêm túc hành trì Thập-ba-la-mật từ thời thơ ấu vì được ông nội là vua Trần Thái Tông và cậu là Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Tung hướng dẫn tư tưởng Thiền Tông nên Ngài chí thiết tôn sùng Đạo Phật.

Suốt mười bốn năm trên ngôi vua, Ngài đã mang tâm Bồ Tát mà trị nước an dân. Hạnh thứ tám trong Thập-ba-la-mật của PGNT cũng là hạnh thứ chín của PGĐT đã giúp Ngài buông xả (Upekkhà) đời sống vật chất thế gian, truyền

ngôi cho Thái Tử Trần Thuyên để thực hành hạnh Xuất Gia (Nekkhamma) rồi không ngừng sống chánh niệm, rốt ráo hướng tới hạnh thứ mười là Trí-ba-la-mật.

Người nắm giữ vận mạng dân chúng thế nào thì ảnh hưởng tới dân chúng thế ấy. Tuy nhiên, mỗi thời đại, mỗi dân tộc còn cần có phước báu của Tổ Tiên vun bồi nhiều đời nhiều kiếp để vượt qua những khổ nạn hiện tiền.

Hơn hai mươi lăm thế kỷ trước, giáo pháp Đức Phật dạy chẳng những vẫn tồn tại mà còn đang lan rộng từ đông sang tây. Những khám phá mới mẻ của khoa học ngày nay lại chỉ là những điều Đức Phật đã thuyết giảng một cách bình thường từ xưa.

Câu chuyện về giáo sư Rhys Davids, người Anh, vẫn còn được kể lại như sự công nhận những chính xác và lợi ích về giáo pháp của Đức Phật với những diễn biến trên thế giới ngày nay.

Rhys Davids là con trai của một mục sư Cơ Đốc Giáo. Ông đã bỏ ra nhiều năm học tiếng Pali và nghiên cứu các kinh điển Phật giáo cả Nguyên Thủy và Đại Thừa, chỉ với mục đích muốn chứng minh là giáo lý Đạo Phật thua xa giáo lý Cơ Đốc.

Nhưng ông đã thất bại với công việc này vì sau nhiều năm khổ công nghiên cứu, Rhys Davids đã trở thành một Phật tử, hết lòng ca ngợi Bất Chánh Đạo và Tứ Diệu Đế, là những pháp môn mà ông trân trọng và hoan hỷ áp dụng cho chính bản thân và gia đình.

Đã là con Phật, chúng ta phải quyết tâm tinh tấn và tin tưởng rằng:

"Tụng kinh giả, minh Phật chi lý,

Niệm Phật giả, minh Phật chi cảnh"

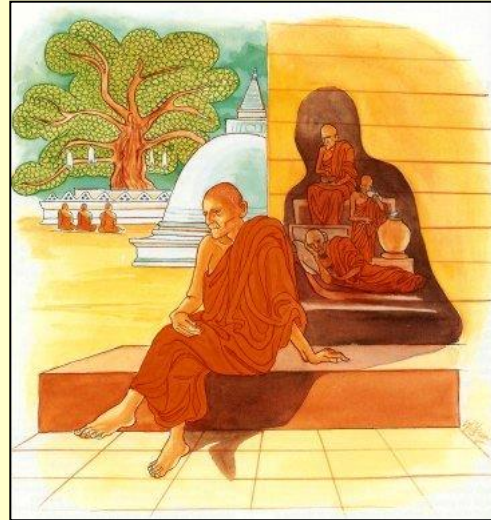
Nghĩa là:

Người tụng kinh lâu ngày sẽ hiểu ý kinh,

Người niệm Phật lâu ngày sẽ thấy cảnh Phật.

Hạnh Chi

The Story of Thera Bhaddiya: The Dwarf *Dhammapada, Verses 260 & 261*



While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (260) and (260) of this book, with reference to Thera Bhaddiya. He was also known as Lakuntaka Bhaddiya because he was very short of stature.

One day, thirty Bhikkhus came to pay obeisance to the Buddha. The Buddha knew that time was ripe for those thirty Bhikkhus to attain Arahatsip. So he asked them whether they had seen a thera as they come into the room. They answered that they did not see a thera, but they saw only a young samanera as they came in. Whereupon, the Buddha said to them, "Bhikkhus! That person is not a samanera, he is a senior Bhikkhu although he is small-built and very unassuming. I do say that one is a thera just because he is old and looks like a thera; only he who comprehends the Four Noble Truths and does not harm others is to be called a thera."

Verse 260. He is not a thera just because his hair is grey; he who is ripe only in years is called "one grown old in vain."

Verse 261. Only a wise man who comprehends the Four Noble Truths and the Dhamma, who is harmless and virtuous, who restrains his senses and has rid himself of moral defilements is indeed called a thera.

At the end of the discourse those thirty Bhikkhus attained Arahatsip.

ELDER

One is not a Thera, just because one's hair is grey. Though of many years standing, one may be old only in body, but not yet matured in mind.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

KHÔNG PHẢI VIỆC CỦA TÔI

Hãy đừng quá nhạy cảm
Trước khen, chê thị phi
Vì tự thân ngôn ngữ
Không mang nghĩa lý gì!
Xin học hạnh của đất
Thanh thản nhận diện thời
Những gì người reo rắc
“Không phải việc của tôi”
Chỉ cần nhớ chừng đó
Thế giới an tịnh rồi.

TỰ TAN, TỰ BIẾN

Khi sống một mình
Và hằng chánh niệm
Bản ngã tự nhiên
Không còn hiện diện
Mọi sự bỗng dừng
Tự tan, tự biến
Tĩnh lặng, bình an
Đường như vô tận.

CHUẨN BỊ

Người đời luôn tắt bật
Chẳng dừng lại mấy khi
Luôn bận rộn chuẩn bị
Hết việc này, chuyện kia
Chỉ khi vô thường tới
Là chưa chuẩn bị gì!

PHƯỚC LÀNH

Con sâu đậu trên lá vàng
Gió đâu lộng lộng, lá vàng lìa cây
Lá nương gió, lá bay bay
Nhiều quanh tháp Phật, nào hay phước lành
Sâu nương lá, cũng nhiều quanh
Do tâm hoan hỷ,
Được sanh làm người
Pháp Hoa Kinh, dạy rõ lời
Một niệm tin kính, đời đời nghiệp thân.

TÌM NHAU

Nơi đâu góc biển?
Đâu chân trời?
Biển không bãi cuối,
Trời muôn nơi
Bằng con-mắt-tuệ,
Tìm nhau nhé!
Sẽ thấy người, trong hạt lệ tôi.

CHÂN, MỘNG

Khuynh hướng của thế gian
Mọi người đều cố đạt
Một nhân dạng rõ ràng
Về danh vọng, địa vị
Tên tuổi cùng giàu sang
Suốt cuộc đời vất vả
Leo lên những bậc thang
Để cuối đời lia bỏ
Trong tiếc nuối ngỡ ngàng!
Bao giờ nhìn thấu rõ
Chân, mộng,
Để bình an.



thơ

HUỆ TRẦN

(Tào-Khê Tịnh Thất, những ngày tịnh tu)

NỬA THẾ KỶ, VẪN MỘT MÀU TANG CHO HUẾ

Diệu Trang

(Lặng lòng viết về đêm thắp nến 50 năm tưởng niệm và cầu nguyện cho nạn nhân biển cổ Mậu Thân-Huế 1968-2018, tổ chức tại Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Pháp Vân, ngày 10.03.2018)

*Một thời máu lửa đạn bom
 Quê hương tang tóc, hồn hoang tru gào
 Tùng trang sử, đẫm lệ trào
 Ngày im tiếng súng nghẹn ngào gọi nhau!*
 (Một Thời-Tâm Không Vĩnh Hữu)

Chớp mắt nửa thế kỷ đã trôi qua kể từ năm 1968. Biển cổ Mậu Thân vào mùa Xuân năm ấy đã trở thành một trong những trang sử Việt Nam đẫm lệ, xót xa, và bi thương nhất. Cuộc chiến tang thương bằng súng đạn ấy đã kết thúc, nhưng một cuộc chiến khác đã mở ra và kéo dài suốt 50 năm qua vẫn chưa ngừng, mà vũ khí chính là những ngòi bút dùng để tranh cãi, phân trần, phản nộ, đổ lỗi, buộc tội nhau, bảo vệ "chính nghĩa" của mình bằng cách chối bỏ tội lỗi cho một cuộc chiến sai lầm năm cũ. Ai thắng? ai bại? được gì? ngoài những thảm cảnh: chiến sĩ trận vong, dân lành vô tội đều lần lượt ngã xuống như bom rơi đạn lạc, thôn xóm, làng mạc tan nát, chùa chiền, nhà thờ, trường học sụp đổ tan hoang, vạn vật cỏ cây tả tơi loang hồng màu máu thịt, người sống ngơ ngác tìm nơi ẩn náu hoặc chạy loạn tìm nhau, người lớn cụ già trẻ nhỏ hốt hải với gương mặt và tấm thân lấm lem máu bùn. Tiếng khóc than, oán hờn, thét gào, cầu cứu, rên rỉ. Máu đổ thịt rơi. Mặt đất yên lành bỗng trở thành những hố bom rồi chính từ nơi đó mọc lên những nấm mồ hoang tập thể. Quê hương tang tóc từ đó...



Nhưng rồi, ngày im tiếng súng lại nghẹn ngào gọi nhau. Ai gọi ai mà lại nghẹn ngào? Có phải người còn sống gọi tên người đã khuất? Không rõ. Nhưng có một điều chắc chắn rằng ở nơi phương ngoại này, mỗi lần Tết đến, đồng bào lại kêu gọi nhau cùng về để tang chung, để tưởng niệm và cầu nguyện cho những nạn nhân trong biển cổ Mậu Thân 1968, mà "không hề muốn khơi lại đồng tro tàn trong quá khứ, hay hận thù năm cũ, mà trong buổi lễ hôm nay, mong tất cả vận dụng từ bi tâm, tình thương, hướng về đồng bào nạn nhân, chiến sĩ đã nằm xuống trong cuộc chiến Mậu Thân, nguyện tất cả rũ sạch oan khiên để sinh về lạc cảnh". Đó cũng là mục đích chính duy nhất mà TT Tâm Hoà đã phát biểu trước khi khai mạc đêm thắp nến tưởng niệm 50 năm biển cổ Mậu Thân 1968-2018.

Cùng đồng tình với mục đích và tinh thần từ bi đó, khoảng hơn 300 đồng bào đã tề tựu về hội trường TTVHPG Chùa Pháp Vân để cùng nhau thắp lên những ngọn nến ấm áp của tình thương yêu, của trái tim từ bi trải rộng vượt thời gian nửa thế kỷ, vượt cả không gian về nơi đất mẹ quê cha...

Tiếng nhạc Đăng Đàn Cung trỗi lên cùng lúc 2 thanh niên Phật tử với lư trầm trên tay cung thỉnh tăng đoàn gồm 9 vị Thượng Toạ quang lâm chứng minh buổi lễ tiến dẫn lên trước bàn thờ tươm tất với hoa và nến. Trước mặt bài vị tưởng niệm những chiến sĩ trận vong, đồng bào tử nạn trong biển cổ Tết Mậu Thân là một hình ảnh thân thương hình chữ S nổi lên bằng những ngọn nến trắng, nằm cạnh là 2 hòn đảo Hoàng Sa và Trường Sa, được che chắn giữa các dây đoá sen hồng. Phía trên cao lễ đài là một bàn thờ Phật trang nghiêm giản dị.

Bắt đầu đêm thắp nến vẫn là các nghi lễ trang nghiêm như: lễ chào quốc kỳ Canada, lễ chào quốc kỳ VNCH, phút mặc niệm, giới thiệu thành phần tham dự bao gồm: chư tôn đức, toàn thể quý hội đoàn người Việt quốc gia, thân hào nhân sĩ, cơ quan truyền thông báo chí, cùng toàn thể quý đồng hương, đồng bào Phật tử, trong đó khách mời đặc biệt là tác giả của hồi ký Dải Khăn Sô Cho Huế - nhà văn Nhà Ca, và phu quân là nhà thơ Trần Dạ Từ đến từ California.

Sau phần lời ngỏ chào mừng của trưởng BTC - TT Thích Tâm Hoà đã khẳng định lại mục đích chính của buổi lễ như người viết đã thưa ở

phần đầu, TT tuyên bố khai mạc đêm thắp nến được bắt đầu.

Một vài hình ảnh biểu trưng cho đời sống và sinh hoạt của người dân Huế được trình chiếu trên màn ảnh rộng. Trong số đó có chiếc cầu Tràng-Tiền. Trong không gian tối mịt mờ, hình ảnh và âm thanh nhắc lại những kỷ niệm thời thanh bình và gợi nhớ niềm kiêu hãnh về một cố đô Huế, nhưng cũng không thể không nhắc đến nỗi huyệt khi chiếc cầu lở nhịp.

*"Nếu Dài Khăn Sô Cho Huế là một tác phẩm văn chương ghi lại rõ nét nhất, sâu sắc nhất và bi thương nhất về biến cố Mậu Thân thì trong lãnh vực âm nhạc không có tác phẩm nào diễn tả nỗi đau khổ của người dân Huế hay và xúc động bằng nhạc phẩm **Chuyện Một Chiếc Cầu Đã Gãy**.*

Ngoài vai trò là phương tiện đi lại giữa hai miền tả ngạn và hữu ngạn sông Hương chảy ngang thành phố Huế, cầu Tràng-Tiền còn là biểu tượng thân yêu đã trải qua hằng trăm năm với những mưa nắng buồn vui của người dân cố đô, nơi nối kết những hẹn hò ngậy thơ, nơi đưa bác nông dân qua những mẫu ruộng sâu, nơi chị và mẹ gánh gồng với buổi chợ khuya, nơi các em sớm chiều tan học, nơi ghi dấu những kỷ niệm của mỗi một người con xứ Huế. Một tấm lòng nỗi dài bốn trăm mét với sáu nhịp tim kiêu hãnh của xứ thần kinh. Rồi một ngày bom đạn tràn vào phá nát một nhịp, đứt đoạn chia lìa. Mẹ khóc con, vợ khóc chồng, những nhịp tim xứ Huế gãy theo cây cầu oan khiên."

Đoạn phim ngắn ấy đưa người dân tha phương ngược dòng thời gian và không gian. Mọi người chưa kịp nguôi ngoai nỗi nhớ về một thời quá khứ, thì một giọng nam ca sĩ Minh Trí cất cao lời nhạc phẩm *Chuyện Một Chiếc Cầu Đã Gãy* của cố nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng. Cảm xúc nổi dài cảm xúc. Ban nghi lễ thắp nến là các nữ Phật tử trong những tà áo dài màu tang trắng bắt đầu tiến về phía bàn thờ bài vị thắp lên từng ngọn nến của yêu thương, hy vọng và từ bi. Sáu mươi bốn tinh thành chạy dài dọc bờ Thái Bình Dương lần lượt được thắp sáng lên. Đây là đảo Trường Sa. Đây là đảo Hoàng Sa. Đây mũi Cà Mau. Đây Sài Gòn-Hòn Ngọc Viễn



Nhà văn Nhã Ca cùng TT. Thích Tâm Hòa chụp hình lưu niệm tại bàn thờ vong linh nạn nhân Tết Mậu Thân Huế 1968

Đông. Đây Huế-chốn thần kinh. Đây Hà Nội phố. Hương trầm xông ướp hào khí anh hùng trên từng mảnh đất quê Cha. Anh nển soi sáng từng trạng sử đẫm huyết lệ trên đất Mẹ. Anh sáng mỗi lúc một lung linh hơn trên suốt chiều dài cong hình chữ S. Sáng rực một dãy sơn hà. Nơi nào trên bản đồ đất nước Việt Nam cũng có những trang sử bi hùng để bất kỳ người con Việt nào cũng phải tự hào mỗi khi nhìn lại. Giang sơn gấm vóc cha ông đã gìn giữ bằng xương máu. Vậy mà thời bình hôm nay đây, mỗi tấc đất đều có nguy cơ mất vào tay ngoại bang, dân tộc khắp mọi miền vẫn còn nhiều lầm than thống khổ. Bắc-Trung-Nam, mảnh đất nào, con dân xứ nào cũng đều đáng được yêu thương cả. Nhưng yêu thương hôm nay, giờ khắc này, tất cả đã dành trọn cho xứ Huế, những người dân Cố-Đô và những oan hồn vất vưởng suốt nửa thế kỷ qua trong biến cố Tết năm nào...

Đồng lúc đó từ phía những dãy ghế dưới hội trường, ban thắp nến do GDPTPV đảm trách cũng bắt đầu chuẩn bị hàng trăm ngọn nến truyền cho đồng bào tự lúc nào. Mỗi ngọn nến được đặt giữa lòng một đoá hoa sen, mà mỗi người trân trọng đón nhận trong hai tay cúi nhìn tưởng niệm. Từ bi bắt đầu lan toả khắp hội trường. Hoa nển lung linh, tình người ấm áp, soi lối bao hồn hoang oan khiến năm cũ tìm về chốn an lành.

Với hoa nển trên tay, Quý Thầy từng bước tiến lên lễ đài, cung kính quỳ trước bàn Phật. Hội chúng lặng yên, đứng trang nghiêm gửi lòng theo từng lời cầu nguyện của TT Tâm Hoà. Tưởng chừng như mỗi linh hồn cũng đang lay động theo từng lời, từng ý niệm thành khẩn, thống thiết, bi ai, tràn đầy lòng từ bi của trưởng tử dòng họ Thích:

*"Ngưỡng lay mười phương Chư Phật,
Ngưỡng lay Hồn thiêng sông núi, anh linh chư vị tiên nhân bốn nghìn năm của Dòng giống Lạc Hồng.
Ngưỡng lay các đấng thiêng liêng hộ trì cho sự bình an, phước lạc của nhân thế,*

Hôm nay, chúng con tề tựu nơi đây, muôn người một lòng, thắp hương tưởng niệm bao

nạn nhân đã nằm xuống trong biển cố Tết Mậu Thân năm 1968, đặc biệt là tại thành phố Huế, nơi mà "máu chảy thành sông, lệ tuôn thành suối" cho những cái chết oan nghiệt, khuất tất:

*Còn nhớ năm xưa khi Tết đến,
Tưng bừng hoa pháo rợp giang san
Thánh đường, chùa chiền, dâng hương nển
Đầu năm hái lộc khẩn an Khang.*

*Bất chợt năm ấy súng thay pháo
Rền vang khắp trời đạn thay hoa
Đáo dác dặt nhau đêm chạy loạn
Tử thi vương vãi quanh thôn nhà.*

*Mẹ ôm xác con, con níu mẹ
Vợ chồng tay nắm chết bên nhau
Ngơ ngác cha già không biết hướng
Lạc đạn ngã xuống giữa đêm sâu.*

*Khói lửa mịt mùng vây thôn xóm
Cống mẹ ra đường biết đi đâu
Hốt hải chạy qua rồi chạy lại
Đạn xuyên lưng mẹ thấu tim đau!*

*Xuân về sao đành gầy ác báo
Người già khóc thảm, trẻ kêu thương
Máu ai loang dài trên xác pháo
Ai oán trào dâng đêm bất tường.*

*Đầu năm chưa cất lời chúc tụng
Đã vui thây xuống đất lạnh hoang
Ngút ngàn oan khiên che núi Ngự
Mật mờ nghiệp báo ngập sông Hương...
(lược bớt một đoạn dài)
Năm mươi năm tên mòn bia đá
Niềm thống hận ắt đã nguôi ngoai
'Vành khăn số trắng' sâu năm ấy
Đã theo mây về cuối chân trời.*

*Thôi hãy giữ cõi lòng thanh thản
Sử xanh còn lưu dấu đời sau
Oan khiên kia một lần giữ sạch
Nhẹ nhàng ra khỏi chôn khổ đau.*

*Thân như huyền gửi theo gió bụi
Tâm thanh tịnh nương đấng linh thiêng
Nguyên mười phương hướng tâm hộ niệm
Thác sinh về cảnh giới an nhiên.*

Ngưỡng bạch đức Thế Tôn, Chúng con đang sống ở phương ngoại, ngoài chốn nhiễu nường, nhưng không khỏi đau lòng mỗi khi nghĩ đến. Không biết làm gì khác hơn là góp phần cầu nguyện. Vì vậy, với lòng thành muôn người như một cùng hướng về quê hương, trong không khí thiêng liêng của buổi lễ, chúng con xin:

Thắp ngọn nến này, cầu nguyện cho tắt cả những chiến sĩ trận vong, đồng bào tử nạn trong cuộc chiến dịp Tết Mậu Thân, đặc biệt là tại thành phố Huế, cách đây đúng nửa thế kỷ được rửa sạch oan khiên, sanh về tịnh cảnh. "

Hoa nến Từ Bi được quý Thầy đặt trên bàn

Phật trước khi hồi toạ. Thêm một nhạc phẩm khác là *Chuyện Một Đêm* của nhạc sĩ Anh Bằng do nữ Phật tử Nguyên Phương trình bày. Lời bài hát xót xa vang giữa không gian mờ tối làm tái hiện cái đêm kinh hoàng năm đó khi giặc tràn về xóm nhỏ. Trong khi nhạc phẩm làm mọi người lặng chìm trong nỗi mất mát loạn ly năm xưa thì các thiện nguyện viên trong ban nghi lễ lặng lẽ, trật tự thu gom nền lại từ tay đồng bào rồi mang tôn trí lên 2 chiếc bàn đã được đặt sẵn ở hai bên tả hữu của bàn đồ hình chữ S đang sáng rực (đến đây người viết mới thấy *Ban Tổ Chức khéo sắp xếp một cách tài tình để buổi lễ được diễn ra liên tục đầy xúc cảm theo chương trình, nhưng hoàn toàn không có một giây phút gián đoạn của thời gian chết*). Thoảng nghĩ, tả-hữu, phải-trái, đúng-sai, Nam-Bắc, không còn quan trọng nữa. Trước đó vài mươi phút, mọi một ngọn nến lẻ loi là mỗi linh hồn lay lắt nỗi oan khiên, mà giờ đây sau khi được cầu nguyện, đã được đặt gần nhau, hy vọng rằng những linh hồn ấy không còn thấy bơ vơ lạc lõng nữa, mà đã yên lòng vì có nơi chốn để về. Hơn Ba trăm đoá hoa nến được tụ họp lại làm sáng lên một góc phía lễ đài. Tất cả hướng mắt về nơi ấy, lòng cũng ấm áp theo khoảng sáng tỏa rộng vàng vọt lung lay. Từng ngọn nến cảm thông, từng cánh hoa chia sẻ được truyền về một cõi và hương trầm thì băng lãng quanh đây đã tạo nên sự đoàn kết mạnh mẽ hơn gấp mấy trăm lần, đủ sức từ bi chuyển hoá hận thù thành lòng yêu thương vô hạn.

Tiếng hát ngưng như nhắc nhở mọi người thôi thốn thức để bước vào phần thuyết trình của nhà văn Nhã-Ca. Phần này MC chương trình đặc biệt kính mời cô Y-La, Lê Khắc Ngọc Quỳnh-cựu Giáo Sư Đồng Khánh Huế, giới thiệu đôi nét về nhà văn Nhã Ca. Cả hai là đôi bạn thân giao và cũng đều là những người con xứ Huế. Mở đầu Cô Quỳnh đọc bốn câu thơ do chính cô sáng tác rất cảm động:

*"Vết thương ngày ấy vẫn còn đây
Huế Mậu Thân xót xa lòng này
Quê tôi vẫn một màu tang trắng
Năm mươi năm rồi, chưa hết đắng cay!"*

Bốn câu thơ nói lên niềm cảm xúc bùi ngùi về nỗi đau chung cho Huế rồi đến niềm thương nhớ riêng về Thầy bạn và những người thân thuộc đã bị bức tử hoặc bị thảm sát trong dịp Tết Mậu Thân. Cô còn bày tỏ thêm: *"Những tưởng thời gian có thể làm vơi bớt nỗi đau ngày nào, nhưng đã năm mươi năm mà mỗi lần Tết đến, lòng lại trĩu nặng và u hoài, nhớ về vết thương Mậu Thân, năm 1968 cho cả Việt Nam và cho con dân Huế".* Sau vài phút ngắn bồi hồi, cô đã nhường lời cho nhà văn Nhã Ca, một chứng nhân lịch sử, và cũng là tác giả của hồi ký *Dải Khăn Sô Cho Huế*, và cũng vì tác phẩm này mà cô đã bị bỏ tù hai năm về tội *"biệt kích văn hoá"*. Nếu ai đã từng đọc qua tác phẩm này, thì sẽ thấy được sự tàn khốc của chiến

tranh, sẽ cảm nghe được như chính mình cũng cùng đoàn người cố vượt thoát đạn bom để thấy sự mong manh giữa sống và chết.

Nhưng Nhã-Ca hôm nay đứng trước mọi người trong đêm thắp nến không phải là Nhã-Ca của những tập truyện, tập thơ hay tiểu thuyết, mà Nhã-Ca hiện diện nơi này chỉ đơn thuần là một người con của Phật. Không lời oán hận, cô Nhã-Ca đã súc tích kể về những gì mắt thấy tai nghe trong những ngày chạy loạn. Cô cũng nhắc nhiều về những kỷ niệm gắn bó trong những ngôi chùa ở Huế, cùng với Bồ sư (Cổ HT. Thích Trí Thủ) và chư vị Tôn Túc mà cô đã gắn bó từ thuở ấu thơ đến khi trưởng thành, rồi chạy loạn, vào tù. Mỗi giai đoạn cuộc sống cô kể về mỗi vị Tôn Túc hành đạo ở Huế vào thời ấy, giúp thế hệ chúng con biết nhiều hơn về sức nhẫn nhục của những bậc cao tăng đã vì đất nước mà hy sinh theo cách riêng của bậc trưởng tử Như Lai. Tinh thần Bi-Trí-Dũng dần thân vào đời khổ nạn cũng giống như hạnh nguyện của những vị Bồ tát. Phật Giáo không đứng ngoài lẽ khổ ách của dân tộc. Chính vì lẽ đó mà đêm nay đây, cho dù quý Thầy đang hành đạo nơi hải ngoại, hay đồng bào bạn bịu với chuyện áo cơm, nhưng vẫn chung một lòng trong khả năng có thể, thắp lên những ngọn nến tưởng niệm đồng bào nạn nhân, đồng thời nhớ nghĩ về dân tộc, về non sông hơn bốn ngàn năm văn hiến. Cám ơn cô Nhã-Ca đã mạnh mẽ nhắc gửi chung rằng: *"Không để cho lịch sử tiếp tục bị đánh tráo, không để con cháu thế hệ mai sau đọc và học những điều gian dối về cha anh của họ."*

Cảm xúc u hoài bao trùm trong suốt phần chính của buổi lễ nhưng, phần cuối chương trình là phần mang lại sự phấn chấn cho đồng bào với sự góp mặt của Hội Cựu Quân Nhân quân lực VNCH. Tự hào trong bộ quân phục, trang nghiêm đội ngũ hợp ca bài *Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghê* làm sống lại hào khí một thời để tiếp sức cho lý tưởng hôm nay, nuôi dưỡng niềm hy vọng vào tương lai và làm gương sáng cho thế hệ mai sau...

"Trong chiến tranh, cái khủng khiếp nhất hiện thân, nhưng cùng lúc những gì đẹp đẽ nhất trong con người cũng bùng trỗi dậy. Sự can đảm, lòng nhân ái, và sự hy sinh, v.v... Biết bao nhiêu anh hùng chiến sĩ trong quân lực VNCH đã anh dũng hy sinh để chiếm lại cố đô từ tay giặc Cộng trong Tết Mậu Thân 1968. Chúng ta hãy sống lại những giờ khắc xúc động khi nhìn thấy lá cờ VNCH ngạo nghê tung bay và dựng lên trên kỳ đài giữa Phu Văn Lâu đại nội. Dù tha hương trải qua bao thăng trầm trong cuộc sống, chúng ta vẫn ngạo nghê tiến bước, tiếp tục đấu tranh cho công bằng lẽ phải, cho thế hệ tiếp nối và cảm nhận dòng máu Văn Lang vẫn chảy trong lòng người con Việt dù đang ở bất kỳ nơi nào trên thế giới."

Buổi thắp nến hoàn mãn, mọi người như còn lưu luyến cái không khí ấm áp đầy tình người không nỡ tạm biệt nhau. Nhìn lại hoa

nến vẫn lung linh, có chút gì không rõ còn đọng lại...

Thời chiến có những đau thương của máu lệ, mất mát, chia lìa, ly loạn. Nhưng thời bình đầu đã hết cảnh khổ nạn đắng cay. Do đó, mỗi khi nghĩ về đồng bào quốc nội, người tha hương phương ngoại vẫn muốn làm điều gì đó thiết thực hơn. Ít ra, thắp lên ngọn nến đêm nay cũng hàm nghĩa thắp lên trong tâm mỗi người một tình thương bao la rộng lớn của Từ Bi Tâm. Mong tất cả mang ánh sáng từ tâm ấy soi rọi an ủi quá khứ, đồng thời gửi hy vọng cho tương lai quê hương không còn dấu vết của hận thù, dân tộc thối hết lấm than, thống khổ. Không ai muốn nuôi mãi những hận thù dù rằng nỗi xót đau vẫn còn đó. Bởi lẽ, người con Phật luôn cố gắng hiểu và thực hành theo lời Phật dạy:

"Hận thù diệt hận thù.

Đời này không thể có.

Từ bị diệt hận thù.

Là định luật thiên thu."

Năm mươi năm đã lặng lẽ trôi qua, rồi nửa thế kỷ nữa cũng sẽ bình thản đến. Nhưng thời gian không thể nhuộm thêm hay làm nhạt đi màu trắng của dải khăn tang đang chít trên đầu Huế và người dân Cổ-Đô... Nguyện cầu cho nỗi oan khiên kéo dài nửa thế kỷ qua nhẹ dần theo năm tháng...

Nam Mô tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.

Toronto, tháng 3.2018

Diệu Trang

Phụ lục:

Dài Khăn Sô Cho Huế là Hồi ký (1969) 14 kì của Nhã Ca. In lần đầu tại Sài Gòn 1969, giải thưởng văn học nghệ thuật quốc gia 1970, tái bản năm 2008 tại Mỹ. Năm 2015, Dài Khăn Sô Cho Huế đã được giáo sư Sử học, Tiến sĩ Olga Dror của Đại học Texas A&M University chuyển ngữ sang tiếng Anh, mang tên Mourning Headband for Hue.

Tóm tắt một cách ngắn gọn về nội dung Giải khăn sô cho Huế (Mourning Headband for Hue), Tiến Sĩ Olga Dror viết:

*"Việt Nam, Tháng Giêng, 1968. Trong khi cư dân Huế sửa soạn mừng Tết, khởi đầu của năm Âm lịch, Nhã Ca về thành phố để chịu tang thân phụ. Thịnh linh, chiến tranh bùng nổ, trùm lập và đổi thay tất cả. Sau một tháng chiến trận, thành phố đẹp đẽ bị tàn phá và hàng ngàn người chết. 'Dài Khăn Sô Cho Huế' kể lại những chuyện đã xảy ra trong cuộc Tổng công kích dữ dội của miền Bắc Việt Nam và đây là câu chuyện không màu mè về cuộc chiến, những kinh nghiệm từ các thường dân bị chìm trong bạo lực."***VÂN**

Chùa quê

THU NGUYỆT

Ngôi chùa nhỏ nằm khiêm tốn trong khoảng đất rộng đầy cây trái. Buổi tối, mùi nhang tỏa ra từ chánh điện hòa với mùi thơm trái chín đầu đổ trong vườn. Buổi sáng, tiếng chuông mõ công phu bình dị hòa cùng tiếng gà gáy sáng. Chùa Hải Huệ chỉ như một ngôi nhà lớn trong xóm, không mấy cách biệt, do vậy bà con trong ấp Mỹ Hưng Hòa hằng ngày lui tới với chùa rất tự nhiên, thân thiện. Ni sư trụ trì rất hiền lành, chất phác, nhu thuận. Không như ở thành thị, cứ thấy chùa to Phật lớn, quang cảnh đẹp là mọi người kéo nhau tới lễ bái, ít ai quan tâm tới chư tăng ở chùa ấy ra sao. Ở quê, mọi sinh hoạt trong chùa cả xóm đều biết. Chùa nào thầy trụ trì đức độ hiền lành là mọi người theo. Chùa ở quê rất nghèo, không có tiền nhưng đồ ăn thức uống thì dư giả. Mùa nào thức đó: mùa xoài thì chánh điện tràn ngập xoài, mùa nhãn thì vừa đến cổng chùa đã như bước vào vườn nhãn. Nhiều nhất quanh năm là chuối. Những ngày rảnh, Bé thường cùng mẹ lên chùa phụ quý cô ép chuối phơi khô. Chuối khô chất đầy trên mấy cái gióng tre treo trong nhà bếp, lâu lâu có lái buôn, chùa phải gởi đi bán bớt để lấy tiền mua nhang, mua dầu lửa thắp đèn. Người nào lên chùa cũng chỉ dâng cúng cây trái nhà mình. Cô trụ trì cứ nhìn những thứ trên tay họ mà hỏi thăm về vườn tược, thu hoạch, đời sống của họ. Chỉ đơn giản thế thôi nhưng tình nghĩa vô cùng ấm áp. Nhà có việc gì họ cũng kể cô nghe, từ việc mẹ chổng nạng dâu cho đến việc xích mích hàng xóm. Cô sống ở chùa từ nhỏ nên

cũng chẳng hiểu biết việc đời nhiều, nhưng cứ phải sắm vai nhà tư vấn tâm lý giáo dục để khuyên nhủ mọi người. Những lời khuyên cứ khuyên đi rồi khuyên lại, quanh quẩn bao nhiêu đó nhưng cũng tạm an lòng đôi chút. Lạ vậy, cũng những lời nói ấy, nhưng nếu người này nói thì ta cho là sáo ngữ, hoặc "biết rồi khổ lắm nói mãi...!" nhưng nếu người khác nói thì ta lại thấy chí lý. Cái đức, cái duyên là vậy.

Chùa quê những năm chiến tranh này không tổ chức lễ bái rình rang, nhưng người quê đi chùa chăm chỉ. Họ cầu an cầu siêu rất thiết tha. Trước tượng Quan Âm lúc nào cũng khói hương thành khẩn. Người quê tin vào Phật, Trời, Thần, Thánh một cách hồn nhiên, họ đâu cần biết Phật nói điều gì, trời như thế nào, thần thánh ra sao, chỉ nghĩ đơn giản rằng "đội ngũ cõi trên" ấy là điểm tựa cuối cùng của họ. Qui y Phật, qui y Tăng là chính, còn đối với giáo pháp cao sâu họ chưa đủ điều kiện tiếp nhận. Tuy vậy, với Phật, với Tăng họ đem hết lòng tin kính, có lẽ nhờ phước báu ấy mà đa số những bậc cao tăng thường được sinh ra ở các vùng quê. Và chùa quê là cái nôi giản đơn, mộc mạc đã nuôi lớn biết bao ý chí thanh cao thuần khiết.

Mẹ của Bé thường lên chùa làm công quả, dù không biết chữ, nhưng giờ tụng kinh, bà rất thành khẩn lên chánh điện qui, đợi tiếng chuông là cúi đầu lạy Phật. Chùa không có tổ chức thuyết pháp, lên chùa chỉ nghe tiếng tụng kinh, mà kinh thì đa số bằng tiếng Phạn, tiếng Hán khó hiểu, vậy mà theo tiếng mõ

tiếng chuông, tâm hồn những người dân quê cũng men men ven đường Chánh Pháp.

Ngày rằm, mừng một, cả nhà Bé đều đi chùa, phụ cô Sáu nấu nướng, dọn dẹp. Ni sư trụ trì rất mến Bé vì không như những đứa trẻ khác, bao giờ lên chùa chú cũng rất trang nghiêm, không leo trèo, phá phách, nghịch ngợm hay cười đùa lớn tiếng. Trái lại, chú rất siêng năng, thành kính lễ Phật, tụng kinh chăm chỉ. Nhìn dáng chú đứng chắp tay thành kính trước tượng Phật, cô thầm đoán trong đầu: thế nào cậu bé này cũng xuất gia. Cái duyên với Phật lộ rõ: mỗi lần đến chùa là chú cứ loanh quanh dọn dẹp lau chùi, phủi bụi xung quanh bệ Phật. Chú làm rất say sưa tỉ mỉ. Một chút bụi dính trong kẽ móng chân của tượng, chú cũng chồm người nhón chân lên lau thật kỹ. Có lần, cô bắt gặp chú đứng nhìn ngắm rất say sưa tượng đức Di Đà, cô hỏi:

- Con nhìn gì kỹ vậy?

Chú cười bẽn lèn:

- Sao con thấy thương ông Phật quá. Con muốn nữa mình cũng thành ông Phật giống ông.

Cô bật cười:

- Vậy con xin má cho đi tu đi. Tu rồi sẽ thành ông Phật như vậy.

Chú phụng phịu:

- Bữa hôm con có hỏi rồi, nhưng má hồng cho. Má nói con còn nhỏ, chùa hồng có chứa.

- Chứa chớ - Chợt thấy mình lỡ lời, cô dịu giọng - ờ, con cũng còn nhỏ, thôi đợi lớn lên chút nữa hen.

Cô xoa đầu chú, trong ánh mắt không giấu được một nét vui, kỳ vọng và tin tưởng.



Trọng Pháp

Soạn giả: THÍCH MINH CHIÊU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

Đời xưa, có một vị đại quốc vương tên là Tu Lâu Đà, thống trị rất nhiều chư hầu nhỏ. Oai đức của nhà vua rất to, nhưng Ngài cũng chưa mãn ý. Một hôm Ngài nghĩ: "Ta có một khuyết điểm lớn. Mặc dù ta dùng đức trị dân, đem tài lực để giúp người, song đó chỉ là nuôi sống phần vật chất, không được vĩnh cửu. Cần phải có một nền đạo giáo để trị muôn dân tu tỉnh. Ta phải tìm làm sao cho ra 'Pháp tài chân thật' để cho mọi người cùng nhờ đó mà giải thoát được mọi sự khổ não ở đời. Được như thế ta mới khỏi ân hận."

Nhà vua liền truyền rao khắp trong xứ: Ai có phép giải thoát đem truyền trao cho nhà vua, sẽ được gia thưởng như ý muốn. Qua một thời gian khá lâu, không thấy ai đáp lại lời kêu gọi của nhà vua. Ngài đâm lo nghĩ, buồn rầu khổ sở, ăn không ngon, ngủ không yên. Người ngoài cuộc, ai trông thấy cũng phải cảm động và thương hại cho Ngài.

Lúc ấy, có một vị Tỳ sa môn Thiên Vương, rõ được tâm trạng của Tu Lâu Đà, bèn hóa hiện làm thân một con quỷ Dạ xoa hình sắc ai thấy cũng phải kinh tởm: hai con mắt lồi to và đỏ như huyết, nanh vuốt nhọn bén, tóc tai bờm xờm, lửa đầy miệng. Quỷ đến chỗ vua, hô to lên rằng: "Ai muốn nghe pháp ta sẽ nói cho."

Nhà vua nghe thấy mừng lắm, vội đến nghênh tiếp, mời ngồi tòa cao, làm lễ đúng pháp để cầu nghe quên cả sợ hãi.

- Xin Ngài vui lòng bố thí cho chúng tôi một pháp tài để

cứu khổ cho nhơn sanh, ơn trọng vô cùng.

- Thân người khó được, chánh pháp khó gặp, đâu phải qua những nghi lễ tầm thường kém về tôn trọng như vậy mà có thể nghe được.

- Tôi xin sẵn sàng làm theo ý Ngài muốn, chỉ cốt hầu được nghe pháp, dù phải tan thân mất mạng cũng không sao.

- Quý lắm, nhà vua hãy đem Hoàng hậu và Hoàng Thái tử đến cho ta xem, xong rồi ta sẽ nói pháp cho nghe.

- Được tôi sẽ trân trọng làm theo ý Ngài muốn.

Trong khi ấy, tất cả triều thần đều nhao nhao phản đối:

- Bệ hạ làm thế hẳn tâm lắm, chúng tôi không tán thành! Bệ hạ giết chúng tôi trước, rồi sẽ thi hành cái cử chỉ thâm não ấy.

Nhà vua vẫn bình tĩnh, thản nhiên an ủi quần thần:

- Các khanh yên lòng, ta cũng biết thế là đau xót lắm, nhưng trong đời, hề có hợp rồi sẽ tan, không có gì là đáng quý cả, chỉ có chánh pháp mới là đáng quý, vậy dù đổi tánh mạng ta, ta quyết cũng không từ.

Trong khi quỷ Dạ xoa ăn thịt Hoàng hậu và Hoàng Thái tử, tất cả triều thần cùng cung phi mỹ nữ trong tam cung lục viện đều kêu gào, than khóc vô cùng thảm não. Tiếng kêu than náo động cả kinh thành, mong làm chuyển được lòng cương quyết của nhà vua, để Ngài xóa bỏ ý định. Nhưng nhà vua vẫn điềm tĩnh như thường, chỉ một mực chăm chờ nghe pháp.

Quỷ Dạ xoa sau khi ăn xong Hoàng hậu và Hoàng Thái tử liền vì vua mà nói bài kệ rằng:

"Tất cả các hành đều là vô thường,
Có sanh đều có khổ,
Năm ấm không thật tướng,
Không ngã và ngã sở."

Nhà vua nghe xong bài kệ vui mừng vô cùng, lòng không chút hối hận, liền truyền thân dân biên chép bài kệ ban khắp trong nhân gian, bắt phải đọc tụng, nhờ đó mà rất nhiều người được tỏ ngộ.

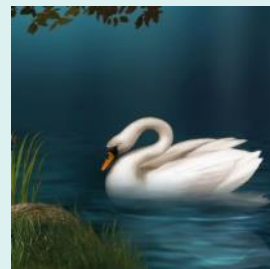
Lúc ấy, vị Tỳ sa môn Thiên Vương hiện lại nguyên hình và không tiếc lời khen ngợi:

- Quý hóa thay! Cao cả thay, tâm trọng pháp của nhà vua không ai sánh bằng. Hoàng hậu và Thái tử xin hoàn lại vẫn không sao cả. Chẳng qua là chỉ để thử lòng nhà vua mà thôi, thật không phải tôi đã ăn nuốt đi đâu. Tôi mong ngày sau Ngài sẽ đạt đạo Bồ đề độ muôn loài hàm thức.

Làm đau thương không gì hơn buồn. Bản tên độc không gì hơn ngu si. Không thể lấy sức mạnh gì trừ diệt được hai nỗi khổ ấy. Chỉ có học nhiều mới có thể trừ diệt được. Người mù sẽ nhờ học mà có mắt, người tối sẽ nhờ học mà sáng suốt. Nhờ học mới có thể chỉ đường cho mọi người. Có học như đem mắt cho người mù. Vậy phải rời bỏ ngục ngu si, xả lòng kiêu mạn và sự an hưởng giàu có, chuộng học nghe nhiều mới gọi là nhóm hợp công đức.



Con thiên nga được yêu quá **Aisaresugita hakuchou** của **Ogawa Youko** QUỲNH CHI dịch



Ở tận cuối trời phía Tây có một cánh rừng. Rừng sâu lắm, đến nỗi hề bị lạc vào rừng thì không bao giờ ra khỏi rừng được nữa. Ngọn cây trong rừng cứ lừng lững vươn cao tới vô tận, cành lá sum sê che khuất ánh mặt trời, mặt đất lúc nào cũng ẩm ướt. Đêm đến, khắp nơi chìm trong bóng tối đen như mực, chẳng thấy gì ngoài những đôi mắt phát ra ánh lân tinh của các loài động vật.

Ở cửa rừng có một chiếc chòi nhỏ, có một người gác rừng sống ở đây. Cha của người gác rừng và ngay cả cha của chính ông ta, cả dòng họ này chưa bao giờ sống bên ngoài khu rừng một lần nào cả. Người gác rừng có thân hình vạm vỡ, nâng dậy những cây đại thụ bị gãy đổ vì gió bão hay bắt trói những kẻ lén săn trộm trong rừng là những việc ông đều làm dễ như bỡn. Ông còn chỉ cho cô con gái bác nông dân nghèo một chỗ không ai biết có mọc nhiều nấm; hề bắt gặp chú nai tơ bị thương vì bị cáo vồ là ông chăm sóc cho nai suốt mấy đêm mà không hề chớp mắt. Ông không biết đến hình bóng mẹ, không biết trường học, không biết đến bạn bè, hoàn toàn xa lạ với chuyện sách đèn, đàn địch hay những chuyến viễn du. Anh em chẳng có, người yêu cũng không. Còn bao nhiêu chuyện người gác rừng chưa kịp biết mà nay đã sắp trở thành một ông già.

Đem làn gió của thế giới bên ngoài đến đây chỉ có người giao hàng của hiệu thực phẩm, cứ cách mười hôm lại chường mặt ở căn chòi này. Đó là một chàng trai trẻ tốt bụng tính tình xởi lởi, hề người gác rừng mời trà là cậu ta không bao giờ

từ chối. Cậu ta ngồi xuống chiếc ghế trước lò sưởi, thao thao bất tuyệt kể chuyện và sự tình dưới phố. Người gác rừng lặng yên lắng tai nghe, hề trong tách không còn trà là ông liền châm thêm, thật tình mà nói là những chuyện dưới phố thì chuyện gì ông cũng thấy mơ hồ cứ như là chuyện trong mơ. Thế nhưng để cậu trai trẻ đang kể chuyện thật hào hứng khỏi cắt hứng, ông không quên lựa lúc gặt đầu thù đáp lại.

Cái mà ông háo hức chờ đợi hơn cả câu chuyện của chàng trai, là vốc kẹo mà mỗi lần cậu ta đều để lại làm quà cho ông:

"Của bác đây ạ."

Chàng trai hồn nhiên thọc tay vào túi áo lấy ra một vốc kẹo. Đó là dấu hiệu cho biết cậu đã ngắt chuyện sắp đứng lên.

Người gác rừng trân trọng ngậm từng viên kẹo, chờ cho đến ngày giao hàng lần tới. Quả là có nhiều loại kẹo khác nhau. Có viên kẹo có vị của trái cây, có viên hương vị thật lạ lùng huyền bí, không đoán ra được là vị gì. Có viên hình dáng tròn trĩnh khả ái, có viên gói giấy đủ màu kêu sột soạt.

Mỗi ngày sau khi xong việc về đến căn chòi, trước hết người gác rừng nhón một viên kẹo trên bàn bỏ vào miệng. Đôi khi ông ta do dự mãi không biết hôm nay nên chọn kẹo màu nào, cố nhớ xem ngày hôm trước đã ẶN kẹo màu gì, mà mãi vẫn không nhớ ra, rồi cuộc đành chọn viên kẹo đang ở ngay trước mặt. Khoảng thời gian vừa ngậm viên kẹo cho tan trong miệng, vừa chờ cho

ngọn lửa trong lò sưởi cháy bùng lên là những khoảnh khắc hạnh phúc nhất trong ngày.

Một hôm, người gác rừng bắt gặp một con thiên nga trên mặt hồ. Hồ nước ở sâu tận trong khu rừng thẳm, nơi mà họa hoằn lắm mới có người thợ săn nào đó đặt chân tới được. Nước hồ lạnh lẽo trong suốt đến nỗi cả mặt trời lẫn trăng sao hay tất cả những gì trên nền trời đều phản chiếu y như thể trên mặt nước. Bất cứ ai, lần đầu thấy hồ này, chắc hẳn đều rơi vào ảo giác tưởng như có thêm một bầu trời nữa ở đây.

Thiên nga nhẹ lướt trên mặt nước không phát ra tiếng động. Người gác rừng đã để ý theo dõi xem có phải là thiên nga bị lạc đàn, hay bạn của nó còn ẩn mình đâu đó. Nhưng đợi mãi vẫn chỉ thấy một mình thiên nga, chẳng có vẻ gì là sẽ cất cánh bay đi hay chờ bạn bay đến.

Thiên nga ngẩng cổ lên thật cao, chỉ nhìn về phía trước. Bộ lông trắng nuốt không một vết nhơ, không dính đến ngay cả một chút nào của những giọt nước bắn lên.

Người gác rừng hết sức thận trọng tiến đến gần bờ nước, và thử phát ra những âm thanh ngẫu hứng bắt chước tiếng chim kêu, nhưng thiên nga vẫn chẳng hề quay nhìn lại cho một cái, mà cứ nhón nhơ bơi lội trên mặt nước.

Thế rồi từ đó mỗi buổi sáng, người gác rừng đều đi qua hồ. Ngoài mặt là viện cố lo cho số phận của thiên nga bị cả đàn chim thiên di bỏ lại một mình, nhưng thật ra là ông đã bị vẻ đẹp của bộ lông trắng rực

rỡ trong sương sớm hớp hết cả hồn vía mất rồi.

Người gác rừng hết sức chú ý để không làm cho thiên nga kinh hãi. Ông tìm chỗ đất mềm để bước đi mà không phát ra tiếng động; ban đầu còn ẩn mình trong bụi cỏ, rồi liệu chừng mà từ từ lộ dạng. Ông cứ lảng lạng nhìn theo bóng dạng thiên nga, chứ không vỗ tay hay lấy sỏi ném hòng được thiên nga quay lại.

Được vài hôm, thiên nga cũng dần dần chấp nhận sự có mặt của người gác rừng. Giai đoạn lãnh đạm không thềm thêm xìa cũng trôi qua, đã đến thời điểm dung nạp nhau. Hễ bắt gặp người gác rừng là thiên nga rung đội cánh một cái, hoặc lấy mỏ vỗ xuống mặt nước hay làm một cử chỉ ra dấu nào đó. Người gác rừng lúng túng không biết đáp lại như thế nào, ngượng ngùng cúi chào như thể lần đầu tiên gặp một người lạ.

Đối với người gác rừng thì tiếng vỗ cánh của thiên nga là tiếng nhạc, những gợn sóng loang ra trên mặt hồ là bức họa, chiếc mỏ trắng của thiên nga là tác phẩm điêu khắc, đôi mắt của thiên nga là châu báu ngọc ngà.

Một buổi sáng, thiên nga đã đến tận bờ nước chỗ người gác rừng đang đứng, dừng lại nhìn ông ta hồi lâu. Thiên nga đến gần nhìn càng trắng nuốt. Trắng đến nhức mắt. Và mới cao sang, uy nghi lắm liệu làm sao.

Người gác rừng lúng túng muốn nói nhưng cuống quít không thốt được nên lời. Lại sợ nếu cứ im lặng thế này mãi, sẽ bị thiên nga hiểu lầm mà không ngó ngang tới mình nữa. Mặt trời đã lên cao, soi bóng những hàng cây xuống mặt hồ. Tiếng chim hót vắng vắng xa xa và vọng lên bầu trời cao.

"Tôi là người gác khu rừng này."

Ông ta chỉ nói được mỗi một câu như thế.

Mỗi buổi sáng, thiên nga và người gác rừng đã có được những giây phút bên nhau. Người gác rừng đã phạt các

loại dây leo bên bờ hồ cho khỏi vướng vào cánh thiên nga, đặt bẫy cho chó sói khỏi đến gần. Ông vỗ tay tán thưởng hình dáng đẹp đẽ khi thiên nga lượn vòng trên mặt hồ, canh giữ cho đôi cánh nghỉ, cùng thiên nga tắm ánh sáng ban mai. Không một thứ gì quấy rầy họ cả.

Người gác rừng cảm thấy như thế vẫn chưa đủ mà còn muốn làm một cái gì đó nữa cho thiên nga, ông nghĩ bụng hẳn là còn có thể làm được điều gì đó cho thiên nga. Ban đêm, trước khi chìm vào giấc ngủ, ông luôn nghĩ đến vẻ cao sang của thiên nga mà tự thán về sự bất cập của mình. Chỉ nghĩ không biết thiên nga đang ngủ như thế nào, ông đã thấy đau tức cả ngực, thấy mình không phải với thiên nga, vì mình được ngủ trên giường cho dù là thô sơ đến mấy, ông bèn lăn xuống sàn nhà nằm ngủ mà không dám đắp chăn.

Người gác rừng chợt nghĩ ra, phải rồi, hãy đem cho thiên nga thứ mà mình quý nhất. Sáng hôm đó, trước khi ra khỏi nhà, ông ta đã bốc một vốc kẹo trên bàn cho vào túi.

"Cái này thì cũng xoàng thôi ạ."

Người gác rừng lấy trong túi của mình ra một viên kẹo. Viên kẹo màu gì cũng rất hợp với màu trắng của thiên nga.

"Nhưng nếu thấy được thì..."

Người gác rừng bóc giấy gói kẹo, rồi để viên kẹo trên lòng bàn tay mà chìa ra. Thiên nga lấy đầu mỏ mổ viên kẹo vài cái ra chiều lưỡng lự.

"Nào, xin mời."

Thiên nga ngược nhìn người gác rừng một cái, rồi ngoạm viên kẹo vào mỏ, nghiêng đầu đoạn nuốt chửng. Viên kẹo rơi vào cổ họng thiên nga, chiếc cổ hơi gợn lên cho thấy kẹo đang rơi xuống cổ họng thiên nga.

Người gác rừng đã từ bỏ niềm vui duy nhất vào buổi tối của mình. Đem so với thời khắc cùng với thiên nga vào

buổi sáng thì có phải từ bỏ niềm vui ấy, ông cũng không chút nào hối tiếc. Ông đem tất cả chỗ kẹo mà chàng trai tới giao hàng để lại cho mình để làm quà cho thiên nga.

"Này cậu, phiền cậu một chút."

Người gác rừng đã nhờ chàng trai giao hàng một việc.

"Nếu có thể, cậu cho tôi thêm một năm kẹo nữa được không?"

Chàng trai trẻ tốt bụng đáp lại không chút nề hà:

"Vâng được, dễ thôi ạ."

Ồ, thế là có thể đem thêm thật nhiều kẹo ra bờ hồ được rồi. Người gác rừng cầm lấy tay chàng trai mà cảm ơn mãi.

Mỗi ngày từ một viên kẹo nay thành hai viên, rồi sáu viên, mười hai viên. Cuối cùng chỉ một vốc tay không đủ, người gác rừng chia cả hai bàn tay đầy kẹo ra. Dù có bao nhiêu viên, thiên nga cũng cứ lấy mỏ ngoạm từng viên một mà nuốt.

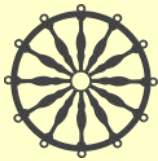
"Nào, xin mời. Nào, nữa nào."

Những viên kẹo đủ màu biến vào trong bộ lông trắng ngần. Người gác rừng cảm thấy thật sung sướng.

Một buổi sáng, người gác rừng vừa lấy tay chặn giữ chiếc túi căng phồng vì đựng đầy kẹo vừa đi ra bờ hồ, thì không thấy bóng dáng thiên nga đâu cả. Sức nặng của những viên kẹo đã khiến thiên nga bị chìm xuống đáy hồ, thành một giọt nước trong hồ. Người gác rừng lại chỉ còn có một mình.

(Nguồn: ngoctbao.org)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST
4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bổn phận của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nổi dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tự tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phần nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trăn trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lời, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tấc đất \$200 (để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế).

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gởi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyến thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gởi về:
 Hòa Thượng Thích Nguyên Trí
 Bát Nhã Buddhist Temple
 4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703
 Phone: 1(714)548-4148 Tel:(714)571-0473
 Bank Account #: 325063638819
 Routing #: 026009593
 BANK OF AMERICA



DINH DƯỠNG VÀ VẬN ĐỘNG CƠ THỂ

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Nhiều vận động viên thể thao cho rằng được huấn luyện tốt là đủ để đạt thành tích cao. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu đã cho thấy rằng một chế độ ăn uống với chất dinh dưỡng cân đối, và đầy đủ sẽ có nhiều ảnh hưởng tốt với thành tích đạt được của các vận động viên trong thi đấu cũng như khi tập luyện hàng ngày.

Chất dinh dưỡng là thực phẩm mà ta tiêu thụ để cơ thể tăng trưởng và duy trì sức khỏe. Có khoảng trên 50 chất dinh dưỡng chính, cần thiết. Các chất này có trong nhiều loại thực phẩm khác nhau và chia ra làm sáu nhóm căn bản: chất đạm (protein), chất béo (lipid), chất bột đường (carbohydrat), sinh tố, khoáng chất và nước. Mỗi loại thực phẩm đều có một hỗn hợp của hai hay nhiều các nhóm chính kể trên.

Các vận động viên thể thao tiêu dùng nhiều năng lượng cho nên họ cần nhiều carbohydrat, chất đạm, chất béo hơn người thường.



CARBOHYDRATES

Chất carbohydrat

Đây là nhóm hợp chất gồm có các nguyên tố *carbon*, *hydrogen*, *oxygen*, và là nguồn năng lượng quan trọng của cơ thể. Carbohydrat tiêu thụ được tồn trữ ở gan, cơ thịt dưới hình thức *glycogen*.

Carbohydrat được chia ra làm hai loại:

Carbohydrat đơn như đường, kẹo, chất ngọt trong nước uống có hơi, và chỉ cung cấp năng lượng, không có sinh tố, đạm chất hay khoáng chất.

Carbohydrat phức tạp có trong ngũ cốc, gạo, khoai, trái cây, rau, nước trái cây...

Từ lâu, các nhà chuyên môn đã nhận thấy

rằng khi tiêu thụ một số lượng lớn carbohydrat, cơ thể sẽ chịu đựng được sự tập luyện lâu dài vì chất này kích thích cơ bắp, tăng lượng glycogen tồn trữ, do đó tăng năng lượng cần thiết cho sự vận động.

Với một vận động ngắn hạn nhưng cần nhiều sức lực thì carbohydrat là nguồn năng lượng chính; sau độ 20 phút thì một số lượng chất béo được sử dụng để tăng cường thêm nguồn năng lượng. Khi tiếp tục kéo dài thời gian vận động thì năng lượng do chất béo và carbohydrat cung cấp đồng đều.

Trong trường hợp vận động cần ít sức lực và kéo dài đều đặn như đi bộ thì nguồn năng lượng chính lại do chất béo cung cấp. Vì thế nhiều người đi bộ để bớt vòng hông và vòng bụng.

Để đạt hiệu quả tốt nhất, các vận động viên nên tiêu thụ nhiều carbohydrat theo lịch trình như sau:

- Một tuần lễ trước khi thao dượt, nên ăn ít carbohydrat, nhiều đạm đồng thời tập dượt hết sức.

- Ba ngày trước khi biểu diễn, giảm tập dượt, ăn nhiều carbohydrat trong khoai, gạo, đậu, bắp, chuối, táo, bột, trái cây, rau...

Chất đạm (protein)

Chất đạm có nhiều trong sữa, thịt súc vật, trứng ...

Vận động viên không cần tăng số lượng protein khi tập luyện nặng, vì khẩu phần bình thường, cân đối theo tỷ lệ khuyến cáo đã cung cấp đủ nhu cầu rồi. Trong thực tế, vì cơ thể chỉ



sử dụng đạm cho nhu cầu năng lượng khi carbohydrat và chất béo không đáp ứng đủ, nên khi gia tăng mức độ hoạt động thì nguồn cung cấp năng lượng chính không phải là chất đạm. Tiêu thụ nhiều chất đạm quá sẽ có hại vì cơ thể phải thải thêm chất bã nitrogen qua đường tiểu tiện, làm cho thất thoát nhiều nước và calcium.



Chất béo

Với mức độ tập luyện trung bình, chất béo cung cấp 50% tổng số năng lượng cần thiết. Nhiều chất béo quá sẽ gây trở ngại cho sự tiêu thụ chất đạm và carbohydrat và có thể gây ra vài bệnh mạn tính như bệnh tim, tiểu đường, vài loại ung thư. Một khẩu phần có 30% chất béo là đủ.



Nước

Cơ thể chứa 65% dung dịch chất lỏng. Do đó dùng đủ khối lượng nước là điều cần thiết cho các vận động viên. Khi uống đủ nước, vận động viên biểu diễn tốt hơn là thiếu nước. Nước cần để làm giảm bớt nhiệt sinh ra trong khi tập dượt, làm máu lưu thông tốt, mang dưỡng khí và thực phẩm cho các cơ bắp đang làm việc. Ngoài ra nước cũng cần cho các chức năng của não bộ như phối hợp, tập trung tư tưởng, suy nghĩ trong lúc tập dượt.

Với người ít hoạt động, cơ thể cần ít nước hơn so với người hoạt động nhiều. Vì thế, các vận động viên cần rất nhiều nước khi tập luyện

hay thi đấu. Một người hoạt động trung bình mỗi ngày phải uống từ 6 tới 8 ly nước (1,5 lít – 2 lít) và người vận động nhiều thì cần nhiều hơn.

Mất nước làm cơ thể mệt, làm xáo trộn sự điều hoà thân nhiệt, chức năng của tim và các phản ứng sinh hóa ở bắp thịt. Đôi khi sự tập luyện làm giảm cảm giác khát, nên các vận động viên cần uống nước đều đặn, nếu chờ tới khi cảm thấy khát mới uống thì thường không cung cấp đủ nước cho cơ thể.

Các vận động viên thể thao nên uống khoảng 1/2 lít nước trước buổi tập khoảng 15 phút, rồi sau đó uống đều đặn. Nếu buổi tập dượt kéo dài, thì cứ khoảng năm phút lại uống một chút nước, đôi khi chỉ cần nhấp một ngụm cũng đủ.

Cần uống nước mát chứ không lạnh quá. Sau khi tập dượt, cũng cần uống một lượng lớn nước để giúp cơ bắp và não bộ hồi phục lại.

Trên thị trường, có nhiều loại nước uống gọi là nước giải khát thể thao trong đó khoáng chất chính là sodium, chlorine, potassium, cộng thêm chất đường và được quảng cáo là để thay thế nước và khoáng chất mất đi trong khi vận động. Nhưng trừ trường hợp mình vận động ráo riết ngoài trời nắng bức, còn bình thường thì khoáng chất cũng không mất đi quá số lượng dự trữ trong cơ thể.

Có nhiều nghiên cứu cho là khi uống các dung dịch này trong các cuộc tập luyện căng thẳng và kéo dài sẽ giúp vận động viên chịu đựng lâu hơn và tăng khả năng vận động. Thực tế là các loại nước giải khát này có vị ngon nên các vận động viên cũng thấy thích hơn là nước lã.



Sinh tố và khoáng chất

Kinh nghiệm cho hay các vận động viên không cần nhiều sinh tố hơn người bình thường vì sinh tố không được dùng để tạo ra năng lượng. Có người cho rằng uống nhiều sinh tố C có thể làm tăng tính miễn dịch. Thực ra sự gia tăng này chỉ xảy ra khi tính miễn dịch giảm hơn mức bình thường, còn nếu không thì sinh tố C chẳng có tác dụng gì.

Trong số các khoáng chất, vận động viên trẻ cần tiêu thụ thêm calcium để làm chắc xương và sắt để tạo hồng huyết cầu.



Sinh tố và khoáng chất dùng phụ thêm không cần thiết khi các chất đó có tự nhiên trong thực phẩm với chế độ dinh dưỡng cân bằng. Đôi khi việc tốn nhiều tiền để mua sinh tố có thể là phí phạm.

Khi tập luyện kéo dài, cơ bắp thường sinh ra *acid lactic*. Khi lượng acid này lên quá cao, cơ bắp sẽ đau nhức, đôi khi đến mức làm cho vận động viên không thể tiếp tục được. Muốn tránh trở ngại này, nhiều người khuyên nên uống một ít *baking soda* để làm trung hòa *acid lactic*.

Vài trường hợp đặc biệt

- Đối với các vận động viên ăn chay thì một chế độ ăn uống có nhiều carbohydrat, ít chất béo cũng làm tăng hiệu năng tập luyện, dù rằng không dùng chất đạm động vật. Các loại hạt hay đậu nành cũng có thể cung cấp đủ chất đạm. Tuy nhiên, vận động viên cần dùng thêm sinh tố B 12, calcium, vì khi không ăn thịt, uống sữa sẽ rất dễ thiếu những chất này.

Các vận động viên nữ cần kiểm tra để phòng thiếu chất sắt khi không ăn thịt động vật.

- Các vận động viên mắc bệnh tiểu đường loại I (cần điều trị bằng insulin) có lợi điểm là nhờ tập luyện mà có thể giữ mức độ đường trong máu bình thường, mức độ cholestérol và huyết áp thấp. Nhưng đôi khi họ cũng có nguy cơ mức đường huyết xuống quá thấp, nên cần ăn thêm một ít chất carbohydrat khi nào thời gian tập luyện kéo dài.

Người bị tiểu đường loại này nên tập luyện khoảng 1/2 giờ sau khi ăn, hoặc là vào thời điểm mà nồng độ Insulin lên cao nhất. Tập luyện vào buổi sáng là tốt hơn cả, tránh buổi chiều.

- Một số vận động viên còn dùng thêm vài chất khác để tăng cường khả năng tập luyện và thi đấu, như kích thích tố nam (*anabolic steroid*), *créatinine*...

Trong thế chiến thứ hai, kích thích tố nam đã được Đức Quốc Xã cho đoàn quân chủ lực SS dùng để làm tăng khả năng chiến đấu. Trong các cuộc tranh tài tại Thế vận hội vào thập niên 50, các vận động viên Nga cũng dùng chất này để tăng cường sức lực. Kể từ năm 1974, chất này bị Thế Vận Hội cấm dùng vì tác dụng không tốt, nên các lực sĩ đều được kiểm tra trước khi đấu xem có vi phạm luật hay không.

MỠI NỖI BUỒN MANG MỘT TÊN RIÊNG

*Mỗi nỗi buồn mang tên một gã đàn ông
em xếp lại cho ngay vắn dễ đếm
những cái tên thương ngày phải kiếm
vân hôn nhiên chễm chệ ở đầu hàng*

*Mỗi nỗi buồn mang tên một đóa tình nhân
em đẹp thêm mỗi sau một phiên chợ
để suốt suốt nhiều hơn vào tráo trở
nên nụ hôn đôi lúc cũng rất... tình người*

*Có nỗi buồn mang tên đức Chúa trời
cây thập giá ngã ba lòng thông ân phước
mười ngón tay mân mê miền cứu chuộc
môi mép còn rên rĩ phúc âm ai?*

*Có nỗi buồn mang tên đấng Như lai
vườn ngộ tịnh luân hồi đêm Tam bảo
em vô niệm vô chấp vô ý ao
hoá thân đâu? mờ mịt khói nhang thiền*

*Mỗi nỗi buồn mang một cái tên riêng
em thích nhất tên nỗi buồn Tận Thế!*

thơ NGUYỆT THẢO

Có vài điều cần chú ý khi dùng chất *hormon* nam là sức mạnh đạt được không kéo dài, mà lại mau kiệt sức. Ngoài ra, thuốc có thể gây ra vài bệnh như sưng nhiễm hệ tuyến, bệnh tim, gan...

Chất *creatinine* làm tăng khối lượng bắp thịt khi dùng với liều lượng nhỏ, trong thời gian ngắn.

Kết luận

Tóm lại, một chế độ ăn uống đầy đủ và cân đối dinh dưỡng như carbo hydrat, chất béo, đạm, sinh tố và khoáng chất sẽ giúp vận động viên tập luyện và thi đấu hiệu quả hơn, bền bỉ hơn.

Nên lưu ý rằng nước rất cần cho mọi hình thức vận động. Cần cẩn thận khi dùng *anabolic steroid* và *créatinine*.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Năm

(kỳ 2, tiếp theo)

Thầy Huệ An bước đến gần, cười khi với tôi khiến tôi giật mình quay trở về với thực tại. Thầy nhìn tôi, ngoéo đầu một bên, ngăm nghĩa một lúc, rồi vừa cười vừa nói, vừa bỏ đi chỗ khác:

“Biết rồi, biết rồi!”

Cả tôi và thầy Thông Chánh đều chẳng rõ thầy ấy biết gì mà nói là biết rồi. Chúng tôi được cô Bảy dọn cho một mâm cơm ở phòng ăn nhỏ gần nhà bếp. Nhìn tôi, cô nói:

“Chao ôi, chú Khang bây giờ cao lớn quá, lại rắn chắc nữa. Chắc chú có làm ruộng làm rẫy phải không?”

“Dạ, có,” tôi cười đáp.

“Tội nghiệp chưa. Mấy thầy mấy chú ở các nơi khác bây giờ phải làm việc cực nhọc suốt ngày, đâu có thì giờ tu học. Chú về đây ở luôn đi, ở đây đâu có làm việc dữ vậy. À, mà nghe nói chú bị bệnh, phải không? Vậy thì về đây dưỡng bệnh luôn, đừng đi đâu nữa nha.”

“Chú ấy dự định trở về đây đó, cô coi chùa mình đủ gạo nuôi chú ăn không?” thầy Thông Chánh vừa cười vừa nói chen vào.

“Mô Phật, hồi trước ở đây có trên hai trăm thầy, bây giờ

về hết còn có mười mấy thầy thì chuyện cơm gạo đâu có khó khăn gì! Mười chú, hai chục chú như vậy chùa cũng còn lo được nữa là...”

Cô Bảy xuống bếp trở lại. Tôi dùng cơm mà suy nghĩ vẫn vơ. Trong luật chùa, người thợ trai chỉ được nghỉ đến công lao khó nhọc của nhiều người đã mang đến thức ăn cho mình chứ không được phóng tâm nghĩ tưởng qua chuyện khác. Tôi đã tập quen với sự ăn cơm trong chánh niệm như vậy rồi, nhưng không hiểu sao hôm nay, tôi lại buông thả tâm ý dễ dàng như vậy. Tôi đang nghĩ về chuyện cơm gạo trong chùa qua vài câu trao đổi khi này giữa thầy Thông Chánh và cô Bảy. Rõ ràng là từ gần một năm nay, sau biến cố 1975, vấn đề thực tế cơm gạo đã trở thành điều phải quan tâm của những người đang ở chùa. Đành rằng người xuất gia phải nhớ nghĩ đến công lao của những người tạo ra cơm áo cũng như những người mang áo cơm đến cho mình. Tức là cũng đã dành thời giờ trong ngày để nghĩ về nguồn gốc cơm áo. Nhưng khi chuyện cơm áo trở thành điều kiện để dung nạp một người vào chùa, thì điều này đã làm mất đi phần nào sự thơ mộng của đời sống,

cũng như đã làm giảm đi rất nhiều tình cảm cao đẹp nhẹ nhàng giữa những người trong chùa với nhau. Trở về chùa Hải Đức này, tôi đã không gặp khó khăn gì trong chuyện *khẩu phần* ăn uống (nói theo cách nói của thời đại) hay phòng ốc—vì dù sao Hải Đức cũng là ngôi chùa gốc mà tôi đã thể phát xuất gia trước kia, và thầy Hải Tuệ bốn sư của tôi hãy còn gánh trách nhiệm nặng nề nơi đây. Tuy nhiên, thử tưởng tượng, nếu một vị tăng sĩ lạ từ đâu đến xin tá túc tu học mà những thầy có trách nhiệm ở đây phải suy tính—dù chỉ một vài giây thoáng qua—về vấn đề khẩu phần cơm gạo... thì quả là cửa thiền đã nhuốm mùi tục lụy. Trước năm 1975, thầy Thông Chánh, cũng như tôi, chỉ biết lo chuyện tu học, có đời nào lại mở miệng ra nói đùa một câu về chuyện cơm gạo! Có lẽ ngôi viện Hải Đức đồ sộ này đang lâm vào cảnh bề tắc kinh tế thế nào đó mà tôi chưa được rõ. Tôi nhớ lại ngôi chùa Long Tuyên ở Hội An mà tôi vừa rời xa mới tuần lễ. Ở đó, từ khi lớp học bị giải tán vào tháng ba năm 1975, học tăng chúng tôi phải làm việc suốt ngày suốt tháng để tự túc kinh tế. Long Tuyên là ngôi chùa ở vùng quê, có ruộng vườn để canh tác. Còn

viện Hải Đức trên núi cao này... chỉ được cái là có cảnh đẹp. Nếu phật-tử không đóng góp cúng dường, chẳng rõ nguồn tài chánh căn bản sẽ đến từ đâu-tôi quên khuấy đi rằng ngay từ lúc nhỏ mới xuất gia, tôi đã từng biết rằng viện còn có xưởng vị trai hỗ trợ kinh tế. Tự dưng tôi phải quan tâm đến vấn đề đó, quan tâm thực sự, không còn chút thờ mộng nào sót lại trong tâm hồn. Tôi hỏi thầy Thông Chánh:

"Viện mình có làm ruộng làm vườn hay sản xuất chi không vậy thầy?"

"Ồ... ban giám đốc cũng có tính đó, nhưng chưa quyết định. Nghe nói là Thượng tọa Đồng Minh sẽ giao một số công việc cho anh em làm ở hăng vị trai. Chú biết là trước kia tài chánh của viện là nhờ bên hăng vị trai đài thọ chứ gì? Bên hăng lâu nay chỉ do một số cư sĩ đảm trách. Nay có lẽ sẽ mở rộng thêm nhiều ngành nghề sản xuất khác, rồi đưa tăng sĩ của giáo hội, đặc biệt là nhân sự của viện Hải Đức, vào công tác. Thời buổi này, ở chùa nào cũng vậy thôi. Phải lo tự túc kinh tế. Ít nhiều gì thì anh em mình cũng phải bắt tay vào công việc ở hăng vị trai là công việc sản xuất tiểu thủ công nghệ, cũng nhẹ nhàng chứ không quá nặng nhọc và chiếm nhiều thì giờ như công việc ruộng rẫy ngoài Hội An mà chú từng trải. Nhưng đó là chuyện tương lai, bây giờ chú đang bệnh, lo dưỡng bệnh cái đã. An đi."

Qua ngày hôm sau, trong bữa điểm tâm tại phòng ăn, tôi được gặp đầy đủ tất cả nhân sự còn sót lại của viện. Tính tổng cộng cả thầy khoảng chừng trên hai mươi người, một con số quá nhỏ so với khu viện rộng lớn. Hầu hết quý thầy ở đây tôi đều biết và họ cũng đều biết tôi. Duy có thầy

Tuệ Sỹ là tôi mới gặp lần đầu. Năm 1974, khi Phật học viện Trung Đẳng Hải Đức đổi thành Viện Cao Đẳng Phật học, thầy Tuệ Sỹ được mời từ Sài Gòn về để giảng dạy cho sinh viên tăng tại đây. Lúc đó, tôi đang học tại Phật học viện Quảng Nam ở Hội An nên không được biết thầy.



Tôi từng nghe tiếng cũng như đã có đọc bài của thầy viết trong tờ Tư Tưởng, Vạn Hạnh. Tôi cũng có mua vài cuốn sách của thầy viết và dịch. Nhưng sách của thầy, tôi đọc mà chẳng hiểu gì mấy vì chưa đủ trình độ. Chỉ có mấy bài thơ của thầy là tôi mê và thuộc lòng. Thầy Tuệ Sỹ nhỏ người, ốm. Nước da ngăm đen. Trán thấp, nhưng lông mày rậm đen làm nổi bật đôi mắt sáng, thông minh và hiền từ. Đôi hàng lông mi của thầy cũng đặc biệt: cong, dài và đen sậm như loại lông mi giả mà trước khi xuất gia, tôi từng thấy các chị của mình dùng để gắn chõng lên lông mi thật của họ. Sóng mũi thầy cao, thanh. Môi thường mím, nhưng khi nói cười thì biểu lộ cả một trời phóng khoáng, cởi mở. Thầy làтип người rất lời cuốn kẻ khác. Lần đầu gặp thầy, tôi đã mến thích ngay.

Trong ngày đó, mẹ tôi đã lên viện để tìm thăm tôi. Bà vẫn gầy ốm như xưa, nhưng trông héo hắt, buồn bã và đầy âu lo. Cho đến lúc đó, tôi vẫn chưa cảm thông được

hoàn cảnh của mẹ, của gia đình. Mấy năm xa nhà, tôi chỉ biết lo tu học, hầu như không màng gì đến chuyện gia đình của mình nữa. Nay về đến Nha Trang, gặp mẹ, tôi vẫn còn mù tịt không biết gì hơn về gia đình vì mẹ tôi chẳng bao giờ hé miệng, mà cũng vì tôi không phải là người biết gợi chuyện cho mẹ nói.

Vài ngày sau là đến Tết. Tôi xin phép thầy Hải Tuệ về thăm nhà vào đúng ngày mồng một. Tôi đi bộ từ viện về đến nhà-ngôi nhà năm xưa với bao kỷ niệm ấu thời mà tôi biết là vẫn còn đó. Nhưng từ xa nhìn về hướng nhà, tôi đã ngạc nhiên không thấy giàn bông giấy đỏ rực trước ngõ mà xưa nay, nó chính là điểm dấu nổi bật nhất của nhà tôi trên

suốt con đường Nguyễn Thái Học này. Đó là giàn bông giấy rậm rịt đan qua cái cổng dẫn vào nhà. Giàn bông với hai gốc già tuổi hơn tôi, nghe nói là do ông ngoại tôi trồng lấy, nay đã bị bứng đi. Ngõ trước bây giờ trở nên trống vắng, trơ trụi thế nào ấy. Ngay cả bức tường thành quét vôi trắng cũng bị đập vỡ hai phần, chỉ còn lại một phần nhỏ hai bên cổng vào. Qua cổng rồi, tôi lại còn ngạc nhiên hơn nữa khi biết rằng hơn một nửa cái sân lót gạch phía trước cũng đã được dựng lên trên đó một căn phòng, đóng bằng ván ép, bít bùng. Cái sân chơi này là thế giới thần tiên của bọn nhỏ chúng tôi hồi đó. Và làm sao tôi có thể quên được ở phía bên phải cái sân chơi, có cái cửa sổ nhỏ của nhà bên cạnh mà cô bé tên Xù thường lấp ló nhìn qua, rồi trốn nấp... một dạo xưa. Cảnh cũ giờ này không còn gì nữa. Trước mắt tôi là một thế giới bít bùng, tường vách, ván gạch, chen chúc như giành nhau từng tấc đất, không kể gì những không gian, những khoảng trống thờ mộng cần thiết. Tôi ngỡ ngẩn

đứng giữa khoảnh sân còn lại, nhìn vào nhà trong, không dám tin rằng đây là căn nhà xưa mà tôi từng lớn lên. Biết đâu chừng tôi lạc vào nhà người hàng xóm, vốn cũng có gạch tường vôi với mái ngói âm dương y hệt! Vừa lúc đó, đứa em trai út của tôi cùng đứa cháu trai nhỏ gọi tôi bằng cậu, từ phía sau cái hẻm nhỏ bước ra. Thấy tôi, chúng mừng rỡ, kéo tôi vào nhà sau. Nhà sau hồi xưa chỉ là nhà ở tạm của gia đình cậu Hai (anh ruột mẹ tôi), nay trở thành "nhà tôi." Và "nhà tôi" của năm xưa thì nay đã đổi chủ. Chủ mới chẳng ai xa lạ, cũng là đứa em con cậu của tôi thôi. Người em con cậu của tôi với tư cách cháu đích tôn của ông ngoại, đã về chiếm ngự căn nhà từ đường của tộc họ mà trước năm 1975 không ai chịu ngó ngang tới ngoại trừ mẹ tôi. Còn căn phòng đóng băng vẫn ép ở sân trước thì là "nhà" của cậu Tư của tôi, tức là cha ruột của người em con cậu ấy. Mơ tôi mất từ lâu nên cậu tôi bước thêm bước nữa, có hai con với một người đàn bà góa chồng. Cả bốn người sống trong căn phòng nhỏ trước sân đó. Rõ ràng đất nước thay đổi thì nhà tôi cũng đổi chủ và đổi luôn cả cái bề ngoài phong quang cổ kính của ngày cũ.

Bây giờ, cả gia đình tôi, phải chen chúc nhau vào cái nhà sau ấy. Cũng may là gia đình cậu Hai (ông Nguyễn Hữu Lộc, bị Việt Minh từ hình từ trước năm 1954. Trước năm 1975, ở thành phố Qui Nhơn có con đường mang tên cậu) chỉ còn mơ và ba người con gái, vì đã có nhà khác nên mới nhường cái nhà sau cho gia đình tôi có chỗ che mưa núp nắng.

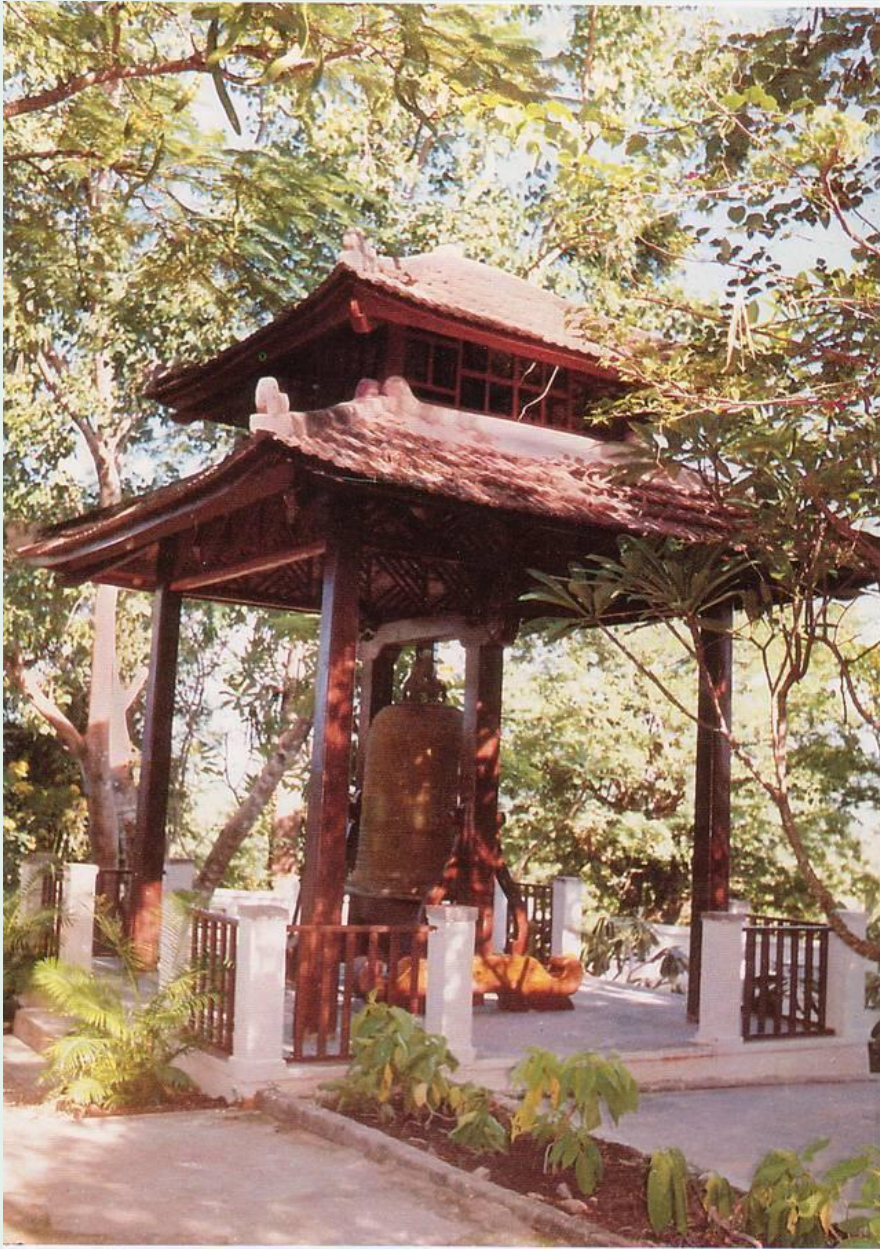
"Dù sao, đó cũng chỉ là cái vỏ bề ngoài," tôi tự an ủi như thế khi bước vào "nhà mình." Ba mẹ tôi đông con lắm, những mười bốn người lận. Người chị lớn nhất của tôi du học ở Mỹ, lập gia đình và ở luôn bên đó. Người chị thứ hai lấy chồng sĩ quan Không quân của chế độ cũ, đang sống với con tại Sài Gòn chờ chồng đi

học tập cải tạo. Anh thứ ba lập gia đình, đã có con, cũng ở Sài Gòn. Người chị thứ năm cũng đã lập gia đình, chồng là sĩ quan ngành Tâm lý chiến, mất tích trong chiến tranh, gởi đứa cháu trai cho gia đình tôi trông nom rồi phiêu dạt ở đâu trong Sài Gòn chưa thấy quay lại. Như vậy, trong mười bốn người con, chỉ có bốn người lập gia đình ở riêng; kể thêm tôi ở chùa nữa là năm người không có mặt trong nhà. Số còn lại là chín người tất cả, "quây quần" bên ba mẹ tôi trong cái nhà sau nhỏ xíu như chuồng bồ câu ấy.

Nhà tôi đã bị khánh tận. Hai chữ "khánh tận" đó được tôi hiểu rõ nhất là từ hoàn cảnh của gia đình ngày hôm nay. Đó là thực tế mà tôi biết được chỉ sau một vài phút ngồi trong nhà, nhìn anh chị em qua lại hay nói chuyện với nhau. Anh chị em tôi đang lao xao trong nhà thì đổi thành im lặng khi tôi mới bước vào. Đã nhiều năm không gặp mặt, bây giờ tôi về, cả nhà hãy còn ngỡ ngàng. Hình như họ không biết đón tiếp tôi bằng tư cách nào và bằng cách thế hiện nào. Họ chỉ nhìn tôi, cười chào. Những nụ cười chực khóc. Những nụ cười nửa như muốn che giấu, nửa như muốn bộc lộ tất cả những khổ đau, âm ức trước sự suy sụp của đại gia đình trong hoàn cảnh mới của đất nước. Cả nhà tôi đều thất nghiệp. Thật là một điều khó có thể tin nổi! Tính từ người chị kế tôi trở lên, cả nhà đều có trình độ đại học và một nửa nhân số ấy là giáo sư trung học, giáo viên tiểu học. Cả nhà đổ ra ngoài tìm kiếm việc làm đã nhiều tháng qua mà không ai có được một công việc nhỏ. Họ sẵn sàng chịu làm cu-li bốc vác, phu kiều lộ hay bất cứ công việc hạ tiện nào khác mà vẫn không được chính quyền mới khứng nhận. Lý do đơn giản là vì ba tôi đã làm việc cho chế độ cũ, khiến cả nhà bị kết chung một tội qua một bản cáo trạng bất thành văn là "ngụy quyền." Ngần ấy người

bị thất nghiệp hơn chín tháng rồi, bao nhiêu tài sản (thực ra có bao nhiêu đâu!) trong nhà biến thành vật đổi chác lấy gạo nuôi thân. Hữu, đứa em trai kế tôi, đứa em mà mới năm nào đã cùng tôi "phải lòng" hai chị em Trang và Thúy hàng xóm, phải tình nguyện vào Đoàn Thanh niên Xung phong sau một thời gian tìm việc không có. Đoàn Thanh niên Xung phong thực ra là một đoàn thể bán quân sự dẫn thân vào những nơi biên địa, rừng sâu, khai phá, dọn đường, đón chịu mọi tai họa để lót đường cho Quân Đội Nhân Dân tiến tới nơi muốn tiến. Chỉ có mình Hữu là tìm được lối thoát ra khỏi căn nhà tù túng, nghèo đói và sa cơ này với cái giá khá đắt là hiến cả tuổi thanh xuân của mình cho một công việc và lý tưởng mà em biết rằng không có gì cao đẹp.

Ba tôi là Chủ sự, kiêm một lô chức vụ quan trọng của Tòa Hành Chánh Tỉnh, bị bắt đi "học tập cải tạo" từ lúc chính quyền cộng hòa sụp đổ. Nay ông vừa được tạm thả về vì bị phủ thủng quá nặng lại còn bị áp huyết cao, hay nói mê nói sáng trong tù. Ba tôi chỉ ngồi một chỗ, ngâm đôi chân sưng vù trong chậu nước nóng. Anh chị em tôi, kẻ đứng người ngồi, ủ rũ, chán chường. Ngày Tết mà không khí trong nhà như có đại tang. Không bánh mứt, không trà, không pháo, không hoa, không nụ cười, không tất cả. Trước cảnh tượng buồn thảm đó, tôi muốn rơi nước mắt. Trong gia đình, ngoại trừ những anh chị đang ở xa, có lẽ tôi là người duy nhất đang có mặt ở đây mà không phải chịu chung cái cộng nghiệp khổ đau, tủi nhục ấy. Chúng tôi im lặng ngồi chung trong một gian nhà nhỏ, chẳng ai nói một lời. Chỉ có đứa em út mười một và đứa cháu trai bốn tuổi của tôi là còn biết đùa giỡn với nhau một cách vô tư. Nhưng tôi biết rõ, chúng đã chẳng có quần áo mới hay tiền lì xì để vui Tết cho đúng với lứa tuổi hồn nhiên của chúng. Và tôi cũng



biết rằng, nếu tôi nấn ná ngồi lâu hơn một chút, có thể tôi và cả nhà sẽ cùng rơi nước mắt trên nền gạch hoa của ngày đầu xuân. Tôi đứng đây, gởi lại tất cả tiền bạc có trong túi áo nhật bình cho cả nhà vui xuân hay mua thực phẩm. Rồi tôi vội vã quay trở về chùa.

Ba ngày Tết cũng trôi qua. Những ngày kế tiếp, tôi được thầy Thông Chánh đưa xuống bãi biển hóng gió. Có khi, chúng tôi đón gió biển từ ngôi tháp chuông trên đỉnh đồi Trại Thủy, hoặc băng đường núi, qua Kim Thân Phật Tổ, để nhìn ngắm biển và phố Nha Trang qua làn sương mỏng buổi chiều. Những cảnh trí thơ mộng và đẹp để đó lúc nào

cũng vậy, rục rờ một cách cao khiết và không bị chi phối bởi sự đổi thay của đất nước qua các chế độ. Nhưng quả thật là bây giờ tôi chỉ nhìn mà không thấy được, không thưởng thức được gì nữa. Tôi hãy còn đau xót trong lòng. Căn bệnh thể xác tôi mang trong người đã có vẻ thuyên giảm rất nhiều nhưng nỗi đau tâm hồn thì tôi lại bắt đầu nhuộm lấy. Nỗi đau đó không đơn giản như là sự xót thương cho hoàn cảnh gia đình, cho hoàn cảnh xã hội chung quanh. Hình như đó còn là một cảm giác thiếu vắng, một mong đợi bất thành. Từ ngày về Nha Trang, hình như trong sâu thẳm tâm thức của mình, tôi

đã cứu mang một nỗi hy vọng nào đó. Tôi muốn tìm một cái gì mới mẻ, tươi đẹp và bền bỉ hơn. Rõ ràng là khi hăm hở lao đầu vào hư không một cách cực đoan, tâm thức con người không bị vỡ nát đi bởi sự va chạm mà lại bị lộn nhào về phía khởi điểm.

Khi lững thững từ đỉnh đồi trở về phòng riêng, lần đầu tiên trong đời, tôi bỗng cảm nhận được một nỗi đau khổ quằn quại trong tự đáy tim mình. Tôi đau khổ. Đây không phải là cái đau khổ của một người bị trúng mũi tên độc. Tôi không bị trúng mũi tên nào cả. Tôi chỉ nghe được tiếng những mũi tên rít gió vụt bay qua, từ bốn phương, từ tám hướng... và tôi rung lên, rơi tề xuống vực thẳm hun hút không bao giờ thấu đáy. Ôi, nỗi đau không nói được nên lời. Nỗi đau cần được tựa vào một người nào khác, cần được an ủi và cần được chăm sóc một cách êm mát... Phải rồi, tôi biết rồi: tôi cần một người bạn. Trước đây tôi từng có những người bạn khá thân: Dũng, Kính, Sáng, Tửu... Bây giờ họ không có quanh tôi, nhưng nếu có, tôi cũng không cần họ nữa. Thiện hữu tri thức, ô, những người bạn mà khi gần họ trong ta nảy sinh thêm những hiểu biết và tăng lớn thêm những hạnh nguyện cao cả... Tôi không cần họ nữa. Vì họ sẽ không làm được gì với nỗi đau khổ của tôi. Tôi cần một người bạn khác với những người bạn mà tôi có trước đây. Một người bạn có thể không cần những cao vọng hay tham vọng giải thoát của tôi. Tôi không thể hình dung được người bạn ấy sẽ thế nào. Nhưng tôi biết, người bạn ấy, cũng như tôi, là một người đau khổ và cô đơn kinh tợn. Tâm thức bẽnh bồng mà lại bông rỗng như tôi bây giờ cần có một ngõ thoát, hay ít ra, phải có một người bạn như thế.

(mời xem tiếp Chương 6)

Vĩnh Hào